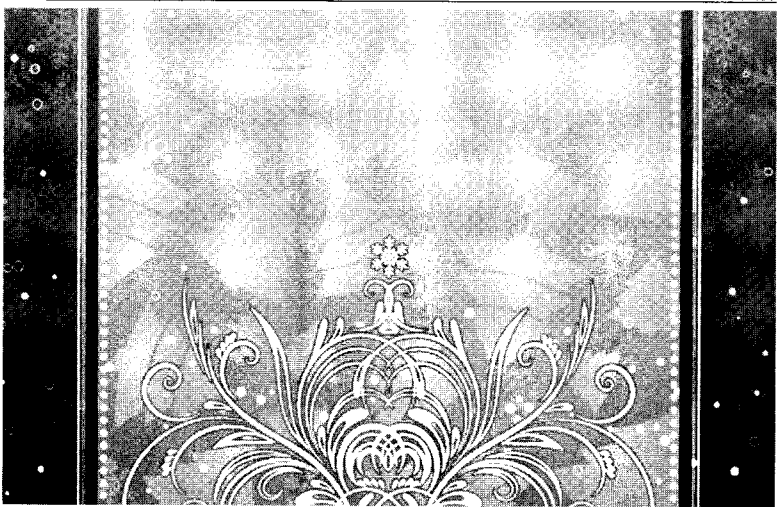


LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 47



Phẩm Thứ Mười Tám **(TIẾP THEO)**



Tác Vấn Thừa **(Hỏi về Đại thừa, tiếp theo)**

KINH:

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát dùng pháp vô sở đắc, đúng theo Tát bà nhã tâm vào các tam muội môn.

Có 108 tam muội, từ Thủ Lăng Nghiêm tam muội, ..., dẫn đến Ly Trước Như Hư Không Bất Nhiễm tam muội.

Bồ tát vào Thủ Lăng Nghiêm tam muội, biết rõ các hành tướng của các tam muội, ..., dẫn đến vào Ly Trước Như Hư Không Bất Nhiễm tam muội, thấy rõ các tam muội đều như hư không, vô ngại, nhưng chẳng nhiễm các tam muội.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn.

LUẬN:

Trước đây nói 18 không nhằm giải các tam muội. Nay nói 108 tam muội, nhằm giải Thiên na Ba-la-mật.

Khi nói về 108 tam muội, Phật mật ý nói rằng: Người lợi căn vào các tam muội này sẽ được sanh tín giải.

Những gì là 108 tam muội? Đó là:

1. Thủ Lăng Nghiêm tam muội:

Bồ tát vào tam muội này biết rõ các tam muội có hành tướng nhiều hay ít, sâu hay cạn. Ví như vị đại vương biết rõ mặt mạnh, mặt yếu của quân địch, lại có binh hùng tướng mạnh khiến dẫn quân đến đâu, thì ở đó giặc phải quy hàng.

2. Bảo Ân tam muội:

Bồ tát vào tam muội này, ẩn được các tam muội khác trong pháp bảo, thường làm lợi lạc quần sanh.

Như trong kinh Phật dạy rằng: Nay các Tỷ-kheo! Ta vì các người nói về Pháp Ân, Pháp Ân tức là Bảo Ân, cũng tức là Giải thoát môn.

Lại có thuyết nói: Ba Pháp Ân là Bảo Ân tam muội. Đó là hết thầy pháp vô thường, vô ngã, và tịch diệt Niết Bàn.

Hết thầy hàng Trời Người chẳng có thể phá hoại 3 pháp ẩn này được. Vào “Pháp Ân tam muội” là quán được 3 pháp vô thường, vô ngã và tịch diệt Niết Bàn, nên “Pháp Ân tam muội” được gọi là “Bảo Ân tam muội”

Lại có thuyết nói: Bát nhã Ba-la-mật là Bảo, Tương ưng tam muội là Ân.

3. Sư Tử Du Hý tam muội:

Bồ tát vào tam muội này có thể tự tại ra vào các tam muội khác. Ví như sư tử tự tại du hý khắp rừng, chẳng sợ các loài thú khác. Bởi vậy nên tam muội này còn gọi là Sư Tử Du Hý tam muội.

Lại nữa, Bồ tát vào tam muội này có đủ oai đức, nên pháp được các chấp của hàng ngoại đạo, khiến được nhiều người tin theo. Lại nữa, khi Bồ tát vào tam muội này thì cõi đất hiện 6 diệu chấn động, khiến chúng sanh ở cõi địa ngục đều được mát mẻ.

4. *Diệu Nguyệt tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, trừ được các vô minh hắc ám, Ví như mặt trăng tròn toả ánh sáng làm tan biến tối tăm.

5. *Nguyệt Tràng Tướng tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, thông đạt hết thảy các pháp, vì tam muội này nhiếp thu hết thảy các pháp tướng. Ví như bảo tràng làm theo hình mặt trăng che mát mọi vật, khiến ai thấy được cũng đều ưa thích.

Lại nữa, Bồ tát vào tam muội này, được trí huệ ngày càng thêm tăng trưởng. Ví như cây rừng gặp được cơn mưa càng tươi tốt thêm lên.

6. *Xuất Chư Pháp tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này có thể xuất sanh các tam muội khác.

7. *Quán Đảnh tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, khắp thấy các tam muội khác. Ví như đứng ở đảnh núi cao, có thể khắp thấy các cảnh vật ở trong vùng.

8. *Tát Pháp Tánh tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, có thể thấy được các pháp, tuy vô lượng mà pháp tánh chẳng phải hai. Tam muội này rất khó chấp trì, ví như dùng thần túc thông mà trú giữa hư không vậy.

Tam muội này là tam muội tối tôn, tối trọng. Ví như giữa ba quân thì vị đại tướng là bậc tối tôn, tối trọng vậy.

9. *Tất Tràng Tướng tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, có thể nắm giữ bảo tràng của các tam muội khác

10. *Kim Cang tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, thông đạt hết thảy các pháp, phá được hết thảy các chấp, được tâm kiên cố như kim cương, chẳng có gì có thể phá được.

11. *Nhập Pháp Ấn tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, có thể nhập vào các pháp ấn. Ví như người mang thông hành có dấu ấn của nhà vua, được tự do ra vào nơi hoàng cung, Bồ tát vào tam muội này, được tự tại nhập vào thật tướng các pháp.

12. *Tam Muội Vương An Lập tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, an lập được các tam muội khác. Ví như một vị đại vương ở trong hoàng cung, có đại oai lực, nhiếp phục được thần dân khắp cả nước.

Lại nữa, Bồ tát vào tam muội này được an lạc tự tại. Ví như vị đại vương sống thư thái trong cung điện vậy.

13. *Phóng Quang tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, phóng đại quang minh, hóa thân biến khắp 10 phương.

Vì Bồ tát thường tu Nhất thiết quán, nên sanh các lực thần thông, tùy ý phóng các quang minh muôn sắc, lại tùy theo tâm niệm của chúng sanh mà chiếu các tam muội.

Nên biết quang minh có 2 nghĩa là:

- Sắc quang.
- Trí huệ quang.

Bởi vậy nên Bồ tát trú trong tam muội này phát trí huệ quang, phá tan các tà kiến vô minh.

14. *Lực Tấn tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, có đầy đủ thể lực đối với các tam muội khác. Do vậy mà được thể lực tự tại, thường biến hoá để cứu độ chúng sanh.

15. *Cao Xuất tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, được tăng trưởng các phước đức nhân duyên, làm tăng trưởng các tam muội khác.

16. *Tất Nhập Biện Tài tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, được 4 vô ngại trí, lại dùng được các ngữ ngôn của chúng sanh, và phân biệt được các kinh thơ văn tự một cách vô ngại.

17. *Nhập Danh Tự tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, biết rõ các pháp đều như hư không. Thế nhưng vì giáo hóa chúng sanh, mà Bồ tát vẫn dùng các danh tự để nói ra các nghĩa, khiến người nghe được giải rõ.

18. *Quán Phương tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, khởi từ bi tâm thương xót chúng sanh, quán chúng sanh khắp 10 phương, thấu rõ đạo lý, được các lực phương tiện tam muội. Vào tam muội này được đầy đủ đạo lý, ra vào các tam muội một cách vô ngại.

19. *Đà La Ni Ấn tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, phân biệt được các tam muội và vào được các đà la ni.

20. *Vô Cuống tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, chẳng còn sanh ái nhuế, vô minh, tà kiến.

21. *Nhiếp Chư Pháp Hải tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, nhiếp cả 3 thừa pháp và hết thấy các tam muội khác. Ví như biển lớn thu nhiếp được hết thấy các nguồn nước từ các sông chảy đến.

22. *Biển Phú Hư Không tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, có vô lượng, vô biên lực tam muội trùm khắp cả hư không. Dù đang ngồi kiết già, dù đang phóng quang mà phát ra tiếng nói, thì tiếng nói cũng vẫn lan truyền đầy khắp cả hư không.

23. *Kim Cang Luân tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, có thể đi đến tự tại như ngựa trên Kim cang luân vậy.

Luân có nghĩa là luân chuyển tùy ý, nên Kim cang luân tam muội ví như Kim cang luân.

24. *Bảo Đoạn tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, dứt trừ được các phiền não cấu.

25. *Năng Chiếu tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, có đầy đủ 10 trí, chiếu rõ các pháp, ví như mặt trời chiếu ánh sáng khắp nơi.

26. *Bát Cầu tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, biết rõ các pháp là như huyễn, như hoá, nên chẳng có pháp nào để cầu cả. Lại do đã đoạn hết ái, nên chẳng có chỗ nào để cầu cả. Tam muội này còn được gọi là Ái Đoạn tam muội.

27. *Vô Trụ tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, thấy rõ niệm niệm là vô thường,

chẳng nên trứ.

28. *Vô Tâm tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, chẳng còn hiện hành các tâm và tâm sở hữu. Đây là Diệt Tận Định.

29. *Tịnh Đẳng tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, được trí huệ thanh tịnh, ví như ngọn đèn ở nơi khuất gió toả sáng ổn định vậy. Đây là do ly cấu mà được trí huệ thanh tịnh.

30. *Vô Biên Minh tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, phóng quang minh rộng độ chúng sanh, lại phân biệt rõ biệt tướng và tổng tướng của các pháp. Do vậy mà thấy được suốt khắp cả 10 phương thế giới, ví như ở trong đêm tối, nhờ có ánh sáng đèn mà thấy rõ được các vật.

31. *Năng Tác Minh tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, có huệ lực làm sáng tỏ các tam muội khác, như ánh sáng làm cho các vật hiển lộ ra.

32. *Phổ Chiếu Minh tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, khắp chiếu các pháp, ví như viên bảo châu của vị chuyển luân thánh vương chiếu suốt 1 do tuần, làm cho cả 4 bên đều được chiếu sáng.

33. *Kiên tinh Chư Tam muội tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, làm cho các tam muội khác đều trở thành kiên cố, thanh tịnh.

Do vậy mà thường được thanh tịnh, chẳng hề bị cấu nhiễm.

34. *Vó Cấu minh tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, ly hết thảy các ấu uế. Tam muội này tương ưng với 3 Giải thoát môn.

35. *Hoan Hỷ tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, sanh tâm hoan hỷ, được hoan hỷ lạc.

36. *Điện Quang tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, chiếu rõ đường đi đến vô lượng thế giới, ví như điện chớp chiếu sáng cả bầu trời.

37. *Vô Tận tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, thấy rõ các pháp đều bất sanh, bất diệt.

38. *Oai Đức tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, được oai đức trang nghiêm.

39. *Ly Tận tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, chẳng thấy các tam muội cùng tận, khiến các quả báo công đức trong vô lượng A tăng kỳ kiếp đều được nguyên vẹn chẳng mất.

40. *Bất Động tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, ly được các động tướng.

Có người vào tứ Thiên, do ly hơi thở ra vào, mà chẳng còn các động tướng.

41. *Bất Thối tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, chẳng thấy tâm thối thất nơi các tam muội khác. Như vậy là được tương ưng với “Bất thối trí huệ”, chẳng còn đọa đánh nữa.

42. *Nhật Đăng tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, phóng quang minh chiếu khắp các tam muội, ví như mặt trời chiếu khắp tất cả.

43. *Nguyệt Tinh tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, được vô sanh pháp nhẫn, được Phật thọ ký, được trí huệ thanh tịnh, ví như ánh sáng trăng rằm.

44. *Tinh Minh tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, được vô ngại trí, chẳng còn bị các pháp làm chướng ngại. Do được 4 vô ngại trí soi sáng nên được tương ứng với Bát nhã Ba-la-mật, được thật trí huệ như kim cang.

45. *Năng Chiếu Minh tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, dùng quang minh chiếu rõ các tam muội khác.

46. *Tác Hành tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, khiến các tam muội khác đều có chỗ tác hành.

47. *Trí Tướng tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, thấy rõ các hành tướng của tam muội khác.

48. *Như Kim Cang tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, thông đạt hết thảy các pháp mà chẳng thấy có vào tam muội.

Trước đây đã nói về Kim Cang tam muội, rồi tiếp theo đó cũng đã nói về Kim Cang luân tam muội.

Nay nói thêm về Như Kim Cang tam muội.

Ví như Kim Cang phá được hết thảy các vật. Bồ tát vào các tam muội này, phá được hết thảy các phiền não, dẹp bỏ hết thảy các chướng ngại, vào Vô dư Niết Bàn, chẳng bao giờ còn trông thấy các điều mê ám. Bồ tát vào các tam muội này, được thiên nhãn thông, thấy khắp 10 phương thế giới.

49. *Tâm Trụ tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, được tâm bất động, chẳng còn bị lay chuyển, chẳng còn bị não loạn, mà vẫn chẳng thấy mình có tâm như vậy

50. *Phổ Minh tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, khắp thấy quang minh của các tam muội khác.

51. *An Lập tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, an lập hết thảy các công đức, ví như núi Tu di ở giữa biển, dù gió thổi mạnh cả 4 phương mà cũng vẫn được an lập, bất động.

52. *Bảo Tụ tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, biến các cõi nước thành 7 báu. Vì sao? Vì 6 trần bên ngoài là bất định, nên khi vào được tâm thiên định, thì có thể biến bản tướng của 6 trần thành ra tướng của 7 báu vậy.

53. *Diệu Pháp Ấn tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, được vô ấn pháp, khiến thành tựu được các công đức trí huệ.

54. *Pháp Đẳng tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, quán hết thảy các pháp đều bình đẳng như nhau.

55. *Đoạn Hỷ tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, quán các pháp đều là không, khiến dứt được các niềm hỷ nơi các pháp nên chẳng còn dấy sanh phiền não, kiết sử nữa.

56. *Đáo Pháp Đánh tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, vượt lên trên các tam muội khác, vượt lên tột đỉnh núi pháp, nên vô minh phiền não chẳng lay động được.

57. *Năng Tán tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, phá được hết thảy các pháp tướng, chẳng còn bị vướng nhiễm.

58. *Phân Biệt Chư Pháp Cú tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, phân biệt được các ngôn ngữ, danh tự nên được lạc thuyết vô ngại.

59. *Tự Đẳng Tướng tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, được “tự đẳng” của các tam muội.

60. *Ly Tự tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, được “ly tự” nơi các tam muội

61. *Đoạn Duyên tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, biết rõ được các duyên sanh.

Bồ tát vào tam muội này, biết rõ được các duyên sanh pháp đều là rốt ráo không. Do đoạn được tam duyên nên các tâm hành xứ đều diệt.

62. *Bất Hoại tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, biết rõ các pháp rốt ráo là không, nên chẳng thấy có pháp nào biến hoại cả.

63. *Vô Chủng Tướng tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, chẳng thấy các pháp thuộc về các chủng loại khác nhau, vì biết rõ các pháp chỉ là một tướng (nhất tướng).

64. *Vô Hành Xứ tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, thấy rõ 3 độc tham, sân, si đều là lửa thiêu đốt chúng sanh trong 3 cõi, nên tâm chẳng y chỉ nơi hành xứ của các tam muội.

65. *Ly Mông Muội tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, xa lìa được vi tế vô minh nơi các tam muội.

66. *Vô Khứ tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, chẳng thấy các pháp có đi đến (khứ lai)

67. *Bất Biến Dị tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, chẳng thấy các tam muội có tướng thay đổi (biến dị)

68. *Độ Duyên tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, tận diệt các phiền não, vượt qua hết các cảnh duyên của 6 trần, nên cũng vượt qua hết các cảnh duyên của các tam muội. Đây là duyên sanh trí huệ.

69. *Tập Chư Công Đức tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, chứa các nhóm công đức, sanh tín tâm và trí huệ, khiến sự tu tập được tương tục, chẳng bao giờ ngưng nghỉ, ví như mặt trời chẳng bao giờ ngưng nghỉ chiếu sáng vậy.

70. *Trụ Vô Tâm tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, chẳng có chỗ trú tâm ở nơi các tam muội, chẳng tùy tâm hành, chỉ tùy huệ hành, nên vào được thật tướng pháp.

71. *Tịnh Diệu Hoa tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, khiến các tam muội khác đều được tịnh diệu, trang nghiêm, tươi đẹp như hoa.

72. *Giác Ý tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, khiến các tam muội khác đều trở thành vô lậu, tương ưng với 7 giác chi.

73. *Vô Lượng Biện tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, được lạc thuyết vô ngại, ở trong 1 câu nói ra có hàm chứa vô lượng nghĩa.

Tam muội này còn được gọi là Lạc Thuyết Biện Tài tam muội.

74. *Vô Đẳng Đẳng tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, quán hết thấy chúng sanh đều là Phật, quán hết thấy Pháp đều là Phật pháp.

Vô Đẳng Đẳng tam muội tương ưng với Bát nhã Ba-la-mật.

75. *Phân Biệt Chư Pháp tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, thấy các pháp thiện, bất thiện, hữu vi, vô vi, hữu lậu, vô lậu v. v... đều là bình đẳng tướng.

Phân biệt chư pháp tam muội còn được gọi là Phân Biệt Huệ Tương Ứng tam muội.

76. *Đô Chư Pháp tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, là vào được 3 giải thoát môn, siêu xuất thế gian, rộng độ chúng sanh.

77. *Tán Nghi tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, được vô sanh pháp nhãn, đoạn được các lưới nghi nơi các pháp, thấy được thật tướng các pháp, và thấy được 10 phương thể giới chư Phật.

Vô ngại giải thoát tương ưng với tam muội này. Chư Phật vào tam muội này, nên ở nơi các pháp đều được vô ngại, tự tại.

78. *Vô Trụ Xứ tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, thấy các pháp chẳng có trụ xứ nhất định.

79. *Nhất Trang Nghiêm tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, quán các pháp là nhất tướng, là vô tướng.

80. *Sanh Hành tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, biết rõ các hành tướng như: nhập tướng, trú tướng, xuất tướng v. v... của các pháp đều chẳng thể thấy được (bất khả kiến).

81. *Nhất Hành tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, chẳng thấy có bờ bên này, bờ bên kia, lại thấy các hành chi là thường nhất, chẳng có tạp hành.

82. *Bất Nhất Hành tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, chẳng thấy các tam muội cùng hành tướng.

83. *Diệu Hành tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, quán các pháp rốt ráo không,

chẳng thấy các tam muội có hai tướng, nên hết thầy các hý luận đều chẳng thể phá được.

84. *Đại Nhất Thiết Hữu Để Tán tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, được vô lậu trí huệ, dẫn đến ly Phi hữu tướng phi vô tướng, vào vô dư Niết Bàn, nên cả 3 cõi, và 5 âm đều tán diệt.

85. *Nhập Danh Ngữ tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, biết rõ hết thầy pháp chi là danh tự. Tuy nhiên vẫn dùng danh tự, ngữ ngôn, để giáo hóa chúng sanh.

86. *Ly Âm Thanh Tự Ngữ tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, chẳng thấy có âm thanh, có ngôn ngữ, vì tướng của các pháp là thường tịch diệt.

87. *Nhiên Cư tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, dùng được trí huệ tự soi sáng, nên ở nơi các pháp chẳng hề có lầm lẫn, ví như người cầm đuốc đi đêm chẳng bị lạc về chốn nguy hiểm.

88. *Tĩnh Tướng tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, có đầy đủ 32 tướng tốt trang nghiêm, thanh tịnh, lại quán được tổng tướng và biệt tướng của các pháp, biết rõ các pháp đều là vô tướng, đều là thanh tịnh.

89. *Phá Tướng tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, chẳng trú nơi hết thầy pháp tướng. Phá tướng tam muội còn được gọi là Vô Tướng tam muội.

90. *Nhất Thiết Chủng Diệu Túc tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, được đầy đủ các thứ trang nghiêm, như sanh vào dòng họ tốt, vào gia đình tốt, có

thân tướng tốt, có quyền thuộc tốt, có thiên định và trí huệ đầy đủ.

91. *Bát Hỷ Khổ Lạc tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, quán thể gian chẳng có gì là khổ, cũng chẳng có gì là vui, chỉ do ái mà khởi sanh có hỷ, có khổ, có lạc, hỷ lạc còn chẳng ham, hưởng nữa là khổ.

92. *Vô Tận Tướng tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, thấy các pháp chẳng có hoại, chẳng có tận. Thấy như vậy, nhưng cũng chẳng đọa về thường kiến. Vì sao? Vì ở nơi các pháp, thì thường tướng và đoạn tướng đều là bất khả đắc cả. Bởi vậy nên Bồ tát quán vô thường mà chẳng rơi về đoạn kiến, quán vô tận mà chẳng rơi về thường kiến.

Phàm phu do chấp có nhân duyên nên mới sanh có tội phước, còn Bồ tát thường ly các chấp, nên được vô ngại, tự tại.

93. *Đà La Ni tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, có thể chấp trì đầy đủ các môn đà la ni, tam muội.

94. *Nhiếp Chư Tà Chánh Tướng tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, chẳng thấy chúng sanh có chánh định, tà định hay bất định, cũng chẳng thấy có các tướng chánh định, tà định hay bất định ở nơi hết thảy các pháp.

95. *Diệt Tăng Ái tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này. Chẳng sanh tâm ghét hay thương hết thảy các pháp.

96. *Thuận Nghịch tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, thì nơi các pháp thuận cũng như nghịch, đều được tự tại.

Dù thuận, dù nghịch, Bồ tát cũng khởi đại bi tâm giáo hoá hết thấy chúng sanh, mà chẳng sanh chấp phân biệt. Bồ tát chẳng thấy có pháp thuận hay nghịch, vì biết rõ các pháp đều là vô sở hữu.

97. *Tịnh quang tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, thấy rõ các phiền não cấu uế đều là bất khả đắc. Vì là bất khả đắc, nên cũng đều là thanh tịnh cả.

98. *Kiên Cố tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, thấy các tam muội kiên cố, bất hoại.

99. *Mãn Nguyệt Tịnh Quang tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, thường được thanh tịnh, chẳng có lấm lạc. Ví như mặt trăng rằm mùa thu, tròn đầy, toả ánh sáng khắp mọi nơi, tam muội này phá hết thấy vô minh hắc ám, khiến được trí huệ thanh tịnh, quang minh, để làm các việc lợi ích cho chúng sanh.

100. *Đại Trang Nghiêm tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, thấy các thế giới Phật khắp trong 10 phương, đều có 7 báu trang nghiêm. Bồ tát được trang nghiêm công đức như vậy, mà vẫn quán sự trang nghiêm đó là vô sở hữu, nên chẳng sanh tâm chấp đắm.

101. *Năng Chiếu Nhất Thiết Thế tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, chiếu khắp các tam muội, cùng khắp tất cả các pháp.

102. *Tam Muội Đẳng tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, thấy hết thấy các tam muội cùng hết thấy các pháp đều bình đẳng. Do duyên hoà hợp sanh, mà có phân biệt, có pháp hữu vi, pháp vô vi... Thế nhưng ở nơi các tam muội cũng như ở nơi các pháp, Bồ tát đều thấy bình đẳng, chẳng có định tướng hay loạn tướng, vì các pháp tướng đều bình đẳng.

103. *Nhiếp Nhất Thiết Hữu Tránh Vô Tránh tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, chẳng thấy các pháp đúng hay sai, phải hay quấy, cũng chẳng phân biệt có tranh cạnh (hữu tránh) hay chẳng có tranh cạnh (vô tránh). Bởi vậy nên, ở nơi hết thấy các pháp. Bồ tát đều được thông đạt vô ngại, để tùy theo tâm niệm của từng chúng sanh mà độ họ.

104. *Bất Lạc Nhất Thiết Trụ Xứ tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, chẳng ưa trú ở bất cứ trụ xứ nào, dù là thế gian hay là xuất thế gian, vì biết rõ thật tướng của các trụ xứ vốn là vô tướng.

105. *Như Trụ Định tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, chẳng hề ly tướng như như các tam muội.

106. *Hoại Thân Suy tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, biết rõ thân thường bị đói khát, nóng lạnh, sân si... dễ bị tán hoại. Bởi vậy nên, Bồ tát dùng trí huệ để phá các chấp về suy tướng ở nơi thân, vì biết rõ thân là bất khả đắc.

107. *Hoại ngữ Như Hư Không tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, quán thấy rõ nhân duyên sanh ra

các ngôn ngữ đều là như hư không, nên chẳng có khởi sanh tướng ngã, cũng chẳng khởi sanh vui buồn, thương ghét.

108. *Ly Trước Như Hư Không Bất Nhiễm tam muội:*

Bồ tát vào tam muội này, thấy thân chẳng phải là thân (vô thân), nên ly được hết thảy sắc, phá được hết thảy các kiết sử nhân duyên bất định, ..., dẫn đến thọ được pháp thân thanh tịnh... Bồ tát vào tam muội này, hiện hình như hư không, mà chẳng nhiễm hư không, cũng chẳng nhiễm tam muội; lại thường hành Bát nhã Ba-la-mật, quán các pháp rốt ráo là không, là bất sanh, là bất diệt, là như hư không.

Bồ tát vào tam muội này, chẳng chấp các pháp, cũng chẳng chấp hư không, mà vẫn dùng các phương tiện nhiễm nghiệp nhân duyên, để hoá độ chúng sanh.

-o0o-

Hỏi: *Vì sao, Phật chỉ nói lược về các tam muội, mà ở đây lại nói nhiều về các nhân duyên sanh pháp?*

Đáp: Đức Phật phần nhiều nói về quả báo. Còn người tạo luận cần phải nêu nhiều thí dụ hợp với các nhân duyên dẫn đến quả báo. Ví như do quán thân bất tịnh, mà vào được Bất Tịnh tam muội, thì quán thân là nhân duyên, và Bất Tịnh tam muội là quả báo. Ví như do nhân duyên quán vô thường, khổ, không, vô ngã, mà được 7 Giác chi, 8 Thánh đạo, dẫn đến được 4 quả Thanh Văn.

Lại nữa, Phật thì chỉ nói ít, mà người tạo luận cần rộng giải để chúng sanh đời sau dễ hiểu.

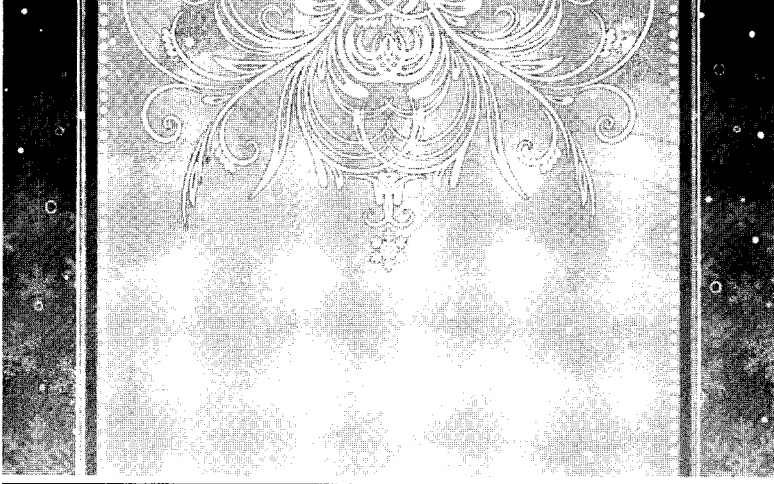
Ví như, khi nói về các pháp hữu lậu là nhân duyên sanh khổ, Phật chỉ nói “ái” là nguồn gốc của hết thảy phiền não.

Ví như, khi nói về Diệt Đế, thì Phật chỉ nói đến “ái tận” là khổ tận. Trong khi đó, thì Bồ tát, ở nơi các quán hạnh, phải nói rộng về các pháp quán tam muội. Nói như vậy, mà người nghe vẫn còn chưa hiểu rõ.

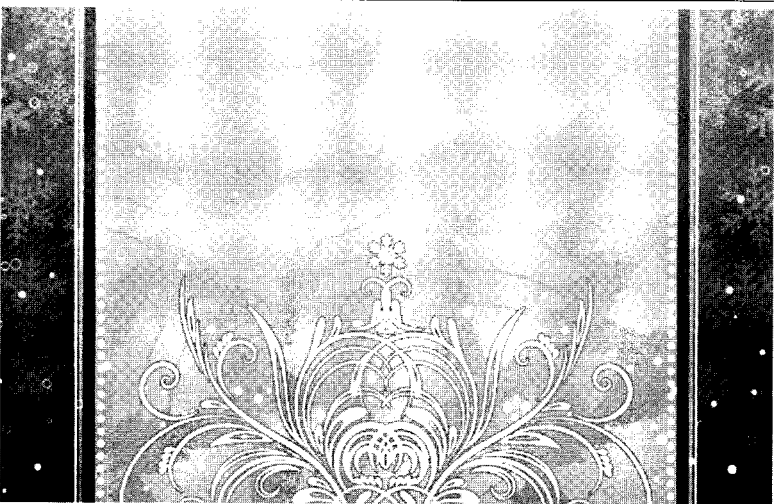
Lại nữa, Phật chỉ nói về các tam muội; còn người tạo luận phải rộng nói về các pháp nhiếp ở trong các tam muội, lại phải nói các tam muội cùng hết thảy pháp đều bất khả đắc, đồng nghĩa với Bát nhã Ba-la-mật.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói: Hành vô lượng, vô biên tam muội hòa hợp là hành Ma ha diễn.

(Hết quyển 47)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 48



Phẩm Thứ Mười Chín



Quảng Thừa
(Thừa Rộng Lớn)

KINH:

Phật bảo ngài Tu Bồ Đề: Này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn, tu 4 niệm xứ.

Thế nào là 4 niệm xứ?

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, theo thân, mà quán nội thân, chẳng thấy có thân giác, vì là bất khả đắc; theo thân, mà quán ngoại thân, quán nội ngoại thân, cũng chẳng thấy có thân giác, vì là bất khả đắc. Do vậy, mà nhất tâm, tinh tấn trừ tham ưu thế gian.

Bồ tát, theo thọ, theo tâm, theo pháp mà quán nội thọ, nội tâm nội pháp, ngoại thọ, ngoại tâm, ngoại pháp, nội ngoại thọ, nội ngoại tâm, nội ngoại pháp, cũng chẳng thấy có thọ giác, có tâm giác, có pháp giác, vì đều là bất khả đắc. Do vậy, mà nhất tâm, tinh tấn trừ gian tham ưu thế gian.

Thế nào là Bồ tát, theo thân mà quán nội thân?

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát khi đi biết là mình đi, khi đứng biết là mình đứng; khi ngồi biết là mình ngồi; khi thân hành động như thế nào cũng biết mình hành động như vậy cả.

Như vậy là Bồ tát theo thân mà quán nội thân, nhất tâm, tinh tấn trừ tham ưu thế gian.

Lại nữa, Bồ tát khi đi, khi đến, khi nhìn, khi nhìn ngó, khi co duỗi chân tay, khi cúi đầu, khi ngẩng đầu, khi mặc áo Tăng Già Lê, khi cầm bát, khi ăn uống, khi nói năng, ..., dẫn đến khi nhập thiền, khi xuất thiền cũng đều như vậy cả.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, quán nội thân bất khả đắc. Khi quán, Bồ tát nhất tâm niệm hơi thở ra vào; thở ra biết mình thở ra; thở vào biết mình thở vào; thở dài biết mình thở dài; thở ngắn biết mình thở ngắn. Bồ tát quán nội thân như vậy, nên nhất tâm, tinh tấn trừ tham ưu thế gian, vì biết thân là bất khả đắc.

Thế nào là quán thân tứ đại?

Này Tu Bồ Đề! Ví như người thợ lò trâu, dùng dao bén giết trâu, đem chia ra làm 4 phần, rồi quan sát 4 phần đó; Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, quán thân do 4 đại hoà hợp tạo thành, cũng là như vậy, đây là Bồ tát theo thân mà quán nội thân, biết rõ nội thân là bất khả đắc.

Lại nữa, Bồ tát quán thân, từ chân lên đến đỉnh đầu chứa toàn những thứ dơ bẩn, bất tịnh, che đậy dưới một lớp da mỏng; quán thân có móng chân, móng tay, da mỏng, da dày, xương tủy, tim, gan, tỳ, vị, ruột non, ruột già, máu huyết, phân, nước tiểu...; lại quán tất cả những thứ này được các gân liên kết lại với nhau thành một khối.

Ví như, người làm ruộng cất giấu trong kho, nào lúa, nào đậu, nào mè... Người đứng bên ngoài nhìn vào chẳng sao có thể thấy được bên trong kho có cất giấu những gì. Nhưng nếu cửa kho hé mở, thì người tinh mắt liền thấy được các thứ cất giấu trong kho. Bồ tát quán thân, từ chân lên đến đỉnh đầu, chứa toàn thứ bất định, cũng là như vậy. Do quán thấy như vậy, nên Bồ tát nhất tâm, tinh tấn trừ tham ưu thế gian, biết rõ thân là bất khả đắc.

Lại nữa, Bồ tát quán thân người chết, sau vài ngày, sẽ phình trương, hôi thối, mà tự nghĩ rằng thân mình rồi đây cũng sẽ như vậy. Do quán thấy như vậy, nên Bồ tát nhất tâm, tinh tấn trừ tham ưu thế gian, biết rõ thân là bất khả đắc.

Lại nữa, Bồ tát quán thân người chết, sau 6,7 ngày mà chẳng được chôn cất thì sẽ trở thành mồi ngon cho điều quạ rúc rĩa, cho lang sói gặm xương xé thịt,... mà tự nghĩ rằng thân mình rồi đây cũng như vậy. Do quán thấy như vậy, nên Bồ tát nhất tâm, tinh tấn trừ tham ưu thế gian, biết rõ thân là bất khả đắc.

Lại nữa, Bồ tát quán thân người chết vứt bỏ lâu ngày ngoài mưa gió, sẽ rã rời, chỉ còn nắm xương trắng; quán thân của nhiều người chết, vứt bỏ lâu ngày, sẽ trở thành những đống xương trắng mục nát, ngổn ngang trên mặt đất, mặc cho gió táp, mưa sa mà tự nghĩ rằng thân mình rồi đây cũng là như vậy. Do quán thấy như vậy, nên Bồ tát nhất tâm, tinh tấn trừ tham ưu thế gian, biết rõ thân là bất khả đắc.

Lại nữa, Bồ tát quán thân người chết, trải qua thời gian dài, sẽ trở thành đất, mà tự nghĩ rằng thân mình rồi đây cũng là như vậy. Do quán thấy như vậy, nên Bồ tát nhất tâm, tinh tấn, trừ tham ưu thế gian, biết rõ thân là bất khả đắc.

Bồ tát, theo thân, quán nội thân, quán ngoại thân, quán nội ngoại thân đều là bất khả đắc cả. Đây là quán thân niệm xứ. Dẫn đến thọ niệm xứ, tâm niệm xứ và pháp niệm xứ, Bồ tát cũng quán y như vậy cả.

Bồ tát dụng pháp vô sở đắc, tu 4 niệm xứ như vậy, gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn.

LUẬN:

Hỏi: Trong 4 niệm xứ có nhiều pháp quán. Vì sao chỉ nói đến 12 pháp quán mà thôi? Vì sao nói nội ngoại quán?

Lại nữa, thân niệm xứ nhiếp về nội pháp, tâm niệm xứ nhiếp về ngoại pháp. Như vậy, ở nơi thân đã có đủ cả thân và tâm rồi, đã nhiếp đủ cả nội lẫn ngoại rồi. Vì sao chẳng nói quán thân, mà lại nói theo thân mà quán? Vì sao nói quán thân, mà chẳng có sanh thân giác? Vì sao nói cần phải nhất tâm, tinh tấn?

Lại nữa, tu 4 niệm xứ là trừ được hết 5 triền cái. Như vậy vì sao chỉ nói đến trừ tham ưu thế gian? Vì sao lại phải quán thân bất tịnh?

Lại nữa, 4 oai nghi ở thân là việc dễ biết. Còn phải nói làm gì nữa?

Đáp: Có 12 pháp quán hạnh. Hành giả y theo định tâm, thấy có 3 tà hạnh, nên quán nội thân, quán ngoại thân, và cả quán nội ngoại thân, mới phá trừ được 3 tà hạnh, rồi mới có được 3 chánh hạnh.

Có người chấp nội tình nhiều, ngoại tình ít, thâm quán nội thân đến độ chẳng còn biết đến cha mẹ, vợ con, thân thuộc, trở thành cuồng si.

Lại, có người chấp ngoại tình nhiều, nội tình ít; dẫn đến tham đắm của cải, khiến phải bị mất mạng, hoặc trở thành kẻ bạo tàn, đi giết người, cướp của, gây ra bao nhiêu tội lỗi.

Lại, có người đắm chấp cả nội tình lẫn ngoại tình, vừa cuồng si mê muội, vừa tham sân tật đố, tự hại mình và hại người.

Bởi vậy, nên phải tu tập 3 chánh hạnh, nhằm đối trị 3 tà hạnh.

Nếu biết tự thân là nội thân, tha thân là ngoại thân.

Như nói về 5 căn, nói về 9 lỗ (cửu khiếu) nơi thân là nói về nội thân, như nói về 5 trần là nói về ngoại thân.

Như vậy là phân biệt rõ giữa nội thân và ngoại thân.

Người tu hành, trước hết, phải biết rõ các pháp hữu vi là vô thường, khổ, không, vô ngã, mới có được trí huệ quán.

Khi quán nội thân, chẳng nên chấp vào các tướng tốt đẹp của thân.

Cho nên, nếu còn chấp nội thân là thường, lạc, ngã, tịnh, thì hành giả cũng phải quán ngoại thân là bất khả đắc.

Khi quán nội thân và ngoại thân đều bất khả đắc, thì hành giả sẽ được tâm chánh định. Ở nơi chánh định, hành giả sẽ biết rõ thân là vô thường, khổ, không, vô ngã; sẽ biết rõ thân là như bệnh, như ung nhọt, như ghẻ lở; sẽ biết rõ 9 lỗ nơi thân là ô uế.

Lại nữa, hành giả còn phải quán thân, khi chết sẽ bị tán hoại, sẽ bị tiêu diệt; hành giả lại còn phải quán thân, khi còn sống, cũng thường bị đói khát, bị nóng lạnh, chịu sự chê bai, khinh miệt, chịu cảnh già, bệnh, chết, bị bao nhiêu thứ khổ đoanh vây, chẳng có lúc nào được tự tại.

Lại nữa, khi quán về “nội thân” hành giả phải quán nội thân chẳng có chủ tác, nên chẳng có tri giả, kiến giả và thọ giả, phải quán nội thân chỉ do nhân duyên hoà hợp, mà có tạo sanh, tự diệt, nhưng thật ra nội thân hoàn toàn bất khả đắc.

Bởi nhân duyên vậy, nên khi quán nội thân, quán ngoại thân, hành giả phải quán theo nghĩa của 18 không.

Cứ theo thân mà quán sát, thì sẽ biết rõ thân đầy dẫy thứ bất tịnh, lại còn chịu cảnh đói khát, rét bức, còn chịu cảnh già, bệnh, và sau cùng, khi chết thân này sẽ bị hủy hoại, sẽ

trở về với 4 đại. Hành giả phải nên quán thân tướng, từ ngoại đến nội, từ gốc đến ngọn, đều rớt ráo không cả.

Phật dạy: Theo thân mà quán các pháp, thì mới chẳng còn chấp thân.

Khi quán thân bất tịnh, thì hành giả chẳng còn sanh các giác quan tham, sân, si nữa...

Phàm phu, do chấp thủ thân tướng, mà phải chìm đắm trong si mê, lầm lạc, gây ra biết bao nhiêu tội lỗi. Bồ tát chẳng chấp thủ thân tướng, nên khi quán thân, liền được nhất tâm.

-o0o-

Lại nữa, thiện tri thức dễ ly mà cha con khó ly; cha con dễ ly mà thân khó ly, thân dễ ly mà tâm khó ly. Bởi vậy nên Bồ tát tự mình phải nhất tâm tinh tấn quán các pháp đều là bất khả đắc. Ví như cưa cây để cầu có lửa, thì phải nhất tâm, tinh tấn, chẳng ngừng nghỉ, mới mong có được lửa vậy.

-o0o-

Lại nữa, muốn trừ tham ưu, thì phải trừ tận gốc, phải tận trừ cả 5 triền cái. Ví như khúc tre có 5 đốt, thì phải chẻ suốt cả 5 đốt đó.

Người tu hành, xuất gia, học đạo, là đã xả thế lạc rồi. Thế nhưng, nếu chưa có được định lạc, thì tâm vẫn còn sanh niệm tham ưu. Bởi vậy nên Phật dạy: Người tu hành phải nhất tâm tinh tấn trừ tham ưu thế gian.

Vì sao? Vì tham là tham các việc vui ở thế gian, nên phải quán thân bất tịnh, mới trừ được tận gốc các tham ưu thế gian được.

Lại nữa, vì chúng sanh tham chấp dục lạc, nên trước hết phải trừ tham dục, để mở đường vào đạo. Bởi vậy nên người tu hành phải thường quán niệm 4 oai nghi ở nơi thân mình.

Vì sao? Vì dục là kẻ giặc phá hoại thân tâm, phải nhất tâm mới đối trị được. Bằng cách quán 4 oai nghi, đi, đứng, nằm, ngồi; bằng cách tọa thiền, quán thân, người tu sẽ được thân tâm an lạc, chẳng còn bị lầm lạc nữa.

-o0o-

Nếu dùng quán bất tịnh mà tâm chưa được an lạc thì phải dùng pháp quán hơi thở, để ngăn ngừa các giác quán. Vì sao? Vì phải được an lạc, mới chẳng còn bị lầm lạc.

Nếu quán bất tịnh mà tâm hết cuồng loạn, thì lúc bấy giờ bất tịnh tướng cũng trở thành tịnh tướng.

Bởi vậy, nên trong Phật pháp, thì 2 pháp quán: Bất tịnh và quán hơi thở (*Anabana*, hay còn gọi là *Sổ tức*) được xem như 2 cửa đầu tiên dẫn vào đạo Cam lồ.

-o0o-

Lại nữa, Bồ tát quán 4 đại ở nơi thân đều như cỏ rác, gạch ngói... quán 4 đại bên ngoài, khi biến thành các thức ăn uống để nuôi thân và duy trì mạng sống, quán 4 đại và 4 đại tạo sắc, dù được chia ra thành 4 phần là đất, nước, gió, lửa riêng khác, nhưng mỗi phần cũng là vô ngã, là khổ, là không là vô thường cả. Rồi Bồ tát quán 4 oai nghi ở thân cũng đều là như vậy.

Trong khi quán phải nhất tâm, tinh tấn, chớ nên giải đãi, hôn trầm. Vì sao? Vì nếu quán mà giải đãi, hôn trầm thì tâm sẽ bị loạn động, chẳng được an định.

Bồ tát quán thân do 4 đại hòa hợp mà được thi thiết ra, chỉ là hư dối, chẳng phải thật có. Ví như, khi người thợ mổ trâu, chia ra làm 4 phần, thì chẳng còn có tướng trâu nữa.

Do 4 đại hòa hợp, duyên khởi tạo ra thân, nên 4 đại là tổng tướng. Mà thân chỉ là biệt tướng. Nếu 4 đại còn ở ngoài, thì chẳng được gọi là thân, chỉ khi nào 4 đại hòa hợp tạo ra sắc thân, thì mới giả danh gọi là thân. Như vậy, thân chẳng ở nơi 4 đại, mà 4 đại cũng chẳng ở nơi thân. Thân cũng như 4 đại đều chẳng có chủ tác (vô chủ tác)

Phàm phu điên đảo chấp 4 đại làm thân. Bồ tát dùng “tánh không” phân biệt 4 đại tạo sắc nơi thân đều là không, là bất khả đắc.

Dẫn đến 3 niệm xứ kia cũng đều là như vậy.

-o0o-

Lại nữa, Bồ tát quán thân, từ chân lên đến đỉnh đầu, chứa 36 thứ bất tịnh, bao bọc bên trong một lớp da mỏng.

Ví như người làm ruộng đem đủ thứ hạt giống chất chứa vào bên trong kho lẫm của mình. Người tu hành pháp bất tịnh, dùng huệ nhãn nhìn vào kho thân, thấy đầy đầy những thứ bất tịnh, nên chẳng còn ái chấp thân, biết rõ thân là bất tịnh, là tán hoại, là bất khả đắc.

Do quán thân như vậy, nên Bồ tát nhẫn thọ được mọi sự đau khổ, giữ được tâm bất động, khi có người đến mắng nhiếc, đánh đập, đâm chém mình v.v...

Bồ tát quán nội thân bất tịnh, tán hoại, quán ngoại thân bất tịnh, tán hoại, dẫn đến nội ngoại thân cũng bất tịnh, tán hoại như vậy.

Lại nữa, Bồ tát quán thân, khi chưa bị tán hoại, có thức dẫn sanh ra các kiết sử, mà sanh nhàm chán thân; trong khi đó, thì phạm phu bị các kiết sử trói buộc, nên tham đắm thân. Rồi Bồ tát lại quán thân người chết, sau vài ngày, nếu chẳng làm môi cho chim thú rìa thịt, nhai xương thì cũng bị sinh thối, hư nát, nên chẳng chấp tướng tốt hay xấu, trong khi đó thì phạm phu lầm lạc tham đắm thân tướng nên bị tình ái, dâm dục làm mê mờ tâm trí..

Phật dạy: Sắc thân chỉ là huyễn pháp, chỉ làm cho người vô trí phải mê lầm vậy thôi.

Bồ tát quán thân người chết, rồi tự nghĩ rằng thân mình rồi đây cũng sẽ như vậy. Do quán như vậy, mà Bồ tát nhàm chán thân, quyết điều phục tâm mình, nhất tâm, tinh tấn trừ các tham ưu thế gian. Bồ tát lại quán thân người chết bị điều quạ rìa thịt, bị lang sói gặm xương, chẳng ai dám đèn gân; quán, khi thịt đã tiêu hết, khi tất cả tim, gan, tỳ, vị, phèo, phổi... đều đã thối nát, thì thân người chỉ còn lại năm xương trắng. Do quán như vậy, Bồ tát nghĩ thân là vô ngã; do chấp đắm thân, mà chứa nhóm bao nhiêu tội phước nhân duyên, khiến phải trầm luân mãi trong sanh tử. Bồ tát lại quán xương cốt người chết phân tán, rải rác khắp nơi, mặc cho gió táp, mưa sa, với thời gian rồi sẽ trở thành mục nát, thành đất. Do quán như vậy, Bồ tát nghĩ rằng thân đã vô thường như vậy, thì ngã là bất khả đắc. Bồ tát lại quán thân do nghiệp thức nhân duyên sanh ra, chẳng có tự tại, quán thân tướng là phi ngã; quán khổ vui đều do tâm điên đảo tạo ra, quán già, bệnh, chết dẫn đến quán thân mạng đều là vô thường cả. Do quán như vậy, Bồ tát tự nghĩ rằng nếu chẳng tu pháp quán “bất tịnh” thì rất dễ bị các nghiệp lôi cuốn; nếu chẳng nhất tâm, tinh tấn trừ hết tham ưu, thì 2 tên giặc “tham” và “ưu” này sẽ cướp hết pháp bảo. Bồ tát lại nghĩ rằng thân là vô thường, là

bất tịnh; như vậy vì sao chúng sanh cứ mãi tham trước thân này, khiến khởi sanh bao nhiêu nghiệp tội; chỉ vì trong thân có 5 tình, ngoài thân có 5 dục hòa hợp mà sanh ra các chấp điên đảo vậy thôi. Bồ tát lại nghĩ rằng thân, dù kiên cố trong một thời gian dài, rồi cũng phải tán hoại, hưởng nữa là các cuộc vui trong chốc lát, do niệm tương tục sanh diệt, mà hết khổ đến vui, hết vui đến khổ vậy thôi.

Như vậy thì vui đâu phải là thật có, vì ngay ở trong vui đã có sẵn mầm mống của khổ rồi vậy. Ví như, ăn uống cho hết đói khát là vui, nhưng chỉ vui trong chốc lát, rồi các thứ khổ khác lại quấy nhiễu xác thân v.v... Cho nên biết, vui thế gian do nhân duyên khổ sanh ra, lại thường sanh ra các khổ quả, tương tục nối nhau, kết thành vô lượng khổ.

Nên biết, món ăn ngon có trộn chất độc có thể hại mạng người. Nhưng vui trong 5 dục còn nguy hại gấp bội. Đây là chất độc rất nguy hại, có thể đoạt cả huệ mạng của ta.

Người tu phải biết rõ vui chỉ do tâm thức tưởng ra, mà tâm niệm thì luôn luôn sanh diệt, nên là bất khả đắc; chỉ vì như sóng nhấp nhô trên mặt biển, vừa hiện là liền tan. Tâm tưởng là vô thường, nên có lúc thọ khổ, có lúc thọ lạc, mà đã là vô thường thì tâm chẳng được tự tại, nên là vô ngã vậy.

-o0o-

Tu 3 niệm xứ kia cũng phải quán đầy đủ các tướng: nội tướng, ngoại tướng và nội ngoại tướng.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói 4 niệm xứ là 4 thánh hạnh có công năng phá 4 điên đảo, khai mở đường vào thật tướng pháp.

-o0o-

Nơi đây cũng nên biết rằng vô thường cũng là quán về khổ đế; mà khổ là do các chấp điên đảo gây ra, quán các nguyên nhân gây ra khổ là quán về tập đế; quán đoạn các nguyên nhân gây ra khổ là quán về diệt đế, quán các pháp tu để đoạn điên đảo là đạo đế.

Hàng Thanh Văn quán 4 đế, tin Niết Bàn trú đạo tâm, tợ như vô lậu, đây là Noãn Pháp. Ví như người cưa gỗ có hơi nóng tỏa ra các nguyên nhân gây ra khổ là quán về diệt đế; quán các pháp tu để đoạn điên đảo là đạo đế.

Hàng Thanh Văn quán 4 đế, tin Niết Bàn trú đạo tâm, tợ như vô lậu, đây là Noãn Pháp. Ví như người cưa gỗ có hơi nóng tỏa ra, biết là có lửa. Có tín pháp này rồi, sẽ sanh tâm sùng kính Phật. Ví như người uống thuốc lành bệnh rồi sẽ tin thấy thuốc; người đã tin pháp rồi, sẽ dần dần tin Tam bảo.

Noãn pháp tăng, thì các tướng tội phước sẽ dứt. Đây là Đánh Pháp. Ví như người leo đánh núi, thấy rõ cảnh vật xung quanh.

Từ Đánh pháp, Hàng Thanh Văn tu quán 4 niệm xứ, được 4 quả Thanh Văn. Đây là Nhãn Pháp.

Bồ tát ở nơi pháp quán này, chẳng quên bản nguyện độ sanh, chẳng xả tâm đại bi, lại dùng “bất khả đắc không” để điều phục tâm, nên dù tâm còn lưu dư tàng kiết sử, mà vẫn chẳng bị đoạ. Ví như người lính thiện chiến, dù chưa giết được giặc, mà đã cô lập được đối phương rồi vậy.

Bồ tát đạt Đánh pháp và Nhãn pháp rồi, sẽ vào Thế đệ nhất pháp. Đây là chỗ Thuận pháp nhãn, dẫn đến Vô sanh pháp nhãn.

KINH:

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn, tu 4 chánh cần.

Thế nào là 4 chánh cần?

Đó là:

- Tinh tấn nhiếp tâm hành đạo, khiến việc ác chưa sanh, chẳng sanh được.

- Tinh tấn nhiếp tâm hành đạo, khiến việc ác đã sanh, được dứt trừ.

- Tinh tấn nhiếp tâm hành đạo, khiến việc thiện chưa sanh, được sanh.

- Tinh tấn nhiếp tâm hành đạo, khiến việc thiện đã sanh, càng thêm tăng trưởng.

Bồ tát dụng pháp vô sở đắc, tu 4 chánh cần như vậy, gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn.

-o0o-

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn, tu 4 như ý túc.

Thề nào gọi là 4 như ý túc?

Đó là:

- Dục như ý túc, thành tựu định hạnh.

- Niệm như ý túc, thành tựu định hạnh.

- Tinh tấn như ý túc, thành tựu định hạnh.

- Tư duy như ý túc, thành tựu định hạnh

Bồ tát dụng pháp vô sở đắc, tu 4 như ý túc như vậy, gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn.

-o0o-

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn, tu 5 căn.

Thế nào là 5 căn?

Đó là: Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn và huệ căn.

Bồ tát dụng pháp vô sở đắc, tu 5 căn như vậy, gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn, tu 5 lực.

Thế nào là 5 lực?

Đó là: Tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực và huệ lực.

Bồ tát dụng pháp vô sở đắc, tu 5 lực như vậy, gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn.

-o0o-

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn, tu 7 giác chi.

Thế nào là 7 giác chi?

Đó là: Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, trừ giác chi, định giác chi và xả giác chi.

Tất cả 7 giác chi đều nương nơi ly, nơi vô nhiễm, mà hướng đến Niết Bàn.

Bồ tát dụng pháp vô sở đắc, tu 7 giác chi như vậy, gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn.

-o0o-

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn, tu 8 thánh đạo.

Thế nào là 8 thánh đạo?

Đó là: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định.

Bồ tát dụng pháp vô sở đắc, tu 8 thánh đạo như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn.

-o0o-

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn, tu 3 tam muội, gồm: Không tam muội, vô tướng tam muội, và vô tác tam muội.

Thế nào là “không tam muội”?

Bồ tát vào tam muội này, biết rõ các pháp đều là tự tướng không. Tam muội này còn được gọi là “Không giải thoát môn”.

Thế nào là “vô tướng tam muội”?

Bồ tát vào tam muội này, biết rõ các pháp đều là hoại tướng, nên chẳng nghĩ, chẳng nhớ.

Tam muội này còn được gọi là “Vô tướng giải thoát môn”.

Thế nào là “vô tác tam muội”?

Bồ tát vào tam muội này, biết rõ các pháp đều chẳng có chủ tác, đều là bất khả đắc.

Tam muội này còn được gọi là “Vô tác giải thoát môn”.

Bồ tát dụng pháp vô sở đắc, tu 3 tam muội này như vậy, gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn.

-o0o-

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn, tu 11 trí, gồm: Khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí, tận trí, vô sanh trí, pháp trí, tỳ trí, thế trí, tha tâm trí và như thật trí.

Thế nào là “khổ trí”?

Biết khổ, mà chẳng sanh chấp, gọi là “khổ trí”.

Thế nào là “tập trí”?

Biết các nguyên nhân sanh khổ phải đoạn, gọi là “tập trí”.

Thế nào là “diệt trí”?

Biết khổ diệt, gọi là “diệt trí”.

Thế nào là “đạo trí”?

Biết 8 thánh đạo, gọi là “đạo trí”.

Thế nào là “tận trí”?

Biết tham, sân, si, diệt tận, gọi là “tận trí”.

Thế nào là “vô sanh trí”?

Biết các pháp hữu vi là vô sanh, gọi là “vô sanh trí”.

Thế nào là “pháp trí”?

Biết 5 ấm do duyên sanh, gọi là “pháp trí”.

Thê nào là “tỷ trí”?

Biết nhãn, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ là vô thường, gọi là “tỷ trí”.

Thế nào là “thế trí”?

Biết nhân duyên sanh pháp chỉ là danh tự, gọi là “thế trí”.

Thế nào là “tha tâm trí”?

Biết tâm niệm của chúng sanh, gọi là “tha tâm trí”.

Thê nào là “như thật trí”?

Biết hết thấy chủng trí như chư Phật biết, gọi là “như thật trí”.

Bồ tát, dụng pháp vô sở đắc, tu 11 trí như vậy, gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn.

-oOo-

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn, tu 3 vô lậu căn, gồm: Vị tri dục tri căn, tri căn và dĩ tri căn.

Thê nào là “vị tri dục tri căn”?

Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, và huệ căn của hàng Hữu học chưa đắc quả, gọi là “vị tri dục tri căn”.

Thê nào là “tri căn”?

Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn và huệ căn của hàng Hữu học đã đắc quả, gọi là “tri căn”.

Thế nào là “đĩ tri căn”?

Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn và huệ căn của bậc Vô học, hoặc A-la-hán, hoặc Bích Chi Phật, gọi là “đĩ tri căn”.

Bồ tát, dụng pháp vô sở đắc, tu 3 vô lậu căn như vậy, gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn.

-o0o-

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn, tu 3 tam muội, gồm: Hữu giác hữu quán tam muội, vô giác hữu quán tam muội, và vô giác vô quán tam muội.

Thế nào là “Hữu giác hữu quán tam muội”?

Ly dục nhiễm, ly bất thiện pháp, có giác, có quán, ly sanh hỷ lạc, vào Sơ Thiên, gọi là “hữu giác hữu quán tam muội”.

Thế nào là “vô giác hữu quán tam muội”?

Chặng giữa từ Sơ thiên đến Nhị thiên gọi là được “vô giác hữu quán tam muội”.

Thế nào là “vô giác vô quán tam muội”?

Chặng giữa từ Nhị thiên đến Phi hữu tướng phi vô tướng định, gọi là được “vô giác vô quán tam muội”.

Bồ tát, dụng pháp vô sở đắc, tu 3 tam muội này như vậy, gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn.

-o0o-

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diển, tu 10 niệm, gồm: niệm Phật, niệm pháp, niệm tăng, niệm giới, niệm xả, niệm thiên, niệm thiện, niệm hơi thở ra vào, niệm thân, và niệm chết.

Bồ tát dụng vô sở đắc tu 10 niệm như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diển.

-o0o-

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diển, tu 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 9 thứ đệ định.

Bồ tát, dụng pháp vô sở đắc, tu các pháp môn tu này như vậy, gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diển.

-o0o-

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diển, tu 10 Phật lực.

Thế nào là 10 Phật lực?

Đó là:

- Phật như thật biết thị xứ và phi xứ của hết thấy pháp.
- Phật như thật biết các nghiệp, các thọ pháp, các nhân duyên quả báo của chúng sanh trong cả 3 đời.
- Phật như thật biết các tướng cấu, tướng tịnh của các tam muội và các định.
- Phật như thật biết các căn tánh thượng, hạ của chúng sanh.

- Phật như thật biết các loại dục và giải của chúng sanh
 - Phật như thật biết vô số tánh loại của hết thảy các pháp thế gian.

- Phật như thật biết chỗ đến của tất cả các đạo hạnh.

- Phật như thật biết túc mạng nhân duyên của mình và của chúng sanh, trong cả 3 đời, biết mình cũng như các chúng sanh khác có tên như vậy, có họ như vậy, thọ mạng ngắn hay dài... trong vô lượng kiếp.

- Phật như thật biết là mình có thiên nhãn thanh tịnh hơn chư thiên, thấy biết chúng sanh chết đây, sanh kia, tùy theo nghiệp nhân duyên quả báo, hoặc phải đọa vào ác đạo, hoặc đợc sanh vào thiện đạo.

- Phật như thật biết là mình đã lậu tận, đã đợc vô lậu tâm giải thoát, vô lậu huệ giải thoát, ở trong pháp tự chứng, biết mình đã nhập vào pháp ấy; biết mình đã hết sanh tử, đã viên thành phạm hạnh, chẳng còn thọ sanh thân ở đời sau nữa.

Bồ tát, dụng pháp vô sở đắc, tu 10 Phật lực như vậy, gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha điễn.

-o0o-

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha điễn, tu 4 vô sở úy.

Thế nào là 4 vô sở úy?

Đó là 4 điều vô úy đã đợc Phật tác chứng, gồm có:

- Phật nói lên lời thành thật rằng: Ta là bậc Nhất thiết chủng trí, nên ta đợc an ổn nơi thánh xứ, đợc vô sở

úy. Tại giữa đại chúng nếu có ai hỏi về một pháp nào, thì ta như sư tử hống sẽ chuyển pháp luân thanh tịnh, chẳng mấy may sợ hãi. Các hàng Sa môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Phạm vương, Ma vương, cùng hết thấy chúng sanh chẳng làm sao có thể chuyển được như vậy. Đây là vô sở úy thứ nhất.

- Phật nói lên lời thành thật rằng: Ta là bậc lậu tận, nên ta được an ổn nơi thánh xứ, được vô sở úy. Tại giữa đại chúng, nếu có ai hỏi về cách dứt trừ phiền não, thì ta như sư tử hống, sẽ chuyển pháp luân thanh tịnh, chẳng mấy may sợ hãi. Tất cả hàng Trời, người, cùng hết thấy chúng sanh khác chẳng làm sao có thể chuyển được như vậy. Đây là vô sở úy thứ hai.

- Phật nói lên lời thành thật rằng: Ta đã như thật biết những pháp làm chướng ngại đạo Giải thoát, nên ta được an ổn nơi thánh xứ, được vô sở úy. Tại giữa đại chúng, nếu có ai hỏi về các pháp chướng ngại đạo, thì ta như sư tử hống, sẽ chuyển pháp luân thanh tịnh, chẳng mấy may sợ hãi.

Tất cả hàng Trời, người cùng hết thấy chúng sanh khác chẳng làm sao có thể chuyển được như vậy. Đây là vô sở úy thứ ba.

- Phật nói lên lời thành thật rằng: Những thánh đạo mà ta truyền dạy, quyết định là đạo xuất thế gian, khiến người y theo đó mà tu hành sẽ được hết khổ, nên ta được an ổn nơi thánh xứ, được vô sở úy. Tại giữa đại chúng, nếu có ai hỏi về các thánh đạo, thì ta như sư tử hống, sẽ chuyển pháp luân thanh tịnh, chẳng mấy may sợ hãi. Tất cả hàng Trời, người cùng hết thấy chúng sanh khác chẳng làm sao có thể chuyển được như vậy. Đây là vô sở úy thứ tư.

Bồ tát, dụng pháp vô sở đắc, tu 4 vô sở úy như vậy, gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn.

-o0o-

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn, tu 4 vô ngại trí.

Thế nào là 4 vô ngại trí?

Đó là: Pháp vô ngại trí, nghĩa vô ngại trí, từ vô ngại trí và lạc thuyết vô ngại trí.

Bồ tát, dụng pháp vô sở đắc, tu 4 vô ngại trí như vậy, gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn.

-o0o-

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn, tu 18 bất cộng pháp.

Thế nào là 18 bất cộng pháp?

Đó là:

- Thân của Phật chẳng có lỗi.
- Miệng của Phật chẳng có lỗi.
- Niệm của Phật chẳng có lỗi.
- Phật chẳng có tướng sai khác.
- Phật thường ở trong định.
- Chẳng có gì mà Phật chẳng biết, nhưng Phật vẫn thường hành xả tâm.
- Ý nguyện lợi sanh của Phật chẳng giảm.

- Tinh tấn của Phật chẳng giảm.
- Niệm của Phật chẳng giảm.
- Thệ của Phật chẳng giảm.
- Giải thoát của Phật chẳng giảm.
- Giải thoát trí kiến của Phật chẳng giảm.
- Tất cả thân nghiệp của Phật đều tùy trí huệ hành.
- Tất cả khẩu nghiệp của Phật đều tùy trí huệ hành.
- Tất cả ý nghiệp của Phật đều tùy trí huệ hành.
- Trí huệ của Phật biết rõ các việc quá khứ vô ngại.
- Trí huệ của Phật biết rõ các việc hiện tại vô ngại.
- Trí huệ của Phật biết rõ các việc vị lai vô ngại.

Bồ tát, dụng pháp vô sở đắc, tu 18 bất cộng pháp như vậy, gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha điển.

LUẬN:

Bồ tát được vô sanh pháp nhãn là đầy đủ 4 chánh căn, và 4 như ý túc. Do nhất tâm tinh tấn tu 4 niệm xứ, mà được chánh căn, lại do vào 4 định là dục định, tâm định, tinh tấn định và tư duy định, mà khi xuất định liền được 4 như ý túc.

Hỏi: *Như vậy vì sao chẳng nói là “trí xứ” mà lại nói là “niệm xứ”?*

Đáp: Lúc ban đầu tu tập, hành giả chưa có trí nên phải lấy niệm làm cửa ban đầu (sơ môn) dẫn vào đạo. Do thường niệm mà tùy theo niệm đó, trí huệ được dẫn sanh. Cho nên trong kinh thường nói trí huệ là thật thể của 4 niệm xứ. Vì sao? Vì do quán nội thân, do quán ngoại thân, do quán nội

ngoại thân mà trí huệ được phát sanh. Nếu niệm trí huệ, ngay khi duyên mà tâm chẳng tán loạn thì được 4 chánh căn.

Nên biết 4 chánh căn gồm có:

* 2 pháp đoạn ác và bất thiện pháp. Đó là:

- Ác và bất thiện pháp chưa sanh thì ngăn đừng cho sanh.
- Ác và bất thiện pháp đã sanh, thì liền phải dứt trừ.

* 2 pháp dẫn sanh thiện pháp. Đó là:

- Thiện pháp chưa sanh thì khiến cho sanh.
- Thiện pháp đã sanh thì khiến cho tăng trưởng.

Tuy nhiên nếu hành chánh căn quá mức, thì sẽ sanh “trí hoá”. Vì sao? Vì trí huệ còn cạn mỏng, mà gió tinh tấn thổi quá mạnh quá nhiều, thì sẽ bị nhiễm, bị lung lạc.

Bởi vậy nên lại phải tu định để làm lắng dịu sự kích động quá mức độ của gió tinh tấn.

Hành giả tu định lần lượt theo 4 pháp tu sau đây:

- “Dục định” dẫn thành tựu “dục như ý túc”.
- “Tâm định” dẫn thành tựu “niệm như ý túc”.
- “Tinh tấn định” dẫn thành tựu “tinh tấn như ý túc”.
- “Tu duy định” dẫn thành tựu “tu duy như ý túc”.

Tu 4 định trên đây dẫn thành tựu được 4 chỗ mong muốn như ý nguyện nên gọi là được “4 như ý túc”.

Tất cả 12 pháp trợ đạo (4 niệm xứ, 4 chánh căn và 4 như ý túc) nêu trên đây ví như thân cây lớn được giữ vững bởi 5 cái rễ bám sâu vào lòng đất. Đó là 5 căn gồm: tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn và huệ căn.

Hành giả phải y nơi 5 căn mà tu hành mới sanh được 5 lực.

5 lực gồm: Tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực và huệ lực. Ví như con dao sắc bén cắt được các vật, 5 lực có công năng cắt đứt sự ràng buộc của các phiền não, kiết sử.

Có đầy đủ 5 lực rồi hành giả mới có thể thẳng tiến trên đường đạo, tu 7 giác chi và tu 8 thánh đạo vậy.

Hỏi: *Vì sao Bồ tát tu 37 Phẩm trợ đạo mà chẳng hướng về Niết Bàn?*

Đáp: Do thâm nhập bản nguyện đại bi, nên dù biết rõ thật tướng pháp, mà Bồ tát chẳng hướng về Niết Bàn, trái lại, nguyện ở lại trong 3 cõi nhằm rộng độ hết thảy chúng sanh. Do vậy mà chư đại Bồ tát thường được chư Phật trong khắp 10 phương đồng hộ niệm.

-o0o-

Trong kinh nói Bồ tát vào Thất địa, ngoài thì quán “pháp không”, trong thì quán “ngã không”.

Ví như người nằm mộng thấy mình bị trói, mà khi tỉnh dậy thấy mình chẳng bị trói buộc gì cả, nên biết rõ cái “Ta” ở trong mộng chỉ là hư dối, chẳng phải thật có, là không, là bất khả đắc.

Cũng như vậy, ngay khi vừa được tỉnh ngộ, Bồ tát biết rõ tâm là điên đảo, hư vọng, quyết diệt tâm hư vọng đó. Do vậy mà Bồ tát được chư Phật trong khắp 10 phương xoa đầu thọ ký, và khuyên rằng: Người chớ sanh hối tâm, hãy niệm bản nguyện của mình, người hãy vì những chúng sanh chưa ngộ đạo, mà dùng pháp không để giáo hoá họ, người mới chỉ được một số ít pháp môn, còn chư Phật trong mười phương

có vô lượng pháp môn mà người chưa có được, nên người phải tu tập quán pháp “Không” mà chẳng nên chấp đắm pháp “Không”, người chưa được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, chưa được đầy đủ 18 bất cộng pháp, nên còn phải tu tập cho đầy đủ, mới tọa được đạo tràng như chư Phật. Lại nữa, người phải dùng “bất khả đắc không” để tu tập các pháp. Vì sao? Vì hành như vậy là hành Bát nhã Ba-la-mật, nhờ vậy mà người sẽ thấy rõ hết thấy pháp thế gian đều do duyên hoà hợp sanh, đều là rớt ráo không, đều là bất khả đắc, dẫn đến các tham ưu thế gian cũng đều là rớt ráo không, đều là bất khả đắc, và đều phải được tiêu trừ.

-o0o-

KINH:

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha điển nhập các tự ngữ môn, mà ở nơi các tự, ở nơi các ngữ đều bình đẳng.

Thế nào là nhập các tự ngữ môn bình đẳng?

Ví như:

- Nhập tự môn “A”, biết rõ hết thấy pháp là bất sanh.
- Nhập tự môn “La”, biết rõ hết thấy pháp là ly cấu.
- Nhập tự môn “Ba”, biết rõ hết thấy pháp là đệ nhất nghĩa.
- Nhập tự môn “Giá”, biết rõ hết thấy pháp bất khả đắc, là bất sanh, bất diệt.
- Nhập tự môn “Na”, biết rõ hết thấy pháp là ly, danh tướng, vì là bất đắc, bất thất.

- Nhập tự môn “Lã”, biết rõ hết thầy pháp thoát ra ngoài thế gian, khi chi Ái, trong 12 chi nhân duyên, diệt.

- Nhập tự môn “Dà”, biết rõ do xả thí mà các thiện pháp sanh.

- Nhập tự môn “Bà”, biết rõ các pháp là ly.

- Nhập tự môn “Trà” biết rõ các pháp là thanh tịnh.

- Nhập tự môn “Sa”, biết rõ các pháp tự tại, vì tự tánh thanh tịnh.

- Nhập tự môn “Hòa”, là dứt bật các ngôn ngữ.

- Nhập tự môn “Đa”, là vào các pháp như tướng, bất động.

- Nhập tự môn “Dạ”, là vào các pháp như thật bất sanh.

- Nhập tự môn “Tra”, là vào các pháp chiết phục, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Ca”, là vào các pháp tác giả, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Ta”, là vào các pháp thời gian, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Ma”, là vào các pháp ngã sở, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Già”, là vào các pháp khứ giả, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Tha”, là vào các pháp xứ sở, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Xà”, là vào các pháp sanh, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Bả”, là vào các pháp bả tự, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Đà”, là vào các pháp tánh, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Xa”, là vào các pháp định, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Khu”, là vào các pháp hư không, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Xoa”, là vào các pháp diệt tận, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Đá”, là vào các pháp hữu, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Nhã”, là vào các pháp trí, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Tha”, là vào các pháp tha tự, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Bã”, là vào các pháp phá hoại, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Xa”, là vào các pháp dục, bất khả đắc, 5 âm cũng bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Ma”, là vào các pháp ma tự, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Hỏa”, là vào các pháp hô hoán, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Ta”, là vào các pháp ta tự, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Noa”, là vào các pháp khứ lai, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Phả”, là vào các pháp biên bờ, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Ca”, là vào các pháp tập hợp, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Sai”, là vào các pháp sai tự, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Già”, là vào các pháp hiện hành, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Tra”, là vào các pháp tà vạy, bất khả đắc.

- Nhập tự môn “Trà”, là biết rõ các pháp là chỗ tốt bờ

bén, nên là bất sanh, bất diệt.

Này Tu Bồ Đề! Các tự môn là chẳng có ngại (vô ngại), chẳng có tên (vô danh), chẳng có diệt, chẳng có nói lên được, chẳng chỉ được, chẳng thấy được, cũng chẳng ghi chép được.

Phải biết, hết thấy các pháp đều là như hư không. Đây là nghĩa của đà la ni môn, nghĩa của tự môn vậy.

Nếu có Bồ tát ở nơi các tự môn mà ẩn được tự môn “A”, hoặc nghe, hoặc thọ, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc trì, hoặc giảng nói cho người khác nghe, thì phải biết vị Bồ tát ấy sẽ được 20 công đức, đó là:

1/ Được nhớ biết dai.

2/ Được tâm quý.

3/ Được rõ nghĩa thú của kinh.

4/ Được tâm kiên cố.

5/ Được trí huệ

6/ Được lạc thuyết vô ngại.

7/ Dễ được các đà la ni môn khác.

8/ Được tâm chẳng có nghi hối.

9/ Được tâm vô phân biệt, nghe việc lành chẳng vui, nghe việc ác chẳng giận.

10/ Được tâm an định, chẳng cao thấp, chẳng tăng giảm.

11/ Được các phương tiện thiện xảo, biết rõ các ngôn ngữ của chúng sanh.

12/ Khéo phân biệt 5 âm, 12 nhập, 18 giới, 12 nhân duyên, 4 đế, 4 duyên, v.v...

13/ Khéo phân biệt các căn lợi độn của chúng sanh.

14/ Khéo phân biệt thời tiết, năm tháng, ngày giờ.

15/ Khéo phân biệt tâm niệm của người khác,

16/ Được túc mạng thông.

17/ Được sanh tử thông.

18/ Được thiên nhĩ thông.

19/ Khéo thuyết về thị xứ và phi xứ.

20/ Được 4 oai nghi ở thân.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát dụng pháp vô sở đắc, vào “đà la ni tỳ môn” như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha điện.

LUẬN:

Đà la ni môn là các tỳ môn bình đẳng, chẳng có phân biệt, Bồ tát vào đà la ni môn thì ở nơi hết thảy pháp đều được thông đạt vô ngại. Đây là đà la ni tỳ môn.

Hỏi: Nói hẹp thì có 5.000 đà la ni môn, nói rộng thì có vô lượng đà la ni môn. Vì sao nay chỉ nói về các “đà la ni tỳ môn” mà thôi?

Đáp: Đây chỉ mới là cửa ban đầu (sơ môn) và các đà la ni.

Lại nữa, các đà la ni đều y theo sự phân biệt các tỳ mà được hình thành. Trên đây có nêu ra 40 tỳ. Các tỳ này là căn bản của hết thảy các tỳ môn. Nhân nói “tỳ” mà có ngôn thuyết, nhân nói “ngôn thuyết” mà có “danh”, rồi nhân nói “danh” mà có “nghĩa”.

Bồ tát khi nghe “tỳ” liền được rõ “nghĩa”.

Trong đoạn kinh trên đây có nêu lên tỳ đầu tiên là “A”, tỳ sau cùng là “Trà”, ở khoảng giữa có 38 tỳ, tổng cộng là 40 tỳ.

Đây là căn bản của hết thảy ngữ pháp. Ví như khi nghe tự “A” là biết rõ các pháp là bất sanh, khi nghe tự “Trà” là biết rõ các pháp là chỗ tốt bờ bên, nên là bất sanh, bất diệt, bất khả đắc.

Các tự này đều ở trong thế gian, nên vào được hết thảy ngữ ngôn một cách vô ngại. Ví như các chất nước, dù có khác nhau vẫn có thể hòa đồng một cách vô ngại vậy.

Nên biết chúng sanh do chấp các sắc pháp mà lập ra các danh tự, nhưng danh tự là bất khả đắc.

Khi nghe một đà la ni tự môn, mà chẳng rõ nghĩa thì chẳng có thể thấy, chẳng có thể biết được. Thế nhưng khi đã biết rõ nghĩa của tự môn rồi thì văn tự, ngữ ngôn liền diệt. Lúc bấy giờ mới thật liễu nghĩa của tự môn.

Hỏi: *Các đà la ni có vô lượng công đức. Vì sao chỉ nói đến 20 công đức mà thôi?*

Đáp: Cũng như Bát nhã Ba-la-mật, các đà la ni môn có vô lượng công đức. Ở trên đây chỉ lược nói đến 20 công đức để chúng sanh dễ nhớ. Bồ tát khi đã vào được các đà la ni môn rồi, thường quán tự tướng của các pháp tu tập, và nhớ nghĩ các thiện pháp nên tâm được kiên cố như kim cang, có đầy đủ các phước đức trí huệ, để rồi vì chúng sanh mà thuyết pháp cho họ nghe.

-o0o-

Nên biết có 5 phương tiện thuyết pháp. Đó là:

- Do biết các pháp môn mà thuyết pháp.
- Do biết rõ một vấn đề gì mà thuyết pháp.

- Biết dùng các lực phương tiện khi thuyết pháp.
- Biết khai thị nghĩa lý khi thuyết pháp.
- Biết dùng tâm đại bi mà thuyết pháp cho người trí nghe.

-o0o-

Bồ tát vào được đà la ni, biết rõ các tự, cũng như các ngôn ngữ đều là “danh không”, nên là “nghĩa không”, là “rót ráo không” vậy.

Do biết rõ như vậy nên Bồ tát vào được Bát nhã Ba-la-mật, được trí huệ thanh tịnh, được lạc thuyết vô ngại.

Bồ tát dùng bản nguyện đại bi, rộng độ chúng sanh, nên khi vào đà la ni rồi thì được lạc thuyết vô ngại, dễ như chẻ tre vậy.

Bồ tát vào được đà la ni rồi thì đương nhiên được vô ngại nhập vào nơi thật tướng pháp.

Lại nữa, khi Bồ tát vào được đà la ni rồi thì được tự tại, vô ngại, nên dù có người đến mắng nhiếc, đánh đập, dẫn đến ám hại... cũng chẳng có giận, dù có người đến cúng dường, tán thán... cũng chẳng vui. Bồ tát xem thương ghét, bạn thù đều bình đẳng, nên khéo biết các ngôn ngữ của chúng sanh, khéo biết thời tiết, năm tháng, ngày giờ..., khéo biết các sự việc quá khứ, hiện tại và vị lai. Biết như vậy mà Bồ tát vẫn chẳng thủ chấp các pháp tướng, vì biết rõ các pháp tướng đều là vô sở hữu.

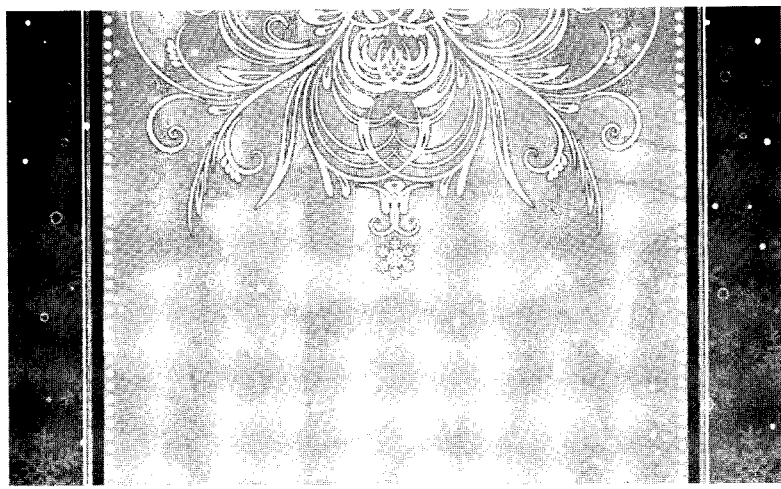
Bồ tát biết rõ các pháp thế gian đều do duyên hòa hợp sanh, nên đều là giả thi thiết, đều là hư dối, là vô sở hữu.

Phật thường dạy rằng: Các pháp thế gian đều là như

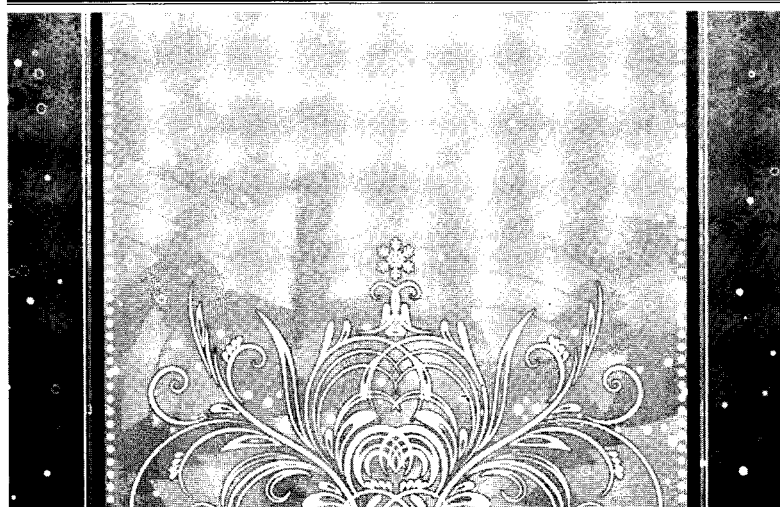
mộng, như huyễn... đều do tâm chúng sanh vọng chấp mà được tạo ra cả.

Bồ tát dụng pháp vô sở đắc, khéo phân biệt các pháp như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn.

(Hết quyển 48)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 49



Phẩm Thứ Hai Mươi



Phát Thú Thập Địa (Hướng Đến Mười Địa)

KINH:

Phật bảo ngài Tu Bồ Đề: Này Tu Bồ Đề! Ông hỏi thế nào gọi là Bồ tát Ma ha tát phát thú thập địa chẳng?

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật, từ sơ địa dẫn đến thập địa, gọi là Bồ tát Ma ha tát phát thú thập địa.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ tát Ma ha tát hành tương tục 6 pháp Ba-la-mật, từ sơ địa dẫn đến thập địa?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma ha tát biết các pháp chẳng có các tướng khứ lai, cũng biết rõ chẳng có pháp khứ lai, vì pháp tướng là bất diệt vậy.

Bồ tát Ma ha tát ở nơi các địa chẳng niệm, chẳng tư duy, nên tu tập “trị địa nghiệp”, mà cũng chẳng thấy các địa.

Thế nào là “trị địa nghiệp”?

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma ha tát an trú sơ địa tu 10 pháp, gồm:

1. Thâm tâm kiên cố mà biết rõ tâm là bất khả đắc.
2. Giữ tâm bình đẳng đối với hết thấy chúng sanh, mà biết rõ chúng sanh là bất khả đắc.

3. Xả tâm hành bố thí mà biết rõ người thọ thí là bất khả đắc.

4. Thân cận thiện tri thức mà chẳng sanh cao tâm.

5. Thường cầu pháp mà biết rõ các pháp là bất khả đắc.

6. Thường xuất gia mà biết rõ “gia” là bất khả đắc.

7. Ái ngưỡng Phật, mà biết rõ các tướng tốt của Phật là bất khả đắc.

8. Diễn nói pháp, mà biết rõ phân biệt nói pháp là bất khả đắc.

9. Phá pháp kiêu mạn, phát sanh trí huệ mà biết rõ trí huệ là bất khả đắc.

10. Dùng thật ngữ, mà biết rõ ngôn ngữ là bất khả đắc.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát, an trú sơ địa, trì địa nghiệp đầy đủ 10 pháp.

-o0o-

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma ha tát, an trú nhị địa, thường niệm 8 pháp, gồm:

1. Giới thanh tịnh.

2. Biết ơn và báo ơn.

3. Nhẫn nhục.

4. Thọ hoan hỷ.

5. Chẳng xả chúng sanh.

6. Vào đại bi tâm.

7. Tin kính sư trưởng.

8. Siêng tu 6 pháp Ba-la-mật.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát an trú nhị địa, thường niệm đầy đủ 8 pháp.

-o0o-

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma ha tát, an trú tam địa hành 5 pháp, gồm:

1. Học vấn nhiều mà chẳng nhàm chán.
2. Thanh tịnh hành pháp thí, mà chẳng sanh cao tâm.
3. Trang nghiêm Phật độ mà chẳng sanh cao tâm.
4. Nhẫn thọ vô lượng khổ của thế gian mà chẳng nhàm chán.
5. Thường trú trong tâm quý.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát an trú tam địa, hành đầy đủ 5 pháp.

-o0o-

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma ha tát an trú tứ địa, chẳng bỏ 10 pháp, gồm:

1. Chẳng bỏ A lan nhã xứ.
2. Tri túc.
3. Thiếu dục.
4. Chẳng xả công đức đầu đà.
5. Chẳng xả giới, chẳng chấp các giới tướng.
6. Nhàm chán thế gian, tuận Niết Bàn.

7. Ghét bỏ các dục nhiễm.

8. Xả bỏ các vật sở hữu.

9. Tâm chẳng chìm đắm.

10. Chẳng ôm giữ các vật.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát an trú tứ địa, chẳng bỏ 10 pháp.

-o0o-

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma ha tát an trú ngũ địa, xa lìa 12 pháp, gồm:

1. Xa lìa người thân bạch y.

2. Xa lìa Tỷ-kheo ni.

3. Xa lìa xan tham,

4. Xa lìa lời nói vô ích.

5. Xa lìa sự nóng giận.

6. Xa lìa sự tự cao.

7. Xa lìa sự khinh người.

8. Xa lìa 10 bất thiện đạo.

9. Xa lìa sự đại mạn.

10. Xa lìa sự tự dụng, ích kỷ.

11. Xa lìa điên đảo.

12. Xa lìa tham, sân, si.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát an trú ngũ địa, thường xa lìa 12 pháp.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma ha tát an trú lục địa, hành đầy đủ 6 pháp. Đó là 6 pháp Ba-la-mật.

Và chẳng làm 6 pháp gồm:

1. Chẳng móng tâm Thanh Văn và tâm Bích Chi Phật.
2. Chẳng sanh ưu phiền, khi hành bố thí.
3. Chẳng trốn tránh trước sự cầu xin của người.
4. Chẳng luyến tiếc các vật sở hữu đã đem ra bố thí.
5. Chẳng sanh hối tâm, sau khi hành bố thí.
6. Chẳng khởi tâm nghi về các pháp thậm thâm.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát, an trú lục địa, hành đầy đủ 6 pháp, và chẳng hành 6 pháp.

-o0o-

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma ha tát, an trú thất địa, chẳng chấp 20 pháp, và hành đầy đủ 20 pháp.

* 20 pháp chẳng chấp, gồm:

1. Chẳng chấp ngã.
2. Chẳng chấp chúng sanh.
3. Chẳng chấp thọ giả.
4. Chẳng chấp chúng sanh số, ... tri giả, kiến giả.
5. Chẳng chấp đoạn kiến.
6. Chẳng chấp thường kiến.
7. Chẳng chấp tác tướng.
8. Chẳng chấp tác nhân tướng.

9. Chǎng chấp danh sắc.

10. Chǎng chấp 5 âm.

11. Chǎng chấp 12 nhập.

12. Chǎng chấp 18 giới.

13. Chǎng chấp 3 cõi.

14. Chǎng chấp trú xứ.

15. Chǎng chấp chỗ mong cầu.

16. Chǎng chấp chỗ y chỉ.

17. Chǎng chấp y nơi Phật.

18. Chǎng chấp y nơi Pháp.

19. Chǎng chấp y nơi Tăng,

20. Chǎng chấp y nơi Giới.

* 20 pháp hành đầy đủ, gồm:

1. Đầy đủ “không”.

2. Chứng vô tướng.

3. Biết vô tác.

4. 3 phần thanh tịnh.

5. Từ bi với hết thảy chúng sanh.

6. Chǎng niệm tướng về hết thảy chúng sanh.

7. Quán hết thảy pháp bình đẳng, mà chǎng chấp trước.

8. Biết thật tướng của các pháp, mà chǎng niệm tướng.

9. Vô sanh pháp nhãn.

10. Vô sanh trí.

11. Thuyết pháp nhất tướng.
12. Pháp phân biệt tướng.
13. Chuyển ức tướng.
14. Chuyển kiến.
15. Chuyển phiên não.
16. Bình đẳng huệ.
17. Lấy huệ điều ý.
18. Tâm tịch diệt.
19. Vô ngại trí.
20. Chẳng nhiễm ái.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát, an trú thất địa, chẳng chấp 20 pháp, và hành đầy đủ 20 pháp.

-o0o-

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma ha tát an trú bát địa, phải hành đầy đủ 5 pháp, và nên hành đầy đủ 5 pháp.

* 5 pháp phải hành đầy đủ, gồm:

1. Tùy thuận chúng sanh tâm.
2. Du hý thần thông, quán các Phật quốc.
3. Quán tự trú nơi các Phật quốc.
4. Tự trang nghiêm Phật quốc của mình, như các Phật quốc mà mình đã thấy.
5. Như thật quán pháp thân, và tự trang nghiêm pháp thân.

*** 5 pháp nên đầy đủ gồm:**

- 1. Biết căn tánh cao thấp của chúng sanh.**
- 2. Thanh tịnh Phật độ.**
- 3. Nhập “như huyễn tam muội”.**
- 4. Tùy chúng sanh, thường nhập vào các tam muội.**
- 5. Tùy theo căn tánh chúng sanh, mà thị hiện thọ thân.**

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát an trú bát địa, phải hành đầy đủ 5 pháp, và nên hành đầy đủ 5 pháp.

-o0o-

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma ha tát an trú cửu địa, phải hành đầy đủ 12 pháp gồm:

- 1. Thọ vô biên thế giới.**
- 2. Được như sở nguyện.**
- 3. Biết ngôn ngữ các loài.**
- 4. Thành tựu sanh thai.**
- 5. Thành tựu gia đình.**
- 6. Thành tựu chỗ sanh.**
- 7. Thành tựu dòng họ.**
- 8. Thành tựu quyến thuộc.**
- 9. Thành tựu xuất sanh.**
- 10. Thành tựu xuất gia.**
- 11. Thành tựu “Bồ đề thọ” trang nghiêm.**
- 12. Thành tựu hết thấy các thiện công đức.**

Như vậy gọi là Bồ tát Ma Ha Tát an trú cứu địa, phải hành đầy đủ 12 pháp.

-o0o-

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma ha tát an trú thập địa, là như Phật rồi vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát, an trú sơ địa, trị địa nghiệp, từ thâm tâm kiên cố, ..., dẫn đến dùng thật ngữ?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nên biết:

- Nếu Bồ tát, dùng theo Tát bà nhã tâm, tích tập các thiện tâm, thì gọi là Bồ tát thâm tâm kiên cố trị địa nghiệp.

- Nếu Bồ tát khởi 4 vô lượng tâm (từ, bi, hỷ, xả) thì gọi là Bồ tát sanh tâm bình đẳng đối với hết thảy chúng sanh.

- Nếu Bồ tát bố thí cho hết thảy chúng sanh, mà chẳng sanh tâm phân biệt, thì gọi là Bồ tát xả tâm hành bố thí.

- Nếu Bồ tát thân cận, cúng dường cho các bậc cao minh đã dạy dỗ và dẫn dắt mình đến Nhất thiết chủng trí, thì gọi là Bồ tát thân cận thiện tri thức.

- Nếu Bồ tát, đúng theo Tát bà nhã tâm, cầu pháp, mà chẳng cầu chứng quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật, thì gọi là Bồ tát thường cầu pháp.

- Nếu Bồ tát đời đời chẳng sanh tạp tâm, thường ở trong Phật pháp, xuất gia mà chẳng chướng ngại, thì gọi là Bồ tát xuất gia trị địa nghiệp.

- Nếu Bồ tát thấy thân tướng đon nghiêm của Phật,

mà trọn chẳng rời Phật, mãi cho đến khi được Vô thượng bồ đề, thì gọi là Bồ tát ái ngưỡng Phật thân.

- Nếu Bồ tát đem lời của Phật hiện tại, hoặc lời của chư Phật quá khứ, để diễn nói cho chúng sanh, làm cho họ thấy rõ các nghĩa diệu thiện, cùng các lời thanh khiết thuyết giảng ở trong 12 bộ kinh, thì gọi là Bồ tát diễn nói giáo pháp thanh tịnh, xuất thế gian.

- Nếu Bồ tát phá kiêu mạn, nguyện đời nào cũng thọ sanh vào nhà hạ tiện, thì gọi là Bồ tát phá kiêu mạn trị địa nghiệp.

- Nếu Bồ tát y như chỗ nói mà làm, thì gọi là Bồ tát dùng thật ngữ trị địa nghiệp.

Trên đây, tóm lược quá trình tu tập 10 sự trị địa nghiệp của hàng Bồ tát, trú trong sơ địa.

LUẬN:

Trước đây ngài Tu Bồ Đề hỏi về Ma ha diễn, và đã được Phật giải đáp. Nay ngài hỏi thêm về sự phát thú của người tu theo Đại thừa và tướng của người tu Đại thừa.

Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn biết rõ hết thấy pháp, từ vô thi đến nay đều là vô khứ, vô lai, bất động, bất tĩnh, bất xuất, bất nhập... vì pháp tánh là thường trú.

Lại nữa, Bồ tát Ma ha tát dùng đại bi tâm, tinh tấn tu 6 pháp Ba-la-mật, dùng các lực phương tiện trở lại trần gian, tu tập thiện pháp, để cầu các thánh địa, nhưng chẳng có chấp các địa tướng.

Hỏi: Như vậy là phát thú Đại thừa. Vì sao lại nói phát thú Thập địa?

Đáp: Đại thừa lấy “Địa” là căn bản. Quá trình tu tập của Bồ tát Đại thừa gồm có 10 Địa. Bồ tát tu từ Sơ địa... dần dần đến Thập Địa, nên gọi là phát thú Thập Địa.

Ví như khởi đầu tập cỡi ngựa, xong, bỏ ngựa tiến lên cỡi voi, rồi mới bỏ voi tiến lên cỡi rồng vậy.

Hỏi: 10 Địa gồm những Địa nào?

Đáp: Nói về “Địa” cần phân biệt rõ 2 nghĩa, đó là:

- Cộng Địa.
- Bồ tát Địa.

Cộng Địa bao gồm các địa từ Càn huệ Địa đến Phật Địa.

Ở nơi đây chỉ bàn về Bồ tát Địa, gồm 10 Địa sau đây:

Hoan hỷ địa, Ly cấu địa, Phát quang địa, Tăng diệu địa, Nan thắng địa, Hiện tiền địa, Thâm nhập địa, Bất động địa, Thiện tướng địa, và Pháp vân địa.

Tướng của các “địa” được nêu rõ trong bộ Thập Địa luận.

-o0o-

Bồ tát vào Sơ địa phải tu tập đầy đủ 10 pháp, từ thâm tâm kiên cố trị địa nghiệp, ..., dẫn đến thật ngữ trị địa nghiệp.

Ngài Tu Bồ Đề tuy đã biết rõ, nhưng vì muốn đoan nghi cho chúng sanh mà ngài hỏi Phật: Thế nào gọi là trị địa nghiệp?

Phật dạy: Bồ tát phải đúng theo Tát bà nhã tâm mà tu tập các thiện căn, mới được gọi là Bồ tát thâm tâm kiên cố trị địa nghiệp.

Cũng nên biết, Tát bà nhã tâm là Vô thượng bồ đề tâm.

Bồ tát phát Vô thượng bồ đề tâm, phát nguyện rằng: Trong đời vị lai sẽ thành Phật để độ thoát hết thảy chúng sanh.

Nếu Bồ tát lợi căn, có phước đức nhiều, nghiệp chướng ít, phiền não mỏng, thì ngay khi phát tâm đã liền được thâm tâm kiên cố, đã thâm nhập vào Phật đạo.

Bồ tát ra đời cũng chỉ vì Nhất thiết chủng trí, nên ở trong bất cứ trường hợp nào, Bồ tát cũng nguyện tu hết thảy các công đức như bố thí, trì giới, nhẫn nhục, thiền định... Bồ tát cũng tu hết thảy các công đức như vậy mà chẳng cầu phước báo ở cõi Trời, cõi người, chẳng cầu được thọ mạng an ổn...

Hỏi: *Bồ tát chưa vào được Nhất thiết chủng trí, chưa nếm được vị Nhất thiết chủng trí thì làm sao có được thâm tâm?*

Đáp: Trước đây đã nói rằng người thiện căn, đại trí, do phiền não mỏng, do phước đức sâu dày, nên chẳng có đấm cháp đục lạc thế gian. Hạng người này khi chưa được nghe pháp Đại thừa mà đã được như vậy rồi, nên khi vừa được nghe pháp Đại thừa là liền có được thâm tâm.

Ví như ngài Ma Ha Ca Diếp có vợ xinh đẹp đoan trang mà ngài vẫn cắt ái, xuất gia theo Phật, để cầu giải thoát. Lại ví như người con trai của vị trưởng giả Gia Xá, đêm đêm thấy các thế nữ xinh đẹp nằm ngủ như những xác chết, đã cương quyết từ bỏ đục lạc, đem 10 vạn lạng vàng để bên bờ sông, rồi vượt qua sông tìm đến chỗ Phật, xin được xuất gia.

Như vậy, ở trong thế gian cũng có vô số người, từ các bậc vua chúa đến hàng thường dân, nhằm chán đục lạc, ra đi tìm đạo.

Chư vị Bồ tát đã đầy đủ công đức nhân duyên, nên vừa nghe thuyết pháp Đại thừa liền được thâm nhập vào đạo vậy.

Trong phẩm “*Tát Đà Bà Luân*” có nêu trường hợp một người con gái của một vị trưởng giả chỉ thoát nghe người tán thán công đức của Phật, đã liền xin cha mẹ đến chỗ Bồ tát Đàm Vô Kiệt để được nghe thuyết về Bát nhã Ba-la-mật. Do nàng đã có thiện căn thuần thực, nên vừa nghe thuyết giảng là liền được thâm tâm. Vì sao? Vì khi 5 căn đã được thuần thực thì phân biệt rõ được thiện ác, lúc bấy giờ 10 thiện đạo, ..., dẫn đến pháp Thanh Văn cũng còn muốn nghe hưởng nữa là nghe pháp Vô Thượng.

Lại nữa, Bồ tát sơ phát tâm Vô thượng bồ đề đã là tối thượng trong thế gian rồi, hưởng nữa là khi Bồ tát đã thành tựu được viên mãn Vô thượng bồ đề tâm.

Bồ tát khi đã hưởng được khí vị của Bát nhã Ba-la-mật rồi, liền sanh tâm hoan hỷ, nên rất vui mừng. Ví như người bị giam cầm lâu ngày trong ngục tối, vừa thấy ánh sáng là liền sanh tâm hoan hỷ, Bồ tát khi thấy được ánh sáng quang minh của Phật, liền sanh tâm hoan hỷ nên rất vui mừng. Vì sao? Vì Bồ tát do duyên nghiệp đời trước, bị giam hãm trong 12 nhập vô minh, hắc ám, khiến chỗ thấy biết đều bị sai lệch. Nay được nghe Bát nhã Ba-la-mật, được hưởng khí vị Bát nhã Ba-la-mật, nên liền thâm tâm niệm Nhất thiết chủng trí, với hy vọng ra khỏi 3 cõi, 6 loài, lại tự nguyện đem phương tiện quang minh độ thoát hết thảy chúng sanh cùng ra khỏi 3 cõi, 6 loài như mình vậy.

Lại nữa, khi phát Vô thượng bồ đề tâm, Bồ tát đã nguyện đem đại bi tâm, thương hết thảy chúng sanh như thương Phật.

Thâm nhập đại bi làm lợi ích cho chúng sanh, là tướng “thâm tâm” vậy. Khi vào Sơ địa, Bồ tát đã thường hành đại bi nên thường sanh tâm bình đẳng đối với hết thảy chúng sanh, xem oán thân là một, xem bạn thù chẳng phải hai. Tình

thương của Bồ tát đối với chúng sanh bao la như biển lớn, nên chẳng mảy may phân biệt.

Phật lại nói rằng Bồ tát thường hành 4 vô lượng tâm.

Nghĩa của 4 vô lượng tâm như sau:

1. Thấy chúng sanh mà đem lòng thương xót, nên sanh từ tâm.

2. Thấy chúng sanh khổ mà phát nguyện cứu khổ cho chúng sanh, nên sanh bi tâm.

3. Thấy chúng sanh mà phát nguyện muốn cho hết thảy chúng sanh đều thành Phật, nên sanh hỷ tâm.

4. Thấy hết thảy chúng sanh chẳng khổ, chẳng lạc, nên sanh xả tâm.

-o0o-

Ngoài ra cũng nên biết, xả có 2 nghĩa, đó là:

- Xả tài và hành bố thí.

- Xả kiết sử.

“Xả” theo nghĩa thứ nhất là xả xan tham, còn theo nghĩa thứ hai thì đó là xả kiết sử. Bồ tát phải tu đến Thất Địa mới hoàn toàn xả sạch kiết sử.

Hỏi: “Xả” có rất nhiều nghĩa khác nhau. Trong kinh có nói đến xả pháp thế gian và xả pháp xuất thế gian. Như vậy vì sao Phật nói “vô phân biệt” và “chánh ức tướng” nhiếp về trí xuất thế gian?

Đáp: “Xả” có rất nhiều tướng. Nay chỉ nói theo nghĩa của pháp Đại thừa. Là xả mà chẳng thủ chấp tướng. Đây là

nhằm dạy Bồ tát bố thí đúng như pháp, nghĩa là bố thí mà chẳng chấp tướng, chẳng chấp có tướng người thí, tướng vật đem ra bố thí, và tướng người thọ thí.

-o0o-

Người cầu pháp cần phải biết rõ 3 điều sau đây:

1. Niết Bàn là pháp vô thượng trong hết thảy các pháp.
2. Tu 8 Thánh đạo là phương tiện dẫn đến Niết Bàn.
3. Hết thảy các thiện ngữ và thật ngữ trợ giúp rất nhiều cho việc tu tập 8 Thánh đạo.

Người cầu pháp cũng nên biết có đến 8 vạn 4 ngàn pháp môn tu, trình bày rải rác trong 12 bộ kinh, thuộc 4 tạng:

- A Hàm.
- A Tỳ Đàm.
- Tỳ Ni.
- Tạp Tạng.

Người cầu pháp cũng nên biết rằng, kinh *Bát nhã Ba-la-mật* và các kinh Ma ha diễn nhiếp về pháp Đại thừa.

Lại nữa, người cầu pháp phải đọc chép, diễn dịch, chánh ức niệm về các kinh điển, nhằm có được các lực phương tiện trị các tâm bệnh của chúng sanh. Vậy nên người cầu pháp phải thường tu tập “lạc pháp”, chẳng nên tiếc thân mạng của mình.

Trong kinh có chép các mẫu chuyện sau đây:

* Phật Thích Ca Mưu Ni khi còn là Bồ tát, dù sanh ra vào thời kỳ không có Phật, dù chẳng nghe được các thiện ngữ trong 4 phương, mà vẫn tâm cầu “lạc pháp”, tinh tấn chẳng

hề giải đãi. Thấy vậy, Thiên ma hiện thân làm Bà-la-môn đến nói với Bồ tát rằng: “Ta có một bài kệ của Phật, nếu ông thuận lột da làm giấy, chẻ xương làm bút, lấy máu làm mực, thì ta sẽ vì ông nói lạc pháp cho ông nghe”. Bồ tát tự nghĩ “Ta trải qua nhiều đời, nhiều kiếp, chẳng nghe được lạc pháp, nay ta tự nguyện làm y theo lời dặn của vị Bà-la-môn này, để được nghe và được ghi chép bài kệ”. Lúc bấy giờ Thiên ma tự biến thành thân Phật, thuyết bài kệ cho Bồ tát nghe. Vừa nghe xong bài kệ, Bồ tát liền được vô sanh pháp nhãn.

* Lại nữa, trong một kiếp trước, Phật Thích Ca Mưu Ni còn là Bồ tát, đã tự nguyện đóng 500 cái đinh vào thân để cầu pháp.

Lại nữa, ví như vua Kim Cương tự cắt 500 chỗ trong thân mình, đốt lên làm đèn để cầu pháp.

Như vậy, dù các khổ hạnh rất khó làm, nhưng Bồ tát vì chúng sanh, vẫn nhất tâm tinh tấn cầu pháp, vẫn nhẫn thọ mọi sự đau khổ.

-o0o-

Bồ tát nghe lời Phật dạy “cầu pháp là cầu Nhất thiết chủng trí, chớ nên hướng tâm về Thanh Văn địa và Bích Chi Phật địa”, nên tự nghĩ rằng: Tại gia có rất nhiều tội lỗi gây trở ngại cho sự tu hành, khó được tâm thanh tịnh. Dù ta chẳng xuất gia, thì khi chết đi, ta vẫn phải từ bỏ thân này, các bậc vua chúa, dẫn đến các vị Trời, hưởng bao nhiêu phước lạc, mà vẫn chẳng sao trốn tránh được cảnh chết, ta phải quyết tâm xuất gia cầu Phật đạo, mới mong được giải thoát.

Trên đây, Phật mật ý dạy rằng “xuất gia cầu Phật đạo phải là xuất gia với tâm thanh tịnh, chẳng có tạp nhiễm, khác hẳn với 96 lối xuất gia của các hàng ngoại đạo.

Người xuất gia hành đạo phải giữ chánh kiến.

Trong Phật pháp có phân biệt 2 thứ chánh kiến. Đó là:

- Chánh kiến thế gian.
- Chánh kiến xuất thế gian.

Muốn được chánh kiến xuất thế gian, phải ái ngưỡng Phật thân, và khi nghe tán thán công đức của Phật, phải tự niệm rằng: Vào đời vị lai ta cũng sẽ thành Phật, nay ta nguyện đời đời ái ngưỡng Phật thân, gặp Phật cầu pháp, để rồi vì chúng sanh thuyết giảng Phật pháp cho họ nghe, khuyến họ khi tại gia hành tài thí, khi xuất gia hành pháp thí.

-o0o-

Người trì chánh pháp mà chẳng cầu danh lợi, thì mới có thể vì chúng sanh nói pháp cho họ nghe được, mới có thể hành trì, thuyết giảng và tán thán 6 pháp Ba la mật được.

Vì sao? Vì nếu chỉ do nhằm chán thế gian mà ly gia đình, ly các phiền não, thì đó mới chỉ là “sơ thiện”, nếu thọ trì giảng nói các pháp Nhị thừa, thì là “trung thiện”, phải nói lên được diệu nghĩa của Phật pháp mới gọi là “hảo thuyết”. Cho nên trong kinh nói, nếu hành 8 Thánh đạo thanh tịnh là hành đầy đủ Thánh giáo.

-o0o-

Trong 12 bộ kinh đều có nói về sự phá kiêu mạn. Vì sao? Vì khi xuất gia, trì giới, Bồ tát phải đoạn sạch kiêu mạn. Nếu Bồ tát còn sanh tâm kiêu mạn thì phải tự niệm rằng: Ta đã cạo đầu, nhuộm y, cầm bình bát đi khất thực là nhằm phá kiêu mạn nơi ta, nếu ta còn khởi tâm kiêu mạn thì các công

đức của ta sẽ bị che lấp, khiến chúng sanh chẳng còn tin kính ta nữa, do vậy mà ta phải thọ sanh vào chốn tệ ác, vào các loài súc sanh, hoặc thọ sanh làm người vào nhà hạ tiện.

Kiều mạn có nhiều tội lỗi như vậy, nên dù đời nay có được phước báo sanh vào nhà giàu sang, phú quý, vẫn phải phá tâm kiêu mạn.

-o0o-

Trái lại, thật ngữ là gốc thiện, dẫn sanh lên cõi Trời, nên người hành thật ngữ được nhiều người tín thọ, được vô lượng phước đức.

Hỏi: *Thiện khẩu nghiệp có 4. Vì sao ở đây chỉ nói đến thật ngữ mà thôi?*

Đáp: Phật pháp quý thật ngữ, vì thật ngữ nhiếp được cả 4 đế. Bồ tát, vào sơ địa, tu xả 4 khẩu nghiệp, nhưng phải lên đến nhị địa mới xả được hoàn toàn. Ở sơ địa, Bồ tát dùng thật ngữ để diễn nói các pháp, mà vẫn biết các ngôn ngữ đều là bất khả đắc.

Hỏi: *Vì sao chỉ nói đến 10 pháp tu ở sơ địa mà thôi?*

Đáp: Vì Phật dạy rằng Bồ tát tu đầy đủ 10 pháp đó, là vào được sơ địa. Ví như ông thầy thuốc, sau khi chẩn mạch bệnh nhân xong, đã có thể biết rõ bệnh nhân cần dùng những loại thuốc nào, với liều lượng bao nhiêu là đủ để chữa trừ dứt bệnh vậy.

Như vậy, chẳng nên bận tâm đến số lượng pháp tu nhiều hay ít.

-o0o-

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát, an trú nhị địa thường niệm 8 pháp, từ trì giới thanh tịnh... dẫn đến siêng năng tu tập 6 pháp Ba la mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nên biết:

- Nếu Bồ tát chẳng niệm Thanh Văn tâm và Bích chi Phật tâm, chẳng niệm sự phá giới làm chướng ngại Phật đạo, thì gọi là Bồ tát thường niệm giới thanh tịnh.

- Nếu Bồ tát, khi hành Bồ tát đạo, chẳng quên đền đáp ơn, dù là ơn nhỏ, thì gọi là Bồ tát thường niệm biết ơn và báo ơn.

- Nếu Bồ tát chẳng sân, chẳng não đối với hết thảy chúng sanh, thì gọi là Bồ tát thường niệm nhẫn nhục.

- Nếu Bồ tát lấy sự thành tựu chúng sanh làm niềm vui, thì gọi là Bồ tát thọ hoan hỷ.

- Nếu Bồ tát thường niệm cứu độ hết thảy chúng sanh, thì gọi là Bồ tát chẳng xả chúng sanh.

- Nếu Bồ tát nhẫn thọ khổ nhục của hết thảy chúng sanh, từ chúng sanh thọ khổ trong chốn địa ngục, đến chúng sanh thọ vui ở Niết bàn Thanh Văn, rồi lại nghĩ rằng “Ta phải phát đại bi tâm cứu tất cả chúng sanh, và vì họ mà nhẫn khổ”, thì gọi là Bồ tát vào đại bi tâm.

- Nếu Bồ tát tin kính cầu pháp nơi các bậc sư trưởng, xem thầy như Phật, thì gọi là Bồ tát tin kính sư trưởng.

- Nếu Bồ tát nhất tâm cầu 6 pháp Ba la mật, thì gọi là Bồ tát cần cầu 6 pháp Ba la mật.

Như vậy gọi là Bồ tát, trú nhị địa, thường niệm 8 pháp.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát an trú tam địa, đầy đủ 5 pháp, từ học vấn nhiều chẳng nhàm chán... dẫn đến trú trong tâm quý?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nên biết:

- Nếu Bồ tát đi khắp 10 phương, cầu được nghe và thọ trì chánh pháp của chư Phật, tinh tấn chẳng hề mệt mỏi, thì gọi là Bồ tát học vấn nhiều mà chẳng hề sanh nhàm chán.

- Nếu Bồ tát hành pháp thí, mà chẳng mong cầu danh lợi, cũng chẳng mong cầu Vô thượng bồ đề, thì gọi là Bồ tát thanh tịnh pháp thí, mà chẳng sanh cao tâm.

- Nếu Bồ tát đem tất cả thiện căn công đức hồi hướng về Vô thượng bồ đề, thì gọi là Bồ tát trang nghiêm Phật độ.

- Nếu Bồ tát muốn được các thiện căn đầy đủ, để thành tựu chúng sanh, trang nghiêm Phật độ, dẫn đến để được Nhất thiết chủng trí, mà cần khổ chẳng hề mệt mỏi, thì gọi là Bồ tát nhẫn thọ vô lượng khổ thế gian, chẳng nhàm chán.

- Nếu Bồ tát, mỗi khi móng tâm chứng quả Thanh Văn, là liền sanh tâm quý, thì gọi là Bồ tát trú trong tâm quý.

Như vậy gọi là Bồ tát, trú tam địa, đầy đủ 5 pháp.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát an trú tứ địa, chẳng bỏ 10 pháp, từ chẳng bỏ A lan nhã xứ, ..., dẫn đến chẳng ôm giữ các vật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nên biết:

- Nếu Bồ tát chẳng trú Thanh Văn địa, thì gọi là Bồ tát chẳng bỏ A lan nhã xứ.

- Nếu Bồ tát chỉ nhất tâm niệm Nhất thiết chủng trí, thì gọi là Bồ tát tri túc.

- Nếu Bồ tát chẳng có ý niệm mong muốn các dục, dẫn đến chẳng có ý niệm mong muốn Vô thượng bồ đề, thì gọi là Bồ tát thiếu dục.

- Nếu Bồ tát quán thâm pháp nhẫn, thì gọi là Bồ tát chẳng xả công đức Đâu đà.

- Nếu Bồ tát chẳng chấp các giới tướng thì gọi là Bồ tát chẳng xả giới.

- Nếu Bồ tát biết rõ hết thấy các pháp đều chẳng có tạo tác, thì gọi là Bồ tát nhàm thế gian, thuận Niết Bàn.

- Nếu Bồ tát chẳng sanh dục tâm, thì gọi là Bồ tát ghét bỏ các dục nhiễm.

- Nếu Bồ tát xả bỏ tất cả các nội pháp và ngoại pháp, thì gọi là Bồ tát xả bỏ tất cả vật sở hữu.

- Nếu Bồ tát chẳng khởi các thức, thì gọi là Bồ tát giữ tâm chẳng chìm đắm.

- Nếu Bồ tát chẳng chấp, cũng chẳng nhớ nghĩ hết thấy các vật, thì gọi là Bồ tát chẳng ôm giữ các vật.

Như vậy gọi là Bồ tát, trú tứ địa, chẳng bỏ 10 pháp.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát, an trú ngũ địa, xa lìa 12 pháp, từ xa lìa người thân bạch y, ..., dẫn đến xa lìa tham sân si?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nên biết:

- Nếu Bồ tát, từ Phật quốc này đến Phật quốc khác, thường xuất gia, thì gọi là Bồ tát xa lìa người thân bạch y.

- Nếu Bồ tát chẳng ở chung một chỗ với Tỷ-kheo ni dẫn đến chẳng móng tâm nghĩ như vậy, thì gọi là Bồ tát xa lìa Tỷ-kheo ni.

- Nếu Bồ tát thường niệm “Ta đã thệ nguyện an lạc hết thủy chúng sanh, ta chẳng nên tham trước các việc thế gian, thì gọi là Bồ tát xa lìa xan tham.

- Nếu Bồ tát xa lìa các đàm thuyết vô ích dẫn đến các hạnh Thanh Văn và Bích Chi Phật, thì gọi là Bồ tát xa lìa lời nói vô ích.

- Nếu Bồ tát chẳng để cho các tâm sân hận, náo hại, đấu tranh khởi lên, thì gọi Bồ tát xa lìa sự nóng giận.

- Nếu Bồ tát chẳng thấy có nội pháp, khiến chẳng sanh cao tâm, thì gọi là Bồ tát xa lìa sự tự cao.

- Nếu Bồ tát chẳng thấy có ngoại pháp, khiến chẳng thấy ai đáng khinh miệt cả, thì gọi là Bồ tát xa lìa sự khinh miệt người.

- Nếu Bồ tát xa lìa 10 bất thiện đạo làm chướng ngại 8 thánh đạo, dẫn đến chướng ngại Vô thượng bồ đề, thì gọi là Bồ tát xa lìa 10 bất thiện đạo.

- Nếu Bồ tát chẳng thấy có pháp “đại mạng”, thì gọi là Bồ tát xa lìa sự đại mạng.

- Nếu Bồ tát chẳng thấy có pháp tự dụng, thì gọi là Bồ tát xa lìa sự tự dụng ích kỷ.

- Nếu Bồ tát biết rõ điên đảo là bất khả đắc, thì gọi là Bồ tát xa lìa điên đảo.

- Nếu Bồ tát chẳng nghĩ đến các pháp tham, sân, si, thì gọi là Bồ tát xa lìa tham sân si.

Như vậy gọi là Bồ tát, trú ngũ địa, xa lìa 12 pháp.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát, an trú lục địa, đầy đủ 6 pháp?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đó là Bồ tát hành đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, khiến có thể vượt qua đến bờ bên kia.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát an trú lục địa, chẳng nên làm 6 pháp, từ chẳng móng tâm Thanh Văn và tâm Bích Chi Phật, ..., dẫn đến chẳng có nghi các pháp thậm thâm?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nên biết:

- Nếu Bồ tát nghĩ rằng tâm Thanh Văn và tâm Bích Chi Phật chẳng phải là nhân tu Vô thượng bồ đề, thì gọi là Bồ tát chẳng móng tâm Thanh Văn và tâm Bích Chi Phật.

- Nếu Bồ tát biết rõ bố thí mà còn sanh ưu phiền chẳng phải là nhân tu Vô thượng bồ đề, thì gọi là Bồ tát hành bố thí mà chẳng sanh ưu tâm.

- Nếu Bồ tát biết rõ rằng thấy người đến cầu xin mà mình có ý muốn trốn tránh chẳng phải là nhân tu Vô thượng bồ đề thì gọi là Bồ tát chẳng trốn tránh trước sự cầu xin của người.

- Nếu Bồ tát sẵn sàng bố thí tất cả các nội ngoại vật sở hữu của mình, chẳng thấy có vật gì mà chẳng có thể dùng để bố thí cả, thì gọi là Bồ tát chẳng luyến tiếc vật sở hữu dùng để bố thí.

- Nếu Bồ tát có đủ lực từ bi, khiến sau khi hành bố thí mà tâm chẳng mảy may hối tiếc, thì gọi là Bồ tát chẳng sanh hối tâm sau khi hành bố thí.

- Nếu Bồ tát có đủ các lực công đức, thì gọi là Bồ tát chẳng nghi các pháp thậm thâm.

Như vậy gọi là Bồ tát trú lục địa phải đầy đủ 6 pháp và chẳng nên làm 6 pháp.

LUẬN:

Hỏi: *Bồ tát vào sơ địa đã thường hành bố thí, nhằm thanh tịnh giới. Nay vì sao lại nói trì giới thắng hơn bố thí?*

Đáp: Vì trì giới nhiếp hết thảy chúng sanh, còn bố thí chẳng phổ cập cùng khắp.

Trì giới có vô lượng công đức. Ví như không sát sanh là đã gián tiếp bố thí vô úy, bố thí sanh mạng cho chúng sanh rồi vậy.

Những người phá Phật đạo đều gọi là hành giới cầu. Người tu hành phải ly các giới cầu, mới được giới thanh tịnh.

Đối với Bồ tát, thì hướng về tâm Thanh Văn và tâm Bích Chi Phật đã gọi là hành giới cầu rồi, huống nữa là gần gũi các ác tri thức.

Lại nữa, đã mang ơn người khác mà cố tình quên ơn cũng gọi là hành giới cầu. Bồ tát biết ơn hết thảy chúng sanh, vì nghĩ rằng: Tất cả chúng sanh đều đóng góp công lao để tạo nên sự an lạc của mình. Vì sao? Vì nếu chẳng có các nhân duyên hòa hợp, thì Bồ tát chẳng có thể được sự an lạc. Ví như hạt lúa phải nhờ các nhân duyên hòa hợp của đất, phân, nước, công sức của người nông phu... mới có thể nảy mầm để trở thành cây mạ, thành cây lúa được vậy.

Bồ tát biết rõ rằng sự biết ơn là gốc đại bi, khai sanh ra các thiện nghiệp.

Người có nhân cách, lúc nào cũng biết ơn và kính trọng mọi người, nên được nhiều người kính mến khiến danh dự được vang xa, và khi chết sẽ sanh trở lại cõi Trời, người; về sau sẽ được viên thành Phật đạo. Trái lại, người chẳng biết ơn còn thua kém xa loài cầm thú.

Trong kinh *Bốn Sanh* có chép mẫu chuyện sau đây:

Có một người tiều phu vào rừng đốn củi, chẳng may bị lạc đường, gặp lúc trời mưa to. Ông vừa đói khát, vừa lạnh lẽo, lại bị các ác trùng độc thú hăm he sát hại. Trong tình huống đó, ông bèn bước vào một hang đá để ẩn núp.

Ngay khi vừa mới bước vào, ông liền thấy một con gấu thật to đang nằm trong đó. Sợ quá, ông quay mình tháo chạy.

Thế nhưng gấu cất tiếng bảo, ông đừng có sợ. Nhà tôi âm áp, ông cứ vào bên trong nằm ngủ cho đỡ mệt.

Thế rồi, suốt 7 ngày mưa lớn, gấu thường đem quả ngon nước mát đến cho người tiều phu dùng.

Sau 7 ngày, mưa dứt hẳn, trời trở lại quang đãng, gấu bèn dẫn người tiều phu đến ven rừng, và căn dặn rằng: Tôi là người phạm tội, nên phải làm thân gấu. Nếu có ai hỏi, xin ông đừng nói đã có gặp tôi. Người tiều phu vâng lời cảm ơn gấu, rồi từ giã ra đi.

Đọc đường ông gặp mấy người thợ săn gạn hỏi: Ông có thấy có con thú nào trong rừng chẳng?

Người tiều phu vẫn làm thinh, tự nghĩ rằng: Gấu kia là vị ân nhân của ta, nhờ gấu mà ta được tránh mưa, được ăn uống no đủ, được sống bình an cho đến ngày hôm nay.

Nghĩ như vậy, nên ông quyết định không chỉ gấu cho các thợ săn.

Một thời gian sau, các người thợ săn bắt được gấu, mổ thịt rồi đem cho người tiều phu một phần. Người tiều phu dứt khoát từ chối. Mấy thợ săn rất lấy làm lạ và hỏi rằng: Vì sao người lại từ chối chẳng muốn nhận phần thịt gấu?

Người tiều phu trả lời: Gấu thương tôi như cha thương con, nên tôi chẳng có thể ăn thịt ân nhân của tôi được.

Rồi ông bèn kể chuyện gặp gấu trong hang đá, được gấu thương yêu, nuôi dưỡng suốt 7 ngày; nhờ gấu mà ông thoát khỏi tai nạn, sống an lành cho đến ngày hôm nay.

Nghe xong câu chuyện, ai nấy đều run sợ, chẳng ai dám ăn thịt gấu nữa. Họ bèn đem thịt gấu cúng dường chư Tăng.

Lúc bấy giờ, các vị thượng tọa đều là A-la-hán, có đủ thần thông, nói với Tăng Chúng rằng: Đây là thịt của một vị nhục thân Bồ tát, đời sau sẽ thành Phật, chớ nên ăn.

Sau đó, chư Tăng xây tháp cúng dường Bồ tát.

Nhà vua nghe chuyện liền ban sắc chỉ tán thán công đức của gấu và của người tiều phu, khuyên thần dân trong nước nên theo gương ban ơn và biết ơn cao thượng này. Toàn dân hết lòng tin kính.

-o0o-

Bồ tát còn nghĩ rằng “Những người làm ác đối với ta, mà ta còn độ họ, hưởng nữa là những người đã ban ơn cho ta”.

Hỏi: *Các duyên khởi ra tướng nhãn nhục như thế nào?*

Đáp: Do trước chẳng nên được sân, mà sau đó sân mới dấy khởi, thể hiện bằng các ác hạnh ở thân, ở khẩu làm náo loạn người khác. Nếu nhẫn được các việc như vậy, thì gọi là “sơ nhẫn”. Đây mới là giai đoạn “chúng sanh nhẫn”.

Bồ tát hành đầy đủ “chúng sanh nhẫn” và “pháp nhẫn”. Do hành pháp nhẫn, mà Bồ tát sanh tâm hoan hỷ. Vì sao? Vì do trì giới, hành nhẫn nhục, mà được thân tâm thanh tịnh. Do được thân tâm thanh tịnh, mà liền sanh hoan hỷ.

Ví như người tắm nước hoa thơm, mặc áo sang trọng, đeo chuỗi anh lạc trang nghiêm, thấy hình ảnh của mình trong gương, liền sanh hoan hỷ. Bồ tát cũng như vậy, do đã được giới định huệ trang nghiêm, do biết mình có được vô lượng công đức, nên sanh tâm hoan hỷ.

Bồ tát an trú trong giới nhẫn, giáo hóa chúng sanh, khiến họ được an lạc, được Thanh Văn thừa, hoặc được Phật thừa.

Bồ tát vui mừng, khi thấy chúng sanh vui mừng; cũng như ông trưởng giả vui mừng, khi thấy con mình ra khỏi “nhà lửa” vậy.

Nếu Bồ tát đã phát đại bi tâm, đã thệ nguyện độ chúng sanh, và kiên quyết giữ vững tâm ấy, thì phải biết vị Bồ tát ấy được chư Phật, chư Bồ tát và chư Thánh hiền gia bị. Trái lại nếu Bồ tát đã phát nguyện mà chẳng muốn độ chúng sanh, thì sẽ mang tội nói dối với chúng sanh. Do vậy mà nói rằng Bồ tát nào chẳng xả chúng sanh là đã vào đại bi tâm rồi vậy.

Như trước đây đã nói, Phật cũng như chư vị đại Bồ tát phát nguyện trải qua vô lượng kiếp ở trong địa ngục, thay cho chúng sanh thọ khổ, lại dạy cho họ tu các công đức, dẫn dắt họ vào Phật đạo, vào Vô dư Niết bàn.

Hỏi: *Bồ tát làm sao có thể thay chúng sanh thọ khổ được?*

Đáp: Bồ tát phát đại tâm cứu độ chúng sanh, thâm ái chúng sanh, bênh vực chúng sanh gọi là thay chúng sanh thọ khổ.

Bồ tát phát đại tâm thệ nguyện rằng: Ta phải sanh tâm cung kính, tôn trọng chúng sanh, vì tất cả chúng sanh đều đóng góp công lao đã tạo nên sự an lạc của ta. Ta phải hết lòng cung kính cúng dường sư trưởng, vì nhờ đức trí cao minh của thầy, ta mới có thiện duyên đọc kinh, nghe pháp, mới được các sự lợi ích. Ví như nước từ trên cao chảy xuống

thấp, nếu ta sanh cao tâm, kiêu mạn, thì mưa pháp sẽ chẳng thấm nhuần vào ta được.

Phật dạy: Người tu hành phải kính sư như kính Phật, phải y chỉ nơi sư trưởng, thì trì giới, thiền định, giải thoát, giải thoát tri kiến mới mau được tăng trưởng.

Hỏi: *Đối với các ác sư, thì làm sao có thể cung kính được?*

Đáp: Bồ tát chẳng nên thuận theo pháp thế gian.

Người thế gian thấy người thiện thì thường gần gũi, tôn kính, thấy người ác thì thường ghét bỏ, xa lìa. Bồ tát chẳng làm như vậy được. Vì sao? Vì tất cả những ai đã khai mở nghi kiết cho ta đều đem lại sự lợi ích cho ta. Bởi vậy nên Bồ tát cung kính tất cả chúng sanh, chẳng nghĩ đến việc làm ác của họ. Ví như người đi trong đêm tối, lần bước theo ánh đuốc của người đi trước, dù người cầm đuốc đó là người xấu, thì ánh đuốc vẫn dẫn đường cho những người khác đi theo vậy.

Bồ tát nhờ sư trưởng mà thành tựu được các việc lớn, nên chẳng để tâm chấp các việc nhỏ.

Lại nữa, Bồ tát hành Bát nhã Ba la mật, phải nên biết rằng các bậc sư trưởng có vô lượng lực phương tiện để truyền pháp. Có khi các ngài thị hiện làm các ác hạnh, mà các hàng phàm phu chẳng sao có thể biết rõ được nguyên nhân.

Trong kinh có nêu trường hợp Bồ tát Tát Đà Bà Luân nghe tiếng vọng giữa hư không rằng: **Đối với pháp sư, ông chớ nên để tâm tìm kiếm những chỗ xấu của thầy mà sanh tâm lo sợ cho thầy.**

Bồ tát nghĩ rằng: Việc tốt cũng như việc xấu của thầy chẳng phải là việc của ta, ta phải nhất tâm tinh tấn cầu pháp nơi thầy, phải lắng nghe những lời thầy truyền dạy mới có

được nhiều lợi ích. Ví như các tượng đất, tượng đá, tượng gỗ... chẳng có thật công đức, thế nhưng do lễ bái, chiêm ngưỡng tượng Phật, mà ta phát được tâm tưởng Phật, tin Phật, nhờ vậy mà được vô lượng công đức. Lại nữa, các pháp sư dùng nhiều lực phương tiện, tùy theo căn trí của chúng sanh mà nói pháp, có trường hợp các ngài phải dùng đến các ác hạnh vậy. Bởi vậy cho nên đối với bậc sư trưởng, ta phải một lòng cung kính, cúng dường, chẳng bao giờ mong tâm khinh mạn mà mang tội.

Bồ tát quán các pháp rốt ráo là “không”, quán hết thầy chúng sanh đều có Phật tánh.

Đối với các bậc pháp sư, Bồ tát lại nghĩ rằng: Các ngài dùng trí huệ Bát nhã làm các Phật sự, chỉ vì lợi ích cho chúng sanh, ta phải kính thầy như kính Phật, ta phải đến với thầy để cầu tu học 6 pháp Ba la mật.

Bồ tát lại nghĩ rằng: 6 pháp Ba la mật là chánh nhân dẫn dắt ta vào đạo, nên ta phải nhất tâm tinh tấn hành 6 pháp Ba la mật. Ví như người làm ruộng phải biết chọn giống, chọn phân bón, phải biết cày bừa đất đúng theo thời vụ. Rồi sau khi gieo giống lại còn phải siêng năng bón phân, làm cỏ tưới nước... mới mong thành tựu mùa gặt hái tốt được. Lại ví như đời nay bố thí, đời sau được nhiều phước đức, đời nay trì giới, đời sau được tôn quý, đời nay tu thiền định, đời sau được trí huệ, đời nay tu 6 pháp Ba-la-mật, đời sau sẽ được thành Phật.

Trong kinh dạy: Bồ tát trú nhị địa, phải tinh cần, chớ nên giải đãi, lên đến tam địa phải học vẫn nhiều, chớ nên nhàm chán.

Vì sao? Vì càng học nhiều thì trí huệ càng được mở rộng, ví như mắt càng sáng thì càng thấy rõ đường đi, càng dễ tránh các chướng ngại vật.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát phát nguyện rằng, chỗ nào có Phật thuyết pháp là đều đến nghe. Nhờ nghe pháp, nhờ thọ trì các đà la ni mà được thiên nhãn.

Giống như biển lớn dung nạp hết các nguồn nước của các sông lạch từ khắp nơi chảy về, Bồ tát thọ trì pháp Phật từ khắp 10 phương cũng là như vậy.

Bồ tát khi hành pháp thí chẳng cầu danh lợi, mà chỉ vì lợi ích cho chúng sanh, chẳng cầu pháp Tiểu thừa, mà chỉ cầu Nhất thiết chủng trí. Bồ tát dùng đại bi tâm, vì chúng sanh hành pháp thí, lấy trí huệ để trang nghiêm Phật quốc, thọ vô lượng khổ của thế gian, trú nơi tầm quý, chẳng xả bỏ A Lan Nhã xứ, trú nơi tri túc và thiếu dục.

Hỏi: *Vì sao nói Bồ tát có nhiều nhân duyên, vào trong các nẻo đường sanh tử, mà chẳng hề nhầm chán?*

Đáp: Phải có đầy đủ thiện căn mới có thể tự tại ra vào trong sanh tử, lại nữa, phải mỏng phiền não thì mới chẳng còn bị các khổ làm não loạn vậy. Ví như người có vết thương nhẹ, mà lại dùng thuốc tốt đắp lên, thì ắt được mau lành vậy.

Bồ tát đã đầy đủ thiện căn thanh tịnh, nên các ưu sầu tật đố cùng các ác hạnh đều đã tiêu sạch. Do có đầy đủ thiện căn, do thọ quả báo phước lạc, nên Bồ tát có nhiều nhân duyên làm lợi ích chúng sanh, tùy theo chỗ nguyện mà trang nghiêm Phật độ, ra vào sanh tử mà chẳng nhầm chán.

Trong các nhân duyên thành tựu thiện tâm, đáng kể nhất là “tầm” và “quý”. Do có tầm quý nên khi phát nguyện rộng độ chúng sanh, Bồ tát tự nghĩ rằng: Sự mong muốn được ít khổ, được chứng Niết Bàn đều đáng hổ thẹn cả.

Tầm và quý là tướng của tam địa. Vào địa này Bồ tát biết rõ hết thấy chúng sanh đều là vô sở đắc, đều là vô tướng, nên

chẳng chấp vô tướng, dẫn đến chẳng chấp Vô thượng bồ đề.

Bồ tát phải thường tu tập các công đức chẳng hề nhằm chán mới vào được Vô thượng đạo.

Bồ tát phải biết tri túc, từ ăn uống, thuốc men, y áo... đến các đồ dùng khác, chỉ cần có đủ dùng, cho đó là các thiện pháp nhân duyên, chẳng cần phải quan tâm đến.

Trong phẩm “Giác Ma” có nói Vô sanh pháp nhẫn là hạnh Đầu đà. Bồ tát trú trong thuận nhẫn, được vô sanh pháp nhẫn là đầy đủ 12 pháp Đầu đà, là đã trì giới thanh tịnh, và sẽ dẫn đến được thiên định và trí huệ.

Được vô sanh pháp nhẫn là được chân trí huệ. Đây là quả báo của hạnh Đầu đà. Cho nên nói nhẫn mà chẳng xả giới cũng chẳng chấp giới tướng mới gọi là Vô sanh pháp nhẫn.

Bồ tát biết rõ thật tướng pháp là vô sanh, nên chẳng thấy có trì giới, cũng chẳng thấy có phá giới. Do chẳng phá giới, chẳng mất giới nên vào được Vô Tướng Giải thoát môn, khiến các uế dục và các ác hạnh đều tiêu diệt.

Lại nữa, Phật dạy rằng Bồ tát do biết tri túc nên tâm chẳng điên đảo, chẳng sanh dục tâm, nhằm chán thế gian vì biết rõ ở trong thế gian chẳng có gì vui. Do vậy mà vào được Vô tác giải thoát môn.

Lại nữa, Bồ tát xả hết sở hữu tâm, nên chẳng sanh tâm sợ hãi, chẳng sanh tâm chìm đắm. Bồ tát biết rõ do nhân duyên sắc mà sanh ra có nhãn thức, ..., dẫn đến có ý duyên pháp mà sanh ra ý thức. Bồ tát trú trong “bất nhị pháp môn” quán 6 thức đều là hư dối, chẳng thật có. Do vậy mà phát thệ nguyện độ hết thầy chúng sanh cũng đều được trú trong “bất nhị pháp môn”, ly 6 thức, chẳng luyến tiếc hết thầy các vật. Đây là duyên “đại xả” vậy.

Lại nữa, Bồ tát biết rõ hết thấy pháp đều là rốt ráo không, nên diệt hết thấy các chấp về pháp tướng, khi hành bố thí, Bồ tát chẳng cầu ân huệ, cũng chẳng sanh cao tâm.

Được như vậy là đầy đủ Đản Ba-la-mật, vào tứ địa.

Khi vào ngũ địa, Bồ tát lại phải lìa người thân bạch y, tránh các tạp nhiễm thế tục, giữ gìn đạo tâm để trước độ mình và sau độ người. Vì sao? Vì nếu chưa tự độ được, thì cũng ví như người bơi chưa giỏi mà liều lĩnh cứu người đang bị dòng nước cuốn trôi, khiến cả mình lẫn người đều cùng bị chết chìm cả.

Bồ tát xa lìa người thân bạch y, nhằm tu tập các công đức. Vì sao? Vì đã cạo đầu đắp y, xuất gia trì giới thì chẳng nên gần gũi các người bạch y nữa.

Ngoài ra các Tỷ-kheo cũng chẳng nên gần gũi các Tỷ-kheo ni.

Hỏi: *Bồ tát quán hết thấy chúng sanh đều bình đẳng. Như vậy vì sao nói chẳng nên cùng với người bạch y cộng trú?*

Đáp: Vì Bồ tát ở các địa này chưa được bất thối chuyển, chưa được lậu tận, nên chẳng được cộng trú với hàng bạch y.

Lại nữa, lại phải tránh cho người đời tội phi báng Tăng Ni. Vì sao? Vì phi báng Tăng Ni sẽ phải đọa vào địa ngục.

Bồ tát nghĩ rằng: Ta đã xa lìa gia đình, xa lìa người thân, rời bỏ nhà cửa ra đi tìm đạo giải thoát, lẽ nào ta lại còn tham đắm nhà người, ta lại còn gần gũi họ nữa.

Tuy nhiên, vì muốn hết thấy chúng sanh được vui, nên Bồ tát thọ nhận sự cúng dường của họ.

Hỏi: *Vì sao nói Bồ tát muốn thọ sự cúng dường của chúng sanh, mà lại phải xa lìa các lời nói vô ích?*

Đáp: Nói để làm vừa lòng người, như nói giải sầu, bàn việc thời sự, bàn về giặc giã, bàn về phép quan lệ làng, bàn về thời tiết v.v... đều là những lời nói chẳng đem lại sự lợi ích gì cho sự tu tâm cả.

Bồ tát vì thương xót chúng sanh đang chìm đắm trong “nhà lửa”, tự nghĩ rằng: Ta phải gấp rút cứu thoát chúng sanh ra khỏi nhà lửa của 3 cõi. Lửa đã thiêu rụi cả 4 bên, sao ta còn an nhiên nói những chuyện vô ích. Nói chuyện về pháp Nhị thừa còn chẳng nên, huống nữa là bàn về những chuyện vô ích khác.

-o0o-

Bồ tát xa lìa sân nhuế và ác khẩu, vì biết rõ phi báng, kiện tụng, đánh đập... đều là những hình thức đấu tranh cả.

Bồ tát hành đại bi, nên đối với hết thảy chúng sanh chẳng sanh ác tâm, chẳng sanh khinh miệt cũng chẳng sanh tâm tự cao, tự đại. Bồ tát biết rõ nội ngoại pháp đều bất khả đắc, nên xa lìa 10 bất thiện đạo. Vì các bất thiện pháp phá sự giải thoát thanh tịnh của hàng Trời người. Người tu Tiểu thừa còn xa lìa 10 bất thiện đạo huống nữa là người tu theo pháp Đại thừa.

Bồ tát xa lìa “đại mạn”, tu “pháp không” nên chẳng thấy có tướng Đại thừa hay Tiểu thừa, xa lìa sự tự dụng ích kỷ, xa lìa 7 thứ kiêu mạn căn bản, xa lìa điên đảo, xa lìa 3 độc tham, sân, si. Vì sao? Vì Bồ tát thâm lạc thiện pháp, biết rõ các tướng “thường, lạc, ngã, tịnh” đều là bất khả đắc, biết rõ chỗ duyên của 3 độc đều chẳng có định tướng.

Đầy đủ như vậy là vào ngũ địa.

-o0o-

Phật dạy: Cả 3 thừa đều phải tu tập 6 pháp Ba-la-mật, mới đến được bờ bên kia.

Bồ tát trú lục địa phải tu tập đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật.

Hỏi: 6 pháp Ba-la-mật là 6 pháp tu của Bồ tát. Như vậy vì sao nói hàng Nhị thừa cũng phải tu tập 6 pháp Ba-la-mật để đến bờ bên kia?

Đáp: Phật dạy rằng tu đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật là được đầy đủ công năng Đại thừa, mà Đại thừa bao gồm luôn cả Tiểu thừa.

Tuy hàng Tiểu thừa chẳng được như Đại thừa, nhưng Tiểu thừa cũng quán “pháp không”.

Do quán “pháp không” mà chưa tu được 10 lực và 4 vô sở úy, nên chưa có đầy đủ các lực phương tiện, khiến phải hướng về Thanh Văn địa và Bích Chi Phật địa.

Bởi vậy nên Phật thường hộ niệm chư Bồ tát, khuyên chẳng nên sanh tâm Nhị thừa.

-o0o-

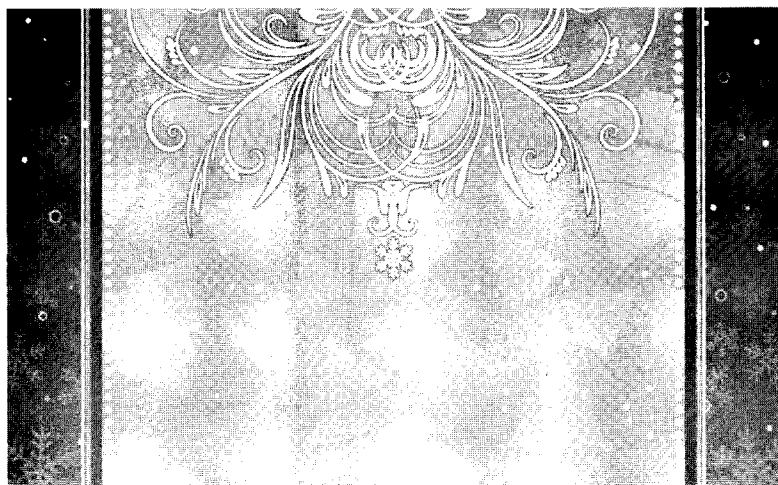
Bồ tát thế nguyện rộng độ chúng sanh, biết hết thảy pháp đều rất ráo không, nên khi hành bố thí chẳng sanh tâm hối tiếc, khi chúng sanh cầu các việc chướng cũng chẳng sanh sân, khi bố thí chẳng tiếc các nội ngoại vật sở hữu của mình.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát được phước đức sâu dày, được tín tâm kiên cố, được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật. Thâm kính chư Phật. Dù chưa được vô sanh pháp nhẫn, dù chưa có được đầy đủ các lực phương tiện mà Bồ tát vẫn chẳng khởi nghi tâm đối với các pháp thâm diệu.

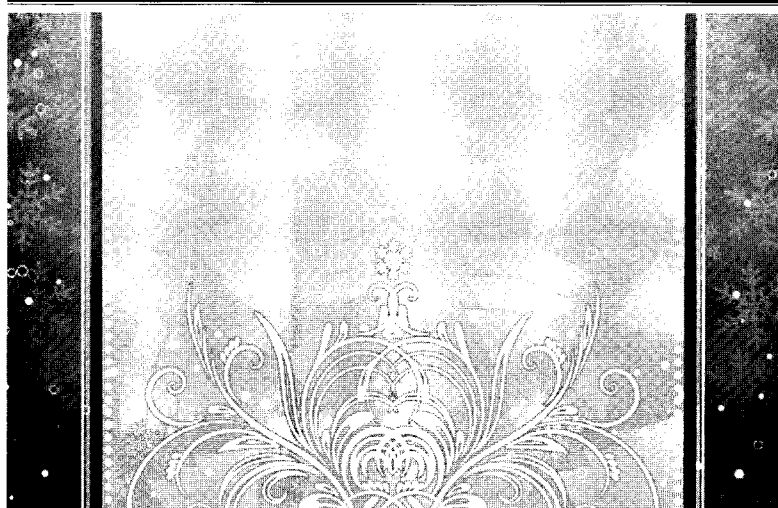
Phật dạy: Phải dùng trí huệ diệt các hý luận, phải chẳng còn có lỗi lầm mới có thể dùng các lực phương tiện mà tu các thiện pháp.

Như vậy nên chẳng khởi nghi tâm là tướng của lục địa vậy.

(Hết quyển 49)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 50



Phẩm Thứ Hai Mươi (TIẾP THEO)



Phát Thú Thập Địa (Hướng Đến Mười Địa, tiếp theo)

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát an trú thất địa, chẳng nên chấp 20 pháp, từ chẳng chấp ngã, ..., dẫn đến chẳng chấp giới kiến?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nên biết:

- Nếu Bồ tát biết rõ ngã rốt ráo là vô ngã thì gọi là Bồ tát chẳng chấp ngã.

- Nếu Bồ tát biết rõ chúng sanh rốt ráo là bất khả đắc, thì gọi là Bồ tát chẳng chấp chúng sanh.

- Nếu Bồ tát biết rõ thọ mạng dù dài, dù ngắn, rốt ráo là bất khả đắc, thì gọi là Bồ tát chẳng chấp thọ giả.

- Nếu Bồ tát biết rõ chúng sanh số, ..., dẫn đến tri giả, kiến giả đều rốt ráo là bất khả đắc, thì gọi là Bồ tát chẳng chấp các pháp ấy.

- Nếu Bồ tát biết rõ các pháp, rốt ráo là bất sanh, thì gọi là Bồ tát chẳng chấp đoạn kiến.

- Nếu Bồ tát biết rõ các pháp, rốt ráo là bất sanh nên là chẳng phải thường, thì gọi là Bồ tát chẳng chấp thường kiến.

- Nếu Bồ tát biết rõ các phiền não rốt ráo là không, thì gọi là Bồ tát chẳng chấp các tướng.

- Nếu Bồ tát biết rõ các kiến chấp rốt ráo là bất khả đắc, thì gọi là Bồ tát chẳng chấp tác nhân kiến.

- Nếu Bồ tát biết rõ danh sắc là tánh không, thì gọi là Bồ tát chẳng chấp danh sắc.

- Nếu Bồ tát biết rõ 5 âm là tánh không, thì gọi là Bồ tát chẳng chấp 5 âm.

- Nếu Bồ tát biết rõ 12 nhập là tánh không, thì gọi là Bồ tát chẳng chấp 12 nhập.

- Nếu Bồ tát biết rõ 18 giới là tánh không, thì gọi là Bồ tát chẳng chấp 18 giới.

- Nếu Bồ tát biết rõ 3 cõi là tánh không, thì gọi là Bồ tát chẳng chấp 3 cõi.

- Nếu Bồ tát biết rõ trú xứ là tánh không, thì gọi là Bồ tát chẳng chấp trú xứ.

- Nếu Bồ tát biết rõ sự mong cầu (tác nguyện) là tánh không, thì gọi là Bồ tát chẳng chấp chỗ mong cầu.

- Nếu Bồ tát biết rõ chỗ y xứ là tánh không, thì gọi là Bồ tát chẳng chấp chỗ y xứ.

- Nếu Bồ tát biết rằng mong tâm muốn thấy Phật là chẳng thể thấy Phật, thì gọi là Bồ tát chẳng chấp y nơi Phật.

- Nếu Bồ tát biết rõ pháp chẳng thể thấy được, thì gọi là Bồ tát chẳng chấp y nơi pháp.

- Nếu Bồ tát biết rõ Tăng tướng là vô vi, chẳng thể nương tựa được, thì gọi là Bồ tát chẳng chấp y nơi Tăng.

- Nếu Bồ tát biết rõ tội và vô tội đều là bất khả đắc, thì gọi là Bồ tát chẳng chấp y nơi giới.

Như vậy gọi là Bồ tát trú thất địa chẳng chấp 20 pháp.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát an trú thất địa, phải đầy đủ 20 pháp, từ đầy đủ “không”, ..., dẫn đến chẳng nhiễm ái?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nên biết:

- Nếu Bồ tát biết rõ tự tướng của hết thấy pháp là “không”, thì gọi là Bồ tát đầy đủ “không”.

- Nếu Bồ tát chẳng niệm các pháp tướng thì gọi là Bồ tát chứng Vô tướng.

- Nếu Bồ tát biết rõ các pháp là chẳng có chủ tác, thì gọi là Bồ tát biết Vô tác.

- Nếu Bồ tát đầy đủ 10 thiện nghiệp đạo, thì gọi là Bồ tát đầy đủ 3 phần thanh tịnh.

- Nếu Bồ tát đầy đủ từ bi và trí huệ, thì gọi là Bồ tát đầy đủ từ bi tâm đối với hết thấy chúng sanh.

- Nếu Bồ tát thanh tịnh đầy đủ Phật độ, thì gọi là Bồ tát chẳng niệm tướng về hết thấy chúng sanh.

- Nếu Bồ tát biết rõ các pháp đều là bất tăng, bất giảm, thì gọi là Bồ tát quán hết thấy pháp bình đẳng.

- Nếu Bồ tát biết rõ thật tướng các pháp là chẳng thể biết được (bất khả tri), thì gọi là Bồ tát vào được thật tướng pháp.

- Nếu Bồ tát biết rõ các pháp đều là bất sanh, bất diệt, thì gọi là Bồ tát được vô sanh pháp nhẫn.

- Nếu Bồ tát biết rõ danh sắc là bất sanh, thì gọi là Bồ tát được Vô sanh trí.

- Nếu Bồ tát thường nhất tâm, chẳng hành hai tướng (nhị tướng), thì gọi là Bồ tát tuyên thuyết pháp nhất tướng.

- Nếu Bồ tát dùng Vô Phân Biệt Trí để quán các pháp, thì gọi là Bồ tát phá phân biệt tướng.

- Nếu Bồ tát chuyển được vô lượng tướng, thì gọi là Bồ tát chuyển ức tướng.

- Nếu Bồ tát ở nơi Nhị thừa kiến mà chuyển thành Đại thừa kiến, thì gọi là Bồ tát chuyển kiến.

- Nếu Bồ tát đã đoạn dứt các phiền não, thì gọi là Bồ tát chuyển phiền não.

- Nếu Bồ tát được Nhất thiết chủng trí, thì gọi là Bồ tát được Bình đẳng huệ.

- Nếu Bồ tát ở trong 3 cõi mà vẫn giữ tâm bất động, thì gọi là Bồ tát dùng huệ điều ý.

- Nếu Bồ tát đã điều phục được các căn, thì gọi là Bồ tát được tâm tịch diệt.

- Nếu Bồ tát đã được Phật nhãn, thì gọi là Bồ tát đã được Vô ngại trí.

- Nếu Bồ tát đã xả sạch 6 trần, thì gọi là Bồ tát chẳng còn nhiễm ái trần cảnh.

Như vậy gọi là Bồ tát trú thất địa, đầy đủ 20 pháp.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát an trú bát địa, phải đầy đủ 5 pháp, từ thuận chúng sanh tâm, ..., dẫn đến tự trang nghiêm pháp thân?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nên biết:

- Nếu Bồ tát thường quán “nhất tâm”, biết rõ tâm và tâm sở của hết thầy chúng sanh, thì gọi là Bồ tát tùy thuận chúng sanh tâm.

- Nếu Bồ tát dùng thần thông, đi từ Phật quốc này đến

Phật quốc khác, mà chẳng khởi tướng về Phật giới tướng, thì gọi là Bồ tát du hí thân thông quán các Phật quốc.

- Nếu Bồ tát thấy vô lượng Phật quốc mà chẳng khởi tướng về Phật giới tướng, thì gọi là Bồ tát tự trú nơi các Phật quốc.

- Nếu Bồ tát hiện thân chuyển luân thánh vương, đi cùng khắp các Phật quốc, nhằm tự trang nghiêm Phật quốc của chính mình, thì gọi là Bồ tát tự trang nghiêm Phật quốc của mình như các Phật quốc đã được thấy.

- Nếu Bồ tát an trú nơi pháp thân, thì gọi là Bồ tát như thật quán pháp thân và tự trang nghiêm pháp thân.

Như vậy gọi là Bồ tát trú bát địa phải có đầy đủ 5 pháp.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát an trú bát địa, nên đầy đủ 5 pháp, từ biết căn tánh cao thấp của chúng sanh, ..., dẫn đến tùy theo căn tánh của chúng sanh mà thị hiện thọ thân?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nên biết:

- Nếu Bồ tát trú trong 10 Phật lực, thì gọi là Bồ tát biết rõ căn tánh cao thấp của chúng sanh.

- Nếu Bồ tát đã thanh tịnh chúng sanh tâm, thì gọi là Bồ tát thanh tịnh Phật độ.

- Nếu Bồ tát vào tam muội, thành tựu các việc mà chẳng sanh tâm chấp, vì biết rõ các pháp tướng đều là “không”, thì gọi là Bồ tát nhập “Như huyền tam muội”.

- Nếu Bồ tát được quả báo sanh tam muội, thì gọi là Bồ tát thường nhập vào các tam muội.

- Nếu Bồ tát thệ nguyện thành tựu chúng sanh, nguyện

sống cùng với chúng sanh để giáo hóa họ, thì gọi là Bồ tát tùy căn tánh chúng sanh mà thị hiện thọ thân.

Như vậy gọi là Bồ tát trú bát địa, nên đầy đủ 5 pháp.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát an trú cửu địa, phải đầy đủ 12 pháp, từ thọ vô biên thế giới, ..., dẫn đến thành tựu hết thảy thiện công đức?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nên biết:

- Nếu Bồ tát đem Phật pháp hóa độ chúng sanh khắp 10 phương thế giới, thì gọi là Bồ tát thọ vô biên thế giới.

- Nếu Bồ tát đã được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, thì gọi là Bồ tát được như sở nguyện.

- Nếu Bồ tát được biện tài vô ngại, thì gọi là Bồ tát biết được ngôn ngữ của các loài.

- Nếu Bồ tát đời đời thường hóa hiện sanh thân, thì gọi là Bồ tát thành tựu sanh thai.

- Nếu Bồ tát thường chọn sanh vào gia đình danh giá, có đạo hạnh, thì gọi là Bồ tát thành tựu gia đình.

- Nếu Bồ tát thường chọn quốc độ để thọ sanh, thì gọi là Bồ tát thành tựu chỗ sanh.

- Nếu Bồ tát thường chọn lại dòng họ ở đời quá khứ để thọ sanh, thì gọi là Bồ tát thành tựu dòng họ.

- Nếu Bồ tát thường theo các vị đại Bồ tát để làm quyến thuộc, thì gọi là Bồ tát thành tựu quyến thuộc.

- Nếu Bồ tát ngay khi vừa sanh ra đời đã có quang minh tỏa chiếu khắp vô lượng vô biên thế giới, mà chẳng chấp các tướng quang minh đó, thì gọi là Bồ tát thành tựu xuất sanh.

- Nếu Bồ tát ngay vừa xuất gia đã có vô lượng chư Thiên theo hầu hạ, khuyến thỉnh Bồ tát thành tựu đạo quả, để dẫn dắt chúng sanh vào 3 thừa đạo, thì gọi là Bồ tát thành tựu xuất gia.

- Nếu Bồ tát dùng 7 báu để trang nghiêm thân, cảnh, lá cây Bồ đề, khiến cho cây Bồ đề chiếu quang minh khắp cả 10 phương thế giới, thì gọi là Bồ tát thành tựu “Bồ đề Thọ” trang nghiêm.

- Nếu Bồ tát đã thanh tịnh chúng sanh, và thanh tịnh Phật độ, thì gọi là Bồ tát thành tựu viên mãn hết thấy các công đức.

Như vậy gọi là Bồ tát trú cửu địa, đầy đủ 12 pháp.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Vì sao nói Bồ tát Ma ha tát trú thập địa là như Phật rồi?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma ha tát trú thập địa, dùng đầy đủ các lực phương tiện để hành 6 pháp Ba-la-mật, hành 4 niệm xứ, ..., dẫn đến hành 18 bất cộng pháp, tận đoạn các tập khí phiền não, thẳng tiến lên Phật địa. Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát Ma ha tát trú thập địa được xem như Phật vậy.

-o0o-

Trên đây đã tóm lược quá trình tu tập của Bồ tát Ma ha tát, thừa Đại thừa, phát thú Thập địa.

LUẬN:

Hỏi: Trên đây nói rằng Bồ tát trú thập địa chẳng nên chấp 20 pháp. Như vậy đối với các nhân duyên tạo pháp thì Bồ tát cũng chẳng chấp chẳng?

Đáp: Hết thấy các pháp hữu vi lần lượt duyên nhau, mà thành có nhân, có quả.

Nếu ở nơi đây mà sanh chấp tâm, thủ tướng và sanh kiến giải thì gọi là “nhân kiến”. Vì sao? Vì ở nơi chẳng có nhân (phi nhân), mà chấp là có nhân vậy.

Nếu Bồ tát hành đầy đủ “18 không” thì chẳng còn dấy tâm phân biệt nữa.

Hơn thế nữa, nếu Bồ tát hành thêm “chúng sanh không” và “pháp không” thì sẽ được “đầy đủ không”. Ở nơi rất ráo không mà chẳng chấp mới gọi là “đầy đủ không”.

Hỏi: *Vì sao nói Bồ tát biết rõ các pháp đều là ‘tự tướng không’ là được ‘đầy đủ không’?*

Đáp: Vì hết thấy các pháp đều là “tự tướng không”, dẫn đến pháp “không” cũng là tự tướng không.

Bồ tát trú lục địa, dù đã có nhiều phước đức, dù đã được các căn lành lợi, nhưng vẫn còn phân biệt các pháp. Như vậy là còn chấp pháp tướng.

Vào thất địa, Bồ tát mới liễu đạt được “tự tướng không”, tức là được “cụ túc không” vậy.

Đối với chư Phật và chư đại Bồ tát, thì hữu vi không, vô vi không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không đều là “cụ túc không” cả.

-o0o-

Người chứng được “vô tướng” là vào được Niết Bàn, vào nơi “vô tu”, “vô thuyết”. Vì sao? Vì có vô lượng vô biên công đức chẳng thể nghĩ bàn vậy.

Người chúng được “vô tác” biết rõ hết thấy pháp đều chẳng có chủ tác, dẫn đến 3 cõi cũng là như vậy.

-o0o-

Người tu đầy đủ 10 thiện nghiệp đạo là được đầy đủ “3 phần thanh tịnh”.

Nên biết tu 10 thiện nghiệp đạo dẫn đến 3 giải thoát môn. Thế nhưng nếu tu chưa đầy đủ thì chưa hẳn là được cả “3 phần thanh tịnh”. Vì sao? Vì có khi thân thanh tịnh mà khẩu chưa thanh tịnh, có khi khẩu thanh tịnh mà ý chưa thanh tịnh.

Người thế gian, do chưa ly được các chấp nên chẳng có được 3 phần thanh tịnh. Bồ tát đã hoàn toàn ly các chấp mới được đầy đủ cả 3 phần thanh tịnh.

-o0o-

Bồ tát đối với hết thấy chúng sanh, có đầy đủ “từ bi” và “trí bi”, lại có đầy đủ cả 3 duyên, là duyên chúng sanh, duyên pháp và vô duyên.

Vô duyên nói ở đây là vô duyên “đại từ bi”, được đầy đủ các pháp không, dẫn đến vô duyên “đại trí bi”, biết rõ thật tướng của hết thấy pháp cũng là không.

Bồ tát đã thâm nhập vào thật tướng pháp nên mới phát bi niệm, thương hết thấy chúng sanh, ví như người cha quá thương con, muốn đem hết cả tài sản của mình cho con.

Như vậy gọi là Bồ tát thanh tịnh đầy đủ Phật thế giới vậy.

Hỏi: Nếu Bồ tát chẳng niệm tướng chúng sanh, thì làm sao có thể tịnh Phật thế giới được?

Đáp: Vì muốn trang nghiêm Phật quốc mà Bồ tát dạy chúng sanh trú trong 10 thiện đạo. Làm như vậy tuy đã là trang nghiêm nhưng chưa thật trang nghiêm. Vì sao? Vì giáo hóa chúng sanh mà chẳng chấp chúng sanh tướng thì phước đức mới thật là thanh tịnh, mới được gọi là “vô ngại trang nghiêm”.

-o0o-

Ở đây Phật mật ý nói rằng: Nếu biết rõ các pháp là bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm, là biết rõ các pháp đều bình đẳng, là vào được nơi thật tướng pháp, dẫn đến được “Vô sanh pháp nhẫn”.

Được như vậy là “tín” lẫn “đạt” đều vô ngại.

Nếu biết được danh sắc là bất sanh thì được Vô sanh trí. Đây chỉ mới là “sơ nhẫn”. Phải được “tế nhẫn” mới gọi là được “Vô sanh pháp nhẫn”.

Nên biết, khi nói danh sắc là bất sanh thì đó là nói về các pháp là nhất tướng, là vô tướng. Bồ tát biết rõ danh sắc là vô tướng, là tánh không, nên chẳng chấp danh sắc.

-o0o-

Lại nữa, Bồ tát biết rõ 5 âm, 12 nhập, 18 giới... đều là lưới ma, chẳng thật có nên dạy chúng sanh phải ly 5 âm, 12 nhập, 18 giới... phải thường dùng các pháp nhân duyên mà hành “bất nhị pháp” mới có thể phá được phân biệt tướng.

Vì sao? Vì nói 6 nhập (nhãn, ..., dẫn đến ý), 6 ngoại nhập (sắc, ..., dẫn đến pháp) đều là chẳng thật có nên 6 thức (nhãn thức, ..., dẫn đến ý thức) khởi sanh ra cũng chẳng thật có.

Bởi vậy nên nói vô nhãn, ..., dẫn đến vô ý, vô sắc, ...,

dẫn đến vô pháp, vô nhân thức, ..., dẫn đến vô ý thức, vô nhân giới, ..., dẫn đến vô ý thức giới.

-o0o-

Lại nữa, Bồ tát trú trong “bất nhị pháp môn”, chẳng niệm ức tướng, phá nội tâm phân biệt về các pháp. Bồ tát thứ lớp chuyển các kiến, trước chuyển biên kiến, tà kiến, sau mới vào đạo chuyển pháp kiến, Niết Bàn kiến v.v...

Bồ tát biết rõ các pháp đều chẳng có tướng nhất định, nên dùng “vô định tướng” của các pháp để chuyển tướng Niết Bàn, tức chuyển Nhị thừa thành Đại thừa vậy.

-o0o-

Bồ tát có được các phước đức nhân duyên nên diệt trừ được các phiền não, được an ổn hành đạo. Tuy nhiên vẫn còn các vi tế ái kiến, vi tế mạn kiến cần phải dứt trừ. Bởi vậy nên Bồ tát lại cần phải dùng thật trí huệ để quán thật tướng của các phiền não cũng là vô tướng.

Bồ tát ở tam địa, nếu huệ nhiều mà định ít thì chẳng nhiếp được quả vị của địa ấy, khi vượt khỏi tam địa rồi, nếu định nhiều mà huệ ít, thì cũng chẳng vào được Bồ tát vị. Phải được đầy đủ chúng sanh không và pháp không, được định và huệ bình đẳng, mới thật được an ổn hành đạo, vào bất thối chuyển địa, rồi mới lần lần đến được Nhất thiết chủng trí.

Ở nơi Trí huệ địa, vì thương xót chúng sanh, mà Bồ tát phải tự điều phục tâm ý, phải biết rõ thật tướng pháp, phải chẳng còn chấp 3 cõi.

Bồ tát đã tự điều phục tâm ý như vậy rồi, đã được tịch

tịnh như vậy rồi, nhưng phải vào thất địa thì tâm ý mới hoàn toàn được tịch tịnh, vô ngại.

Nên biết, nếu đã được Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì dù ở Nhi thừa địa, Bồ tát vẫn được dung thông vô ngại, vẫn điu dắt chúng sanh vào thật tướng pháp, dẫn đến được vô ngại giải thoát.

Hỏi: Vì sao nói Bồ tát trú ở thất địa đã được Phật nhãn?

Đáp: Bồ tát trú ở thất địa, do học Phật pháp mà được vô ngại trí, chẳng còn nhiễm trước nên tự như đã có Phật nhãn.

Bồ tát trú ở thất địa, do còn nhục thân nên khi vào thiền định chẳng khởi chấp tâm, nhưng khi xuất thiền vẫn còn chấp, như thấy người thân thích vẫn còn luyến ái.

-o0o-

Phật dạy: Khi 6 căn duyên 6 trần, Bồ tát phải hành xả, chẳng chấp xấu tốt, vui buồn... Như vậy mới vào được bát địa.

Bồ tát trú bát địa, thuận chúng sanh tâm, dùng trí huệ phân biệt, quán chúng sanh trong vô lượng A Tăng Kỳ kiếp. Tuy nhiên phải lâu sau mới độ được họ.

Bồ tát quán thấy có chúng sanh phải tu 1 kiếp đến 10 kiếp mới độ được, có chúng sanh tu 1 đời đến 2 đời mới độ được, có chúng sanh đã thuần thực, có chúng sanh chưa thuần thực v.v... Bởi vậy nên Bồ tát phải dùng cả 3 thừa đạo mới rộng độ được chúng sanh. Ví như vị thầy thuốc giỏi, sau khi chẩn mạch các bệnh nhân mới phân loại bệnh nặng hay nhẹ, bệnh dễ trị được hay bệnh chẳng có thể chữa trị được, để tùy theo đó mà cho thuốc vậy.

Bồ tát vào thất địa, khi muốn vào Niết Bàn thì được chư Phật ở khắp 10 phương gia bị, còn khi muốn phát nguyện tu

hành thì hiển dụng thần thông, đi khắp 10 phương thế giới để thanh tịnh Phật độ và nghe chư Phật thuyết pháp.

Bồ tát vào bát địa, có bảo luân, nên đi đâu cũng đều được tự tại vô ngại. Ví như trường hợp Bồ tát Tự Tại Vương vào thời Phật còn tại thế, đã dùng đạo Bồ tát thuyết giảng khiến chúng sanh ở khắp 10 phương đều được trang nghiêm Phật độ.

Bồ tát trú bát địa, thường đem mưa pháp rưới khắp 10 phương, khiến chúng sanh đều được lợi lạc, lấy tịnh tướng của các quốc độ khác để trang nghiêm quốc độ của mình, lại như thật quán Phật thân là như huyễn, như hóa. Vì sao? Vì như lời Phật dạy “thấy pháp thân là như thấy Phật”. Phật thân là bất khả đắc, pháp thân cũng là bất khả đắc, cả hai thân đó đều do các duyên hòa hợp mà có, và đều là tự tánh không. Bồ tát phải biết rõ tâm hạnh của chúng sanh, rõ biết chúng sanh lợi căn hay độn căn, có tâm Bồ thí nhiều hay có trí huệ nhiều... mới có thể tùy duyên mà hóa độ họ được.

Bồ tát thanh tịnh được chúng sanh tâm là đã thanh tịnh Phật độ rồi vậy. Vì sao? Vì thanh tịnh Phật độ có 2 pháp. Đó là:

-Bồ tát trì thân là tự tịnh.

-Bồ tát tịnh tâm chúng sanh, khiến mình và chúng sanh đều được thanh tịnh.

Bồ tát nguyện thanh tịnh Phật độ, nguyện vào “như huyễn tam muội”, thành tựu các sự việc mà chẳng khởi tâm chấp. Bồ tát vào tam muội ấy, biến thân khắp 10 phương thế giới, hành Bồ thí Ba-la-mật cùng các Ba-la-mật khác đến với hết thấy chúng sanh, thuyết pháp nhằm phá 3 đường ác, giáo hóa chúng sanh, khiến họ an lập được trong 3 thừa đạo. Bồ tát thành tựu các việc lợi ích cho chúng sanh như vậy mà chẳng chấp tâm, chẳng thủ tướng, vì thường hằng ở trong tam muội

vậy. Bồ tát ở trong “như huyễn tam muội” an nhiên thành tựu thọ các thân, tùy theo căn tánh của chúng sanh, mà thọ thân tương ứng để hóa độ họ.

Đây là tướng của Bồ tát bát địa.

-o0o-

Bồ tát vào cửu địa, duyên 3 cảnh giới, gồm: Cảnh giới tịnh, cảnh giới bất tịnh và tạp cảnh giới. Trong cả 3 cảnh giới, Bồ tát đều tùy tâm chúng sanh mà hóa độ nhằm nhiếp thủ họ. Ví như mặt trời chiếu sáng, chẳng phải chỉ vì người sáng mắt, mà đến cả người đui mù cũng đều được lợi lạc. Bồ tát đến với chúng sanh cũng là như vậy. Hoặc vì đã có sẵn nhân duyên với họ, hoặc muốn tạo nhân duyên để cứu độ họ, dù đến với họ, dù rời xa họ cũng đều là nhân duyên cả.

Bồ tát xem hằng sa thế giới khắp 10 phương cũng như một thế giới, nên ở nơi hằng sa Phật giới khắp 10 phương, vẫn y như nguyện mà độ thoát chúng sanh.

Đây là Bồ tát đầy đủ phước huệ trang nghiêm, viên mãn như nguyện.

Như lời Phật dạy: Đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật là đầy đủ trí huệ; đầy đủ trí huệ là đầy đủ phước đức.

Do trí huệ và phước đức đều đầy đủ như ý nguyện, nên Bồ tát biết rõ tâm nguyện của hết thảy chúng sanh.

Lại nữa, do có được “túc mạng trí” thanh tịnh, nên Bồ tát biết rõ chỗ sanh, chỗ chết của chúng sanh.

Lại nữa, do có được “giải thoát danh tự ngữ ngôn tam muội”, nên Bồ tát thông đạt được các ngữ ngôn của hết thảy các loài chúng sanh.

Lại nữa, do được “4 vô ngại trí”, nên Bồ tát thuyết pháp và độ sanh vô ngại.

-o0o-

Về sự thị hiện thọ thân của Bồ tát Thích Ca Mưu Ni:

- Có thuyết nói rằng: Bồ tát cõi voi 6 ngàn, từ cung trời Đâu Suất, thị hiện vào thai mẹ. Bồ tát có “như huyễn tam muội”, dùng lực tam muội này vào thai mẹ, nên có đầy đủ phước đức nhân duyên, như khi còn ở trên cung trời Đâu Suất.

- Có thuyết nói rằng: Bồ tát ra khỏi thai mẹ, có các vị Thiên long theo hầu; Bồ tát, từ thai mẹ ra qua ngã hông bên phải, như mặt trời từ trong đám mây ló dạng ra vậy. Ngay lúc bấy giờ, có tiếng xung tán vang dội giữa hư không khắp cả 10 phương rằng “ở nước ấy có vị hậu thân Bồ tát sanh ra, có đầy đủ trí huệ, có đầy đủ thể lực, làm lợi ích cho chúng sanh”.

- Có thuyết nói rằng: Bồ tát từ cung trời Đâu Suất quán trong thế gian có dòng họ nào, có gia đình nào, có người nào cao quý, đức hạnh, thương xót chúng sanh, thì thị hiện sanh vào đó. Ví như, trong 7 đức Phật kế tiếp ra đời, tính đến đời đức Thích Ca Mưu Ni, có:

- 3 đức Phật thuộc dòng họ Kiều Trần Như.

- 3 đức Phật thuộc dòng họ Ca Diếp.

- Và đức Phật Thích Ca Mưu Ni thuộc dòng họ Cù Đàm.

Bồ tát đã được thâm tâm kiên cố, được vô sanh pháp nhãn, nên được khí phần của Nhất thiết chủng trí.

Bồ tát thành tựu quyền thuộc, gồm toàn người trí, người thiện đã tu tập công đức trong nhiều đời, nhiều kiếp.

Như trong kinh *Bát Khả Tư Nghi* có nói: Cù Ty Gia là một đại Bồ tát và các quyền thuộc của ngài đều là những vị Bồ tát bất thối chuyển. Lại nữa, Bồ tát có “biên hóa lực tam muội” nên cũng có các người nam, người nữ theo Bồ tát làm quyền thuộc.

Trong kinh có chép mẫu chuyện sau đây:

Đức Phật Thích Ca Mưu Ni khi còn là Bồ tát, có rất nhiều thế nữ xinh đẹp ở trong cung làm quyền thuộc của ngài. Một hôm thấy các cung nữ nằm ngủ chẳng khác gì những xác chết, Bồ tát sanh tâm nhàm chán dục lạc, quyết tâm rời bỏ hoàng cung, ra đi tìm đạo giải thoát.

Mặc dù có lệnh của vua Tịnh Phạn truyền phải giữ Thái Tử ở lại trong cung, nhưng Xa Nặc vẫn tùy theo ý của Bồ tát, dẫn con ngựa Kiên Trắc cùng với Bồ tát vượt thành ra đi. Lúc bấy giờ có chư Thiên, Long, Thần phụng nghinh, nâng chân ngựa, đưa Bồ tát cùng Xa Nặc vượt thành an toàn. Nhờ vậy mà Bồ tát vượt ra khỏi “nhà phiền não”. Như vậy gọi là thành tựu xuất gia.

-o0o-

Bồ tát dùng 7 báu trang nghiêm cây Bồ đề, gọi là thành tựu “Bồ đề thọ” trang nghiêm. Đây là vì chúng sanh mà Bồ tát dùng thần lực chẳng thể nghĩ bàn (bát khả tư nghi) hóa hiện ra các cảnh trang nghiêm như vậy.

-o0o-

Bồ tát trú cứu địa, đầy đủ thành tựu chúng sanh và thanh tịnh Phật độ, vừa tự lợi, vừa lợi tha, nên được vô lượng công đức chẳng thể nghĩ bàn. Chư vị A-la-hán và Bích Chi Phật

tuy cũng có vô lượng công đức, nhưng vì chưa đầy đủ lợi tha nên chẳng được như Bồ tát. Đây là tướng của Bồ tát cứu địa.

Thập địa còn gọi là Pháp Vân Địa.

Ví như đám mây lớn đổ mưa liên tục, Bồ tát trú ở địa này, tự nhiên sanh vô lượng vô biên niệm thanh tịnh, vô lượng vô biên niệm Phật pháp.

Bồ tát tự nghĩ rằng: Nếu ở cõi Dục mà ta chưa hàng phục được ma tâm, thì ma sân não vẫn còn tập hợp ma chúng đến quấy nhiễu ta.

Khi Bồ tát đã hàng phục xong chúng ma, thì chư Phật khắp 10 phương đều hoan hỷ, phóng hào quang, xoa đầu và khen ngợi Bồ tát.

Đây là tướng của Bồ tát thập địa.

Lại nữa, Bồ tát vào thập địa, có vô lượng công đức như: Hiện hành Phật pháp, đoạn hết thảy các tập khí phiền não, được vô ngại giải thoát, đầy đủ 10 lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, đại từ, đại bi, cùng vô lượng các lực phương tiện khác. Lúc bấy giờ mặt đất hiện 6 diệu chấn động, từ trên không trung mưa hoa hương đổ xuống, chư Phật phóng đại quang minh chiếu khắp cả 10 phương thế giới. Ở khắp 10 phương chư Phật, chư Bồ tát cùng chư Thiên đều tán thán rằng: Ở cõi nước đó, có vị Bồ tát tọa đạo tràng, thành tựu Phật sự, phóng đại quang minh, đã vào thập địa, đã được như Phật.

Đây là tướng của Bồ tát thập địa, và cũng là tướng của Bồ tát vào Phật địa vậy.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa, phát thú thập địa.

Phẩm Thứ Hai Mười Mốt



Xuất Đáo
(Ra & đến)

KINH:

Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: Này Tu Bồ Đề! Ông hỏi Ma ha diễn phát xuất từ đâu, và an trú nơi đâu chăng?

Này Tu Bồ Đề! Ma ha diễn phát xuất từ 3 cõi, đến an trú trong Nhất thiết chủng trí, vì là “bất nhị pháp”.

Vì sao? Vì Ma ha diễn và Nhất thiết chủng trí là 2 pháp chẳng có hợp, chẳng có tan, chẳng có sắc, chẳng có hình, chẳng có đối... mà chỉ là nhất tướng, là vô tướng.

Nếu có ai muốn khiến “thật tế” xuất, “như pháp tánh” xuất, “bất khả tư nghi tánh” xuất, thì đó là muốn “vô tướng pháp” xuất.

Nếu có ai muốn khiến “sắc không” xuất, ..., dẫn đến “thức không” xuất, thì đó là muốn “vô tướng pháp” xuất.

Vì sao? Này Tu Bồ Đề! “sắc không”, ..., dẫn đến “thức không” chẳng xuất từ 3 cõi, cũng chẳng trú trong Nhất thiết chủng trí, vì sắc tướng, ..., dẫn đến thức tướng đều là không.

Nếu có ai muốn khiến “nhãn không”, ..., dẫn đến “ý không” xuất, “nhãn thức không”, ..., dẫn đến “ý thức không” xuất, “nhãn xúc không”, ..., dẫn đến “ý xúc không” xuất, “nhãn xúc nhân duyên sanh thọ”, ..., dẫn

đến “ý xúc nhân duyên sanh thọ” xuất, thì đó là muốn “vô tướng pháp” xuất.

Vì sao? Này Tu Bồ Đề! “Nhân không”, ..., dẫn đến “ý xúc nhân duyên sanh thọ” chẳng xuất từ 3 cõi, cũng chẳng trú trong Nhất thiết chủng trí, vì “nhãn tướng”, ..., dẫn đến “ý xúc nhân duyên sanh thọ tướng” đều là không.

Nếu có ai muốn khiến mộng, huyễn, diệm, ảnh, hóa xuất, thì đó là muốn khiến “vô tướng pháp” xuất.

Vì sao? Này Tu Bồ Đề! Mộng, huyễn, diệm, ảnh, hóa chẳng xuất từ 3 cõi, cũng chẳng trú trong Nhất thiết chủng trí, vì đều là tướng không.

Nếu có ai muốn khiến Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật xuất, thì đó là muốn khiến “vô tướng pháp” xuất.

Vì sao? Này Tu Bồ Đề! 6 pháp Ba-la-mật chẳng xuất từ 3 cõi, cũng chẳng an trú trong Nhất thiết chủng trí, vì 6 pháp Ba-la-mật đều là tướng không.

Nếu có ai muốn khiến “nội không”, ..., dẫn đến “vô pháp hữu pháp không” xuất, thì đó là muốn “vô tướng pháp” xuất.

Vì sao? Này Tu Bồ Đề! “18 không” chẳng xuất từ 3 cõi, cũng chẳng an trú trong Nhất thiết chủng trí, vì đều là tướng không.

Nếu có ai muốn khiến 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 8 thánh đạo xuất, thì đó là muốn “vô tướng pháp” xuất.

Vì sao? Này Tu Bồ Đề! 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 8 thánh đạo chẳng xuất từ 3 cõi, cũng chẳng an trú trong Nhất thiết chủng trí, vì 37 Phẩm trợ đạo đều là tướng không.

Dẫn đến 18 bất cộng pháp cũng là như vậy.

Nếu có ai muốn khiến “A-la-hán tánh”, “Bích Chi Phật tánh, ..., dẫn đến “Phật tánh” xuất, thì đó là muốn “vô tướng pháp” xuất.

Vì sao? Nay Tu Bồ Đề! “A-la-hán tánh”, ..., dẫn đến “Phật tánh” chẳng xuất từ 3 cõi, cũng chẳng an trú trong Nhất thiết chủng trí, vì đều là tướng không.

Nếu có ai muốn khiến bất sanh pháp, bất diệt pháp, bất cấu pháp, bất tịnh pháp, vô khởi pháp, vô tác pháp... xuất, thì đó là muốn “vô tướng pháp” xuất.

Vì sao? Nay Tu Bồ Đề! Bất sanh pháp, ..., dẫn đến vô tác pháp chẳng xuất từ 3 cõi, cũng chẳng an trú trong Nhất thiết chủng trí, vì đều là tướng không.

Nay Tu Bồ Đề! Như vậy hết thảy các pháp đều chẳng có tướng an trú, nên là chẳng phải trú, cũng chẳng phải chẳng trú.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Ma ha diễn xuất từ 3 cõi, và đến an trú trong Nhất thiết chủng trí, là chẳng phải trú, cũng chẳng phải chẳng trú vì là pháp bất động vậy.

LUẬN:

Hỏi: Phật đã biết rõ chỗ hỏi của ngài Tu Bồ Đề rồi, nay vì sao Phật còn nêu lên nhiều câu hỏi nữa để cùng với ngài Tu Bồ Đề giải đáp?

Đáp: Cũng như trường hợp bộ A Hàm, Bát nhã Ba-la-mật quá mênh mông, được diễn đạt trong 10 vạn bài kệ, 320 vạn lời, chẳng phải một phen mà thuyết hết được.

Các chỗ ngài Tu Bồ Đề nêu trước đây, Phật đã giải 2 lần

rồi. Nay ngài Tu Bồ Đề đặt câu hỏi thứ 3 để được Phật giải đáp rõ hơn.

-o0o-

Nên biết rằng, ngay trong pháp Thanh Văn cũng có nhiều sự việc bất khả tư nghì, chẳng phải chỉ trong 1 lần, ở tại một nơi mà có thể giải đáp hết được, huống nữa là ở trong pháp Đại thừa.

Phật có vô ngại giải thoát, Bồ tát có bất khả tư nghì tam muội, khiến mau thành lâu, lâu thành mau, xa thành gần, gần thành xa... Ví như trong kinh *Pháp Hoa* có nói: Phật thuyết pháp trong 60 tiểu kiếp, mà nghe tưởng chừng như chỉ trải qua thời gian của một buổi ăn thôi là nghĩa đó vậy.

Hỏi: *Sắc có hình tướng có thể thấy được, còn thời gian là vô hình. Như vậy làm sao có thể biến thời gian dài thành ngắn, ngắn thành dài được?*

Đáp: Do nơi lực thần thông bất khả tư nghì, mà Bồ tát có thể làm các sự việc như vậy. Ví như người nằm mộng tưởng như mình đã trải qua một thời gian dài, mà khi tỉnh dậy, mới biết cảnh mộng chỉ diễn ra trong khoảnh khắc mà thôi vậy.

Sự việc diễn biến trong một đêm nằm mộng, mà phàm phu còn chưa hiểu được. Như vậy làm sao phàm phu có thể hiểu thấu rõ chỗ hỏi của ngài Tu Bồ Đề và chỗ giải đáp của Phật, quá cao vời, sâu thẳm, mênh mông như trời, như biển được.

-o0o-

Trên đây, ngài Tu Bồ Đề hỏi: Ma ha diễn phát xuất từ đâu và an trú nơi đâu?

Phật dạy: Ma ha diễn phát xuất từ 3 cõi, và đến an trú trong Nhất thiết chủng trí bất động. Vì là pháp bất động, nên chẳng phải trú, cũng chẳng phải chẳng trú.

Hỏi: *Ma ha diễn nhiếp về Phật pháp, hay nhiếp về Bồ tát pháp? Nếu nhiếp về Phật pháp, thì sao lại phát xuất từ 3 cõi? Còn nếu nhiếp về Bồ tát pháp, thì sao lại an trú trong Nhất thiết chủng trí?*

Đáp: Ma ha diễn nhiếp về Bồ tát pháp, nên phát xuất từ 3 cõi, khi đã dẫn đến Kim cang tam muội, và thành tựu đầy đủ các công đức rồi, thì biến thành Phật pháp.

Vì Ma ha diễn có đại lực dẫn thẳng đến Phật địa, chẳng còn có chỗ nào cao hơn, nên nói “Ma ha diễn đến an trú trong Nhất thiết chủng trí”.

Khi đã đoạn sạch các phiền não, đã tu tập rốt ráo các công đức, thì vào được pháp tịch diệt, bất nhị vậy. Bởi vậy nên nói Ma ha diễn và Nhất thiết chủng trí chẳng phải một, chẳng phải khác, chẳng có hợp, chẳng có tan.

Lại nữa, khi đã dứt sạch các sở tri chướng, chẳng còn hư vọng nữa thì là vô sắc, vô hình, vô đối, là nhất tướng, là vô tướng vậy.

Hỏi: *Vì sao nói Ma ha diễn và Nhất thiết chủng trí là chẳng phải một, chẳng phải khác, là nhất tướng, là vô tướng?*

Đáp: Nên biết “nhất tướng” cũng tức là “vô tướng”. Đây là nhằm chỉ cho chúng sanh biết rằng “thật tướng” là chẳng có tướng xuất, chẳng có tướng nhập, chẳng xuất từ 3 cõi và cũng chẳng nhập vào trong Phật đạo.

Người ít trí huệ mới nói rằng “thật tế” dẫn vào Phật đạo. Nói như vậy là ở nơi “vô tướng” mà còn chấp có tướng xuất,

có tướng nhập. Vì sao? Vì “như pháp tánh thật tế” là vô tướng, là bất khả tư nghi tướng. Nếu ở trong “không” mà muốn có xuất tướng, thì đó là muốn “vô tướng pháp” xuất rồi vậy.

-o0o-

Ở đây Phật nói “5 âm tướng” là không, chẳng xuất từ 3 cõi, cũng chẳng đến an trú trong Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì 5 âm là không, thì 12 nhập, 18 giới, ..., dẫn đến hết thấy các pháp đều là không cả. Tất cả đều là hư vọng, đều là tự tướng không, chỉ ví như cảnh thấy trong mộng vậy thôi.

Hết thấy các pháp đều là tự tướng không, nên chẳng có xuất, cũng chẳng có nhập. Cho nên nói: Nếu có ai muốn khiến 6 pháp Ba-la-mật xuất... thì đó là muốn “vô tướng pháp” xuất.

Bồ tát vì chúng sanh nói hết thấy các pháp đều do duyên hòa hợp sanh, đều là tự tướng không. Dẫn đến Ma ha diễn, Nhất thiết chủng trí cũng đều là như vậy cả.

Hỏi: *6 pháp Ba-la-mật có chân, có tục. Tục để chấp có pháp tướng. Còn chân để nếu chẳng y nơi pháp tướng thì làm sao lập ra được 6 pháp Ba-la-mật?*

Đáp: Các vị Bồ tát nào chưa được lậu tận thì còn tu phước. Do còn tu phước nên còn tu 6 pháp Ba-la-mật của phàm phu. Trong trường hợp này mới thấy có xuất, có nhập v.v...

Trái lại các đại Bồ tát biết rõ Ma ha diễn là vô tướng pháp, chẳng có xuất, chẳng có nhập. Ở nơi đây, các pháp tướng chỉ là giả danh, chẳng thật có. Bởi vậy nên khi nói “Ma ha diễn phát xuất từ 3 cõi, đến an trú trong Nhất thiết chủng trí”, thì phải biết rõ rằng Nhất thiết chủng trí cũng là giả danh, chẳng thật có, cũng là pháp bất động vậy.

KINH:

Phật lại bảo ngài Tu Bồ Đề: Này Tu Bồ Đề! Ông muốn biết Ma ha diễn đến an trú chỗ nào và vì sao chẳng?

Này Tu Bồ Đề! Hết thấy các pháp đều chẳng có tướng trú (vô trú tướng), nên Ma ha diễn đến trú trong “bất trú pháp”.

Ma ha diễn cũng ví như pháp tánh, là bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, vô tướng, vô tác, bất trú, phi bất trú.

Vì sao? Này Tu Bồ Đề! “Pháp tánh tướng” là bất trú, phi bất trú, vì là tánh không, dẫn đến “vô tác tánh tướng” cũng là tánh không. Hết thấy các pháp đều là như vậy cả.

Này Tu Bồ Đề! Bởi nhân duyên vậy, nên Ma ha diễn chẳng có trú xứ (vô trú xứ). Vì chẳng có trú xứ nên là pháp bất động.

LUẬN:

Hỏi: Ma ha diễn có đại lực dẫn thẳng đến Nhất thiết chủng trí, chẳng có pháp nào hơn được. Như vậy vì sao nay lại nói Ma ha diễn là vô trú xứ?

Đáp: Trước đây nói Ma ha diễn và Nhất thiết chủng trí là chẳng phải một, chẳng phải khác, là “bất nhị pháp”, nên trú chỉ là trú nơi như huyền như mộng mà thôi.

Bồ tát tuy có trú trong 4 oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi nhưng chẳng phải thật có trú. Cũng như vậy, Ma ha diễn tuy có trú trong Nhất thiết chủng trí, mà thật chẳng có trú vậy.

Trên đây Phật mật ý nói rằng: Từ vô thi đến nay, hết thấy các pháp đều là vô trú, chẳng có pháp nào có trú xứ riêng rẽ cả.

Nên biết:

- Nói “trú” là nói trú nơi rốt ráo không.

Vì sao? Vì hết thấy pháp đều là “như pháp tánh thật tế”, đều là bất sanh, bất diệt, bất khởi, bất tác, nên chẳng phải trú (bất trú), cũng chẳng phải chẳng trú (phi bất trú).

- Nói “bất trú” là nhằm phá chấp hữu cũng là nhằm nêu lên nghĩa vô thường, để phá chấp về thường tướng.

- Nói “phi bất trú” là nhằm phá chấp về diệt tướng. Lại nữa, do thuận theo thế đế mà nói “trú”, nhưng nếu chấp “bất trú” thì cũng là lỗi lầm, nên nói “phi bất trú” vậy.

Phật dạy “pháp tánh tướng” là không, nên là bất trú, phi bất trú, là vô khởi vô tác vậy.

-o0o-

KINH:

Phật lại bảo ngài Tu Bồ Đề: Này Tu Bồ Đề! Ông muốn biết ai là người hành Ma ha diễn, và ai là người xuất từ Ma ha diễn chăng?

Này Tu Bồ Đề! Chẳng có ai là người hành Ma ha diễn, và chẳng có ai là người xuất từ Ma ha diễn cả.

Vì sao? Vì chỗ dụng pháp và thời điểm xuất ra đều là vô sở hữu. Thế nhưng, nếu hết thấy pháp đều là vô sở hữu, thì dùng pháp gì để xuất ra được?

Này Tu Bồ Đề! Ngã bất khả đắc, ..., dẫn đến tri giả, kiến giả bất khả đắc, vì là rốt ráo thanh tịnh. Bất khả tu nghi tánh bất khả đắc, vì là rốt ráo thanh tịnh. 5 âm, 12 nhập, 18 giới bất khả đắc, vì là rốt ráo thanh tịnh. Nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không bất khả đắc, vì là rốt ráo thanh tịnh. Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát

nhã Ba-la-mật bất khả đắc, vì là rốt ráo thanh tịnh. 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp bất khả đắc, vì là rốt ráo thanh tịnh. Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích Chi Phật, Bồ tát, Phật bất khả đắc, vì là rốt ráo thanh tịnh. Vô thượng bồ đề, Nhất thiết chủng trí bất khả đắc, vì là rốt ráo thanh tịnh. Bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh bất khả đắc, vì là rốt ráo thanh tịnh. Cả 3 đời quá khứ, hiện tại, vị lai bất khả đắc, vì là rốt ráo thanh tịnh. Tăng, giảm... bất khả đắc, vì là rốt ráo thanh tịnh.

Vì sao các pháp bất khả đắc là rốt ráo thanh tịnh?

Này Tu Bồ Đề! Vì “pháp tánh bất khả đắc” cũng là bất khả đắc, nên là rốt ráo thanh tịnh. Vì “như thật tế bất khả tư nghì tánh bất khả đắc”, “pháp tướng bất khả đắc”, “pháp vị bất khả đắc” cũng là bất khả đắc, nên là rốt ráo thanh tịnh. Vì “Đàn Ba-la-mật bất khả đắc”, ..., dẫn đến “Bát nhã Ba-la-mật bất khả đắc, cũng là bất khả đắc, nên là rốt ráo thanh tịnh. Vì “nội không bất khả đắc”, ..., dẫn đến “vô pháp hữu pháp không bất khả đắc” cũng là bất khả đắc, nên là rốt ráo thanh tịnh. Vì “4 niệm xứ bất khả đắc”, ..., dẫn đến “18 bất cộng pháp bất khả đắc” cũng là bất khả đắc, nên là rốt ráo thanh tịnh. Vì “4 quả Thanh Văn bất khả đắc”, “quả Bích Chi Phật bất khả đắc”, “quả Bồ tát bất khả đắc”, ..., dẫn đến “quả Phật bất khả đắc” cũng là bất khả đắc, nên là rốt ráo thanh tịnh. Vì “Vô thượng bồ đề bất khả đắc”, ..., dẫn đến “Nhất thiết chủng trí bất khả đắc” cũng là bất khả đắc, nên là rốt ráo thanh tịnh. Vì “bất sanh bất khả đắc”, “bất diệt bất khả đắc” v.v... cũng là bất khả đắc, nên là rốt ráo thanh tịnh.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Vì “Sơ địa bất khả đắc”, ..., dẫn đến “Thập địa bất khả đắc” cũng là bất khả đắc, nên là rốt ráo thanh tịnh. Vì “Bồ tát địa bất khả đắc”, ..., dẫn

đến “Phật địa bất khả đắc” cũng là bất khả đắc, nên là rốt ráo thanh tịnh.

Vì sao?

Vì Sơ địa chẳng có đắc (phi đắc), cũng chẳng phải chẳng đắc (phi bất đắc), ..., dẫn đến Thập địa chẳng có đắc, cũng chẳng phải chẳng đắc, nên đều là rốt ráo không.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Vì “nội không bất khả đắc”, ..., dẫn đến “vô pháp hữu pháp không bất khả đắc”, “thành tựu chúng sanh bất khả đắc”, “thanh tịnh Phật độ bất khả đắc”, “5 nhãn bất khả đắc”, “6 thần thông bất khả đắc”, v.v... cũng đều là bất khả đắc cả, nên là rốt ráo thanh tịnh.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma ha tát, dụng pháp “vô sở đắc”, mà hành Ma ha diễn, nên chẳng xuất từ 3 cõi, cũng chẳng an trú trong Nhất thiết chủng trí.

LUẬN:

Hành Ma ha diễn đi vào Phật đạo, để thành tựu chúng sanh, gọi là xuất. Hành Ma ha diễn để thành tựu Nhất thiết chủng trí, cũng gọi là xuất.

Phật nói “pháp không”, lại nói các pháp đều bất khả đắc, là nhằm khuyến tấn các người hành Ma ha diễn phải dụng pháp “vô sở đắc”, để tu 6 pháp Ba-la-mật.

Nếu Bồ tát, khởi đại bi tâm, hành 6 pháp Ba-la-mật, độ thoát chúng sanh, mà tâm chẳng chấp trước, thì gọi là Bồ tát Ma ha tát hành đầy đủ “pháp không”.

Phật lại dạy “ngã bất đắc là rốt ráo không”, là nhằm chỉ cho chúng sanh biết rõ rằng hết thảy các pháp, dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng đều là bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm..., và đều là tự tướng không cả.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói: Ngã, tri giả, kiến giả, ..., dẫn đến chúng sanh, Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ tát, Phật, đều là rốt ráo không cả.

Hỏi: *Bất khả đắc có 2 nghĩa:*

- *Đối với người thiếu trí, thì nói theo nghĩa “các pháp là bất khả đắc”.*

- *Đối với người đại trí, thì nói theo nghĩa “các pháp bất khả đắc cũng là bất khả đắc”.*

Như vậy, ở nơi đây, nói “bất khả đắc” theo nghĩa nào?

Đáp: Đây là nói về “pháp không”, nên “bất khả đắc” phải được hiểu theo nghĩa thứ hai vậy.

Hỏi: *Nếu nói các pháp, trước sau, đều bất khả đắc, thì như vậy có lợi gì?*

Đáp: Phật thuyết các pháp là bất khả đắc, là rốt ráo thanh tịnh. Thế nhưng, Phật sợ người tu hành lại y chỉ nơi “bất khả đắc” mà chấp “không”, chấp “vô pháp”.

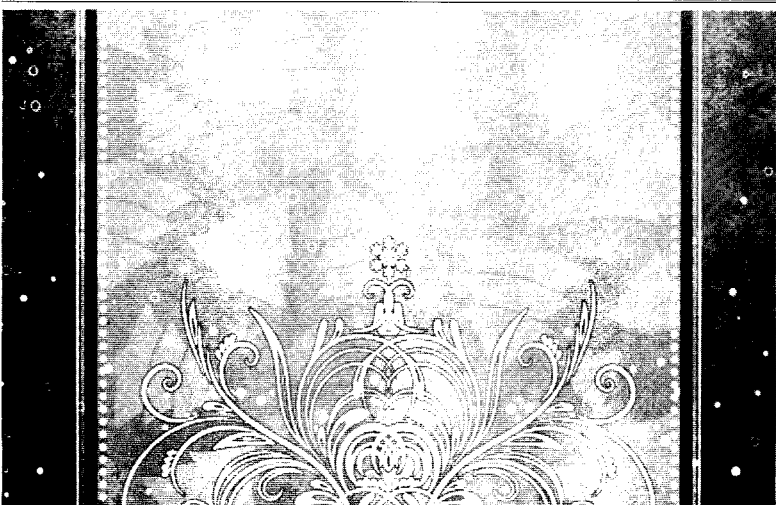
Vì người sơ cơ, mà Phật dùng “vô” để phá “hữu”, nhưng họ chưa được tâm thanh tịnh, nên lại y chỉ nơi “vô”. Bởi vậy, nên Phật dạy thêm rằng “các pháp bất khả đắc” cũng là bất khả đắc.

Hết thấy các pháp đều là bất khả đắc, dẫn đến “pháp bất khả đắc” cũng là bất khả đắc, nên hết thấy các pháp đều là rốt ráo thanh tịnh cả.

Bồ tát Ma ha tát, dụng pháp “vô sở đắc”, hành Ma ha điển hướng về Nhất thiết chủng trí.



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 51



Phẩm Thứ Hai Mười Hai



Thắng Xuất (Vượt Lên Trên Hết Thảy)

KINH:

Ngài huệ mạng Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ma ha diễn và người hành Ma ha diễn thắng xuất (vượt lên trên) hết thảy thế gian, Trời, người và A tu la.

Bạch Thế Tôn! Ma ha diễn ví như hư không, dung thọ vô lượng, vô biên chúng sanh, chẳng thấy chỗ đi, chẳng thấy chỗ đến, chẳng thấy chỗ trú. Vì sao? Vì quá khứ là bất khả đắc, hiện tại là bất khả đắc, vị lai cũng là bất khả đắc; cả 3 đời bình đẳng, đều là bất khả đắc cả.

Bởi nhân duyên vậy, nên gọi là Ma ha diễn.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đúng như vậy, đúng như vậy. Bồ tát Ma ha tát hành đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, từ Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, mới gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn.

Lại nữa, Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn có đầy đủ hết thảy các Đà la ni môn, hết thảy các Tam muội môn, từ Thủ lăng nghiêm tam muội, ..., dẫn đến Ly trước như hư không bất nhiễm tam muội.

Lại nữa, Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn có đầy đủ 18 không, từ nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không; có đầy đủ 37 pháp trợ đạo; từ 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 8 thánh đạo; có đầy đủ 10 lực, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp.

Này Tu Bồ Đề! Đúng như lời ông nói, Ma ha diễn thắng xuất hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la.

Này Tu Bồ Đề! Nếu cõi Dục là thật có, là thường hằng, là bất hoại, chẳng phải là hư vọng, chẳng phải là điên đảo, chẳng phải là vô pháp (pháp chẳng có), thì Ma ha diễn chẳng có thể thắng xuất hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la được.

Bởi cõi Dục là hư vọng, là ức tướng, là hòa hợp, là danh tự, là vô thường, là tán hoại, là vô pháp, nên Ma ha diễn thắng xuất hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la.

Này Tu Bồ Đề! Nếu cõi Sắc và cõi vô Sắc là thật có, là thường hằng, là bất hoại, chẳng phải là hư vọng, chẳng phải là điên đảo, chẳng phải là vô pháp, thì Ma ha diễn chẳng có thể thắng xuất hết thấy thế gian Trời, người và A tu la được.

Bởi cõi Sắc và cõi vô Sắc là hư vọng, là ức tướng, là hòa hợp, là danh tự, là vô thường, là tán hoại, là vô pháp, nên Ma ha diễn thắng xuất hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la.

Này Tu Bồ Đề! Nếu sắc, ..., dẫn đến thức, sắc, ..., dẫn đến pháp, nhãn, ..., dẫn đến ý, nhãn thức, ..., dẫn đến ý thức, nhãn xúc, ..., dẫn đến ý xúc, nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ là thật có, là thường hằng, là bất hoại, chẳng phải là hư vọng, chẳng phải là điên đảo, chẳng phải là vô pháp, thì Ma ha diễn chẳng có thể thắng xuất hết thấy thế gian Trời, người và A tu la được.

Bởi sắc, ..., dẫn đến thức, sắc, ..., dẫn đến pháp, nhãn, ..., dẫn đến ý, nhãn thức, ..., dẫn đến ý thức, nhãn xúc,

..., dẫn đến ý xúc, nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ là hư vọng, là ức tướng, là hòa hợp, là danh tự, là vô thường, là tán hoại, là vô pháp, nên Ma ha diễn thắng xuất hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la.

Này Tu Bồ Đề! Nếu như pháp tánh thật tế bất khả tư nghì tánh là hữu pháp (pháp có), chẳng phải là vô pháp (pháp chẳng có), thì Ma ha diễn chẳng có thể thắng xuất hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la được.

Bởi như pháp tánh thật tế, bất khả tư nghì tánh là vô pháp (pháp chẳng có), là phi pháp (chẳng phải pháp), nên Ma ha diễn thắng xuất hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la.

Này Tu Bồ Đề! Nếu 6 pháp Ba-la-mật, từ Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật là hữu pháp, chẳng phải là vô pháp, thì Ma ha diễn chẳng có thể thắng xuất hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la được.

Bởi 6 pháp Ba-la-mật là vô pháp, là phi pháp, nên Ma ha diễn thắng xuất hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la.

Này Tu Bồ Đề! Nếu 18 không, từ nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không là hữu pháp, chẳng phải là vô pháp, thì Ma ha diễn chẳng có thể thắng xuất hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la được.

Bởi 18 không là vô pháp, là phi pháp, nên Ma ha diễn thắng xuất hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la.

Này Tu Bồ Đề! Nếu 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp là hữu pháp, chẳng phải là vô pháp, thì Ma ha diễn chẳng có thể thắng xuất hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la được.

Bởi 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp là vô pháp, là phi pháp, nên Ma ha diễn thắng xuất hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la.

Này Tu Bồ Đề! Nếu nhân pháp tánh, Tu-đà-hoàn pháp tánh, Tu-đà-hàm pháp tánh, A-na-hàm pháp tánh, A-la-hán pháp tánh, Bích Chi Phật pháp tánh, Bồ tát pháp tánh, Phật pháp tánh đều là hữu pháp, chẳng phải là vô pháp, thì Ma ha diễn chẳng có thể thắng xuất hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la được.

Bởi nhân tánh, Tu-đà-hoàn tánh, ..., dẫn đến Phật tánh đều là vô pháp, là phi pháp, nên Ma ha diễn thắng xuất hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la.

Này Tu Bồ Đề! Nếu hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la đều là hữu pháp, chẳng phải là vô pháp, thì Ma ha diễn chẳng có thể thắng xuất hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la được.

Bởi hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la đều là vô pháp, là phi pháp, nên Ma ha diễn thắng xuất hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la.

Này Tu Bồ Đề! Nếu trong khoảng thời gian từ khi Bồ tát phát tâm đến khi tọa đạo tràng, mà tâm là hữu pháp, chẳng phải là vô pháp, thì Ma ha diễn chẳng có thể thắng xuất hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la được.

Bởi trong khoảng thời gian từ khi Bồ tát sơ phát tâm đến khi tọa đạo tràng, tâm là vô pháp, là phi pháp, nên Ma ha diễn thắng xuất hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la.

Này Tu Bồ Đề! Nếu “như Kim cang huệ” của Bồ tát là hữu pháp, chẳng phải là vô pháp, thì Bồ tát chẳng có thể biết được hết thấy các kiết sử và tập khí là vô pháp,

là phi pháp, dẫn đến chẳng có thể được Nhất thiết chủng trí, khiến Ma ha diễn chẳng có thể thắng xuất hết thủy thế gian, Trời, người và A tu la được. Bởi “như Kim cang huệ” của Bồ tát là vô pháp, là phi pháp, nên Bồ tát biết rõ hết thủy các kiết sử và tập khí đều là vô pháp, là phi pháp khiến Ma ha diễn thắng xuất hết thủy thế gian, Trời, người và A tu la.

Này Tu Bồ Đề! Nếu 32 tướng tốt trang nghiêm thân Phật là hữu pháp, chẳng phải là vô pháp, thì oai đức của Phật chẳng có thể vang lừng, rộng khắp cả hằng sa thế giới được.

Bởi 32 tướng tốt trang nghiêm thân Phật là vô pháp, là phi pháp, nên oai đức của Phật vang lừng, rộng khắp cả hằng sa thế giới ở trong 10 phương.

Này Tu Bồ Đề! Nếu quang minh của Phật là hữu pháp, chẳng phải là vô pháp, thì quang minh của Phật chẳng có thể chiếu khắp cả hằng sa thế giới được.

Bởi quang minh của Phật là vô pháp, là phi pháp, nên chư Phật thường phóng quang minh đến vô lượng hằng sa thế giới.

Này Tu Bồ Đề! Nếu âm thanh của Phật với 60 âm điệu trang nghiêm là hữu pháp, chẳng phải là vô pháp, thì âm thanh trang nghiêm của Phật chẳng có thể biến khắp cả 10 phương thế giới được.

Bởi âm thanh của Phật với 60 âm điệu trang nghiêm là vô pháp, là phi pháp, nên chư Phật dùng âm thanh trang nghiêm nói pháp, khiến chúng sanh ở khắp 10 phương thế giới đều được nghe pháp.

Này Tu Bồ Đề! Nếu pháp luân là hữu pháp, chẳng

phải là vô pháp, thì chư Phật chẳng có thể chuyển pháp luân được.

Bởi pháp luân là vô pháp, là phi pháp, nên chư Phật thường chuyển pháp luân, đưa chúng sanh vào Vô dư Niết Bàn.

Các đức Phật quá khứ, hiện tại và vị lai đều làm như vậy cả.

LUẬN:

Ngài Tu Bồ Đề nêu lên 5 câu hỏi về Ma ha diễn, và đều đã được Phật giải đáp rất đầy đủ rõ ràng. Bởi vậy nên ngài rất vui mừng và tán thán rằng Ma ha diễn có đại lực phá hết thảy các chấp về pháp tướng, thắng xuất hết thảy thế gian, Trời, người và A tu la.

Ví như ở thế gian, những người bị giam cầm trong ngục tội, có thể vượt ra khỏi ngục bằng 3 cách:

- Hạng thứ nhất, nhờ nương theo đêm tối mà trốn thoát.
- Hạng thứ hai nhờ lo lót tiền bạc mà được thoát khỏi ngục.
- Hạng thứ ba nhờ có sức mạnh bên ngoài giúp đỡ, phá ngục mà được thoát ngục.

Cũng như vậy, 3 thừa giáo tuy đều có thể giải thoát chúng sanh ra khỏi ngục tù 3 cõi, ra khỏi sanh tử luân hồi, nhưng vẫn có chỗ sai khác nhau:

- A-la-hán chưa biết rõ tổng tướng và biệt tướng của các ma sự, chưa được đầy đủ các lực phương tiện để phá ngoại đạo, chưa sanh bi tâm nhằm lợi sanh, mà chỉ cầu Niết Bàn do vì nhàm chán sanh tử.

- Bích Chi Phật tuy đã có bi tâm, có lực thần thông khiến phá được các ác ma, ngoại đạo, nhưng vẫn chưa bằng được Bồ tát.

- Bồ tát từ sơ phát tâm, đã khởi đại bi tâm thương xót hết thảy chúng sanh, nên dù chưa thành Phật, cũng đã có vô lượng công đức, làm lợi lạc cho chúng sanh.

Lại nữa, Bồ tát đã quyết định biết rõ thật tướng các pháp, đã được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, nên có đại lực phá các Ma vương và ngoại đạo, tận đoạn các kiết sử phiền não. Bồ tát biết rõ tổng tướng và biệt tướng của hết thảy các pháp, nên được Nhất thiết chủng trí, dẫn đến được quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề tán thán Ma ha diễn có đại lực phá hết thảy các chấp về pháp tướng, nên thắng xuất hết thảy thế gian, Trời, Người và A tu la.

Ví như hư không bao trùm cả vạn vật mà hư không vẫn bất tận. Cũng như vậy, Đại thừa Ma ha diễn bao trùm hết thảy các pháp Phật trong cả 3 đời mà vẫn như như, vẫn thường hằng, nên nói Ma ha diễn chẳng có tướng xuất, chẳng có tướng nhập, chẳng có tướng trú, chẳng có quá khứ, chẳng có hiện tại, chẳng có vị lai. Vì sao? Vì cả 3 đời đều nhiếp trọn trong Ma ha diễn cả vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên ngài Tu Bồ Đề được Phật tán thán.

Hỏi: *Ngài Tu Bồ Đề đã tán thán Ma ha diễn rồi. Như vậy vì sao Phật còn tán thán thêm nữa?*

Đáp: Phật tán thán chỗ ngài Tu Bồ Đề đã tán thán. Vì sao? Vì nghĩa lý của Ma ha diễn quá sâu xa, nên trước phải nói rõ về tướng của Ma ha diễn, rồi sau mới nói đến các pháp Ba-la-mật, các đà la ni, các tam muội, 18 không, 4 niệm xứ dẫn đến 18 bất cộng pháp.

Đúng như lời ngài Tu Bồ Đề nói, Ma ha diễn đã thật sự phá hết thấy các chấp về pháp tướng, và thắng xuất hết thấy thế gian, Trời, Người và A tu la. Vì sao? Vì 3 cõi là hư dối, là như mộng, như huyễn cả. Chỉ vì vô minh duyên khởi mà sanh ra có nhân, có quả, nhưng tất cả đều chẳng phải là thật pháp.

Lại nữa, hết thấy pháp đều là vô thường, là tán hoại, là tự tướng không, dẫn đến 3 cõi cũng là như vậy. Tất cả đều là vô tướng, là phi tướng, nên Ma ha diễn thắng xuất hết thấy thế gian, Trời, Người và A tu la.

Do nghiệp lực mới có 5 âm, 12 nhập, 18 giới, ..., dẫn đến mới có xúc, có thọ. Nếu các pháp thế gian này đều là hữu pháp, đều chẳng phải là vô pháp, thì Ma ha diễn chẳng có thể thắng xuất thế gian được. Nhưng bởi các pháp thế gian đều là vô pháp, là phi pháp, nên Ma ha diễn thắng xuất hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la vậy.

Hỏi: *Nói các pháp hữu vi do duyên hòa hợp sanh, đều là pháp chẳng có, là vô pháp, thì còn hợp lý. Còn “như pháp tánh thật tế”, “bất khả tư nghì tánh” là những pháp vô vi, sao cũng nói là tự tánh không, là vô pháp, là phi pháp?*

Đáp: “Vô vi” là tánh không, nên là pháp chẳng có, là chẳng phải pháp, tức là vô pháp, là phi pháp vậy.

Phật dạy: Nếu ly pháp hữu vi thì chẳng có được pháp vô vi. Pháp vô vi là bất khả đắc. Vì sao? Vì thật tướng của “hữu vi” là “vô vi”. Người nào quán được pháp hữu vi là hư vọng, là chẳng thật có thì có thể biết rõ “pháp tánh thật tế” là như như.

Vì phạm phu ở nơi “pháp tánh như như” mà khởi chấp tướng, thù tướng nên phải nói “vô pháp tánh” vậy. Thế nhưng dù nói có pháp tánh hay nói chẳng có pháp tánh, thì đó cũng

chỉ là các phương tiện nhân duyên để phá trừ các chấp về pháp tướng cả.

Như pháp tánh thật tế, bất khả tư nghì tánh cũng là như vậy.

Ví như Đàn Ba-la-mật là pháp vô vi, nhưng đối với người sơ học thì phải nói có pháp Đàn Ba-la-mật, nhằm phá xan tham, còn đối với các bậc Thánh thì nói Đàn Ba-la-mật là không. Bởi vậy nên nói có Đàn Ba-la-mật thế gian và Đàn Ba-la-mật xuất thế gian. Vì sao? Vì nếu chúng sanh là thật có, là hữu pháp, chẳng phải là vô pháp thì chẳng thể độ họ vào Vô dư Niết Bàn được.

Hỏi: Kể từ 32 tướng tốt của Phật trở về sau, vì sao chẳng nói Ma ha diễn thắng xuất hết thầy thế gian nữa?

Đáp: 32 tướng tốt của Phật dẫn đến chuyên pháp luân cũng chỉ là danh tự. Trước đây nói Ma ha diễn thắng xuất hết thầy thế gian là nói về tổng tướng, còn từ 32 tướng tốt của Phật trở về sau đều nhiếp về biệt tướng, nhằm so sánh các pháp xuất thế gian này với các pháp thế gian ngoại đạo. Phật có 32 tướng tốt, có quang minh chiếu diệu, có âm thanh trang nghiêm, có chuyên pháp luân lợi ích cho hết thầy chúng sanh. Đây là những pháp vô thượng mà thế gian ngoại đạo chẳng sao có thể sánh kịp được.

Sở dĩ trong đoạn kinh trên đây, Phật nhắc đi nhắc lại nhiều lần rằng Ma ha diễn thắng xuất hết thầy thế gian, vì Phật muốn phá tâm điên đảo của chúng sanh vọng chấp có ngã, có pháp.

Hỏi: Ở trong khắp 10 phương có đến 6 đạo chúng sanh. Vì sao chỉ nói thắng xuất Trời, người và A tu la mà thôi?

Đáp: Trong 6 đạo chúng sanh thì Ma ha diễn đều thắng xuất tất cả.

Hỏi: Trong kinh Long Vương có nêu trường hợp loài rồng cũng được đạo Bồ tát. Như vậy vì sao xếp loài rồng vào trong ác đạo?

Đáp: Trong vô lượng vô biên loài chúng sanh, thì loài rồng được đạo rất ít.

Nên biết rằng có kinh nói: Do muốn hóa độ Long vương mà có đại Bồ tát làm thân rồng, sống chung với loài rồng vậy.

Phẩm Thứ Hai Mười Ba



Đẳng Không (Bảng Với Hư Không)

KINH:

Phật bảo ngài Tu Bồ Đề: Này Tu Bồ Đề! Ông nói Ma ha diễn và hư không đồng đẳng chăng?

Đúng như lời ông nói, Ma ha diễn đồng đẳng với hư không.

Vì sao? Này Tu Bồ Đề! Ông nên biết:

- Hư không chẳng có 10 phương (phương Đông, phương Tây, phương Nam, phương Bắc, 4 phương chéo, phương Trên và phương Dưới). Ma ha diễn cũng như vậy.

- Hư không chẳng phải dài, chẳng phải ngắn, chẳng phải tròn, chẳng phải vuông... Ma ha diễn cũng như vậy.

- Hư không chẳng xanh, chẳng đỏ, chẳng đen... Ma ha diễn cũng như vậy.

- Hư không chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai. Ma ha diễn cũng như vậy.

- Hư không chẳng có tăng, chẳng có giảm. Ma ha diễn cũng như vậy.

- Hư không chẳng có cấu chẳng có tịnh. Ma ha diễn cũng như vậy.

- Hư không chẳng sanh, chẳng trú, chẳng diệt. Ma ha diễn cũng như vậy.

- Hư không chẳng thiện, chẳng bất thiện, chẳng vô ký, chẳng phải chẳng thiện, chẳng phải chẳng bất thiện, chẳng phải chẳng vô ký. Ma ha diễn cũng như vậy.

- Hư không chẳng thấy, chẳng nghe, chẳng biết. Ma ha diễn cũng như vậy.

- Hư không chẳng có tướng nhiễm, chẳng có tướng ly. Ma ha diễn cũng như vậy.

- Hư không chẳng có lệ thuộc vào 3 cõi. Ma ha diễn cũng như vậy.

- Hư không chẳng có sơ phát tâm, ..., dẫn đến chẳng có Phật tâm. Ma ha diễn cũng như vậy.

- Hư không chẳng có địa tánh. Ma ha diễn cũng như vậy.

- Hư không chẳng có Thanh Văn quả, Bích Chi Phật quả, ..., dẫn đến chẳng có Phật quả. Ma ha diễn cũng như vậy.

- Hư không chẳng có Thanh Văn địa, Bích Chi Phật địa, ..., dẫn đến chẳng có Phật địa. Ma ha diễn cũng như vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Ma ha diễn đồng đẳng với hư không.

Này Tu Bồ Đề! Lại nữa:

- Hư không chẳng phải sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải thấy được (khả kiến), chẳng phải chẳng thấy được (bất khả kiến), chẳng phải có đối (hữu đối), chẳng phải chẳng có đối (vô đối), chẳng phải hợp, chẳng phải tan. Ma ha diễn cũng như vậy.

- Hư không chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải khổ, chẳng phải lạc, chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã. Ma ha diễn cũng như vậy.

- Hư không chẳng phải không, chẳng phải chẳng không, chẳng phải vô tướng, chẳng phải chẳng vô tướng, chẳng phải vô tác, chẳng phải chẳng vô tác. Ma ha diễn cũng như vậy.

- Hư không chẳng phải tịch diệt, chẳng phải chẳng tịch diệt, chẳng phải ly, chẳng phải chẳng ly. Ma ha diễn cũng như vậy.

- Hư không chẳng phải có thể được (khả đắc), chẳng phải chẳng có thể được (bất khả đắc). Ma ha diễn cũng như vậy.

- Hư không chẳng phải có thể nói ra (khả thuyết), chẳng phải chẳng có thể nói ra được (bất khả thuyết). Ma ha diễn cũng như vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Ma ha diễn đồng đẳng với hư không.

LUẬN:

Ngài Tu Bồ Đề tán thán Ma ha diễn cùng hư không bình đẳng.

Phật nói rộng thêm cho sáng nghĩa. Ví như nói: Hư không chẳng có 10 phương; Ma ha diễn cũng chẳng có 10 phương v.v...

Hỏi: Nói hư không như vậy là đúng, vì hư không là pháp vô vi, nên chẳng có sắc, thanh, hương, vị... Còn như tu theo Đại thừa Ma ha diễn, thì hành giả có hành các pháp hữu vi, có hành các sắc pháp, như hành bố thí, hành các Ba-la-mật khác v.v... Như vậy, làm sao có thể nói Ma ha diễn cùng hư không bình đẳng được?

Đáp: Phải nên xét 6 pháp Ba-la-mật về cả 2 mặt: Thế gian và xuất thế gian.

Ba-la-mật thế gian là pháp hữu vi, có nhiếp sắc pháp, nên chẳng có đồng với hư không. Còn Ba-la-mật xuất thế gian là như pháp tánh thật tế, do trí huệ hòa hợp mà có, nên tựa như hư không; cứ y theo đó mà tu, thì sẽ được vô sanh pháp nhẫn. Khi vào được vô sanh pháp nhẫn rồi thì chẳng còn phân biệt nữa nên là như hư không vậy.

Lại nữa, Phật dùng vô ngại trí, quán thật tướng pháp như hư không. Người chưa được trí huệ thanh tịnh chẳng có thể làm như vậy được. Trước sau, Phật đều nói rõ ráo không. Ví như nói Vô dư Niết Bàn tướng đồng như hư không, thì chẳng ai có thể nghi ngờ gì được nữa.

Hỏi: *Nói Ma ha diễn là vô sở hữu, nên là như hư không, là đủ rồi. Vì sao còn dẫn chứng thêm nhiều thí dụ khác làm gì nữa?*

Đáp: Vì các Bồ tát sơ phát tâm vẫn còn chấp tâm, còn chấp các nội ngoại nhân duyên sanh pháp, nên chưa thấy rõ Ma ha diễn là vô sở hữu, là như hư không. Bởi vậy, nên Phật phải nêu thêm nhiều thí dụ cho thấy rõ Ma ha diễn cùng hư không bình đẳng, nhằm tận trừ các chấp về pháp tướng.

-o0o-

KINH:

Này Tu Bồ Đề! Đúng như lời ông nói, hư không dung thọ vô lượng, vô biên chúng sanh; Ma ha diễn cũng như vậy, dung thọ vô lượng, vô biên chúng sanh.

Đúng như vậy. Chúng sanh là vô sở hữu, nên hư không cũng vô sở hữu; hư không vô sở hữu, nên Ma ha diễn cũng vô sở hữu. Bởi vậy, nên nói Ma ha diễn dung

thọ vô lượng, vô biên chúng sanh. Vì sao? Vì chúng sanh, hư không, Ma ha diễn cùng hết thấy các pháp đều là vô sở hữu, là bất khả đắc cả.

Lại nữa, ngã vô sở hữu, ..., dẫn đến tri giả, kiến giả cũng đều là vô sở hữu. Bởi vậy nên như pháp tánh thật tế cũng là vô sở hữu, ..., dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều là vô sở hữu cả. Vì sao? Vì hết thấy pháp đều do duyên hòa hợp mà có.

Này Tu Bồ Đề! Ma ha diễn dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh. Vì sao? Vì chúng sanh bất khả đắc, dẫn đến tri giả, kiến giả... thật tế, cùng vô lượng vô biên pháp đều bất khả đắc.

Lại nữa, ngã vô sở hữu, dẫn đến tri giả, kiến giả vô sở hữu, nên bất khả tư nghì tánh vô sở hữu. Bất khả tư nghì tánh vô sở hữu, sắc dẫn đến thức vô sở hữu, nên hư không vô sở hữu, Ma ha diễn vô sở hữu, dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều vô sở hữu.

Này Tu Bồ Đề! Ma ha diễn dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh. Vì sao? Vì ngã và chúng sanh bất khả đắc, dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều bất khả đắc.

Lại nữa, ngã và chúng sanh vô sở hữu, nên nhãn dẫn đến ý vô sở hữu. Nhãn dẫn đến ý vô sở hữu, nên hư không vô sở hữu. Ma ha diễn vô sở hữu, dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều vô sở hữu.

Này Tu Bồ Đề! Ma ha diễn dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh. Vì sao? Vì ngã và chúng sanh bất khả đắc, dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều bất khả đắc.

Lại nữa, ngã và chúng sanh vô sở hữu, dẫn đến tri giả, kiến giả vô sở hữu, nên nội không vô sở hữu, dẫn đến vô

pháp không vô sở hữu. Vô pháp hữu pháp không vô sở hữu, nên hư không vô sở hữu, Ma ha điển vô sở hữu, dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều vô sở hữu.

Này Tu Bồ Đề! Ma ha điển dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh. Vì sao? Vì ngã và chúng sanh bất khả đắc, dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều bất khả đắc.

Lại nữa, ngã và chúng sanh vô sở hữu, dẫn đến tri giả, kiến giả vô sở hữu, nên 4 niệm xứ vô sở hữu, dẫn đến 18 bất cộng pháp vô sở hữu. 4 niệm xứ dẫn đến 18 bất cộng pháp vô sở hữu, nên hư không vô sở hữu, Ma ha điển vô sở hữu, dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều vô sở hữu.

Này Tu Bồ Đề! Ma ha điển dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh. Vì sao? Vì ngã và chúng sanh bất khả đắc, dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều bất khả đắc.

Lại nữa, ngã và chúng sanh vô sở hữu, dẫn đến tri giả, kiến giả vô sở hữu, nên “tánh địa” vô sở hữu, dẫn đến “đĩ tác địa” vô sở hữu. “Tánh địa” dẫn đến “đĩ tác địa” vô sở hữu, nên hư không vô sở hữu. Ma ha điển vô sở hữu, dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều vô sở hữu.

Này Tu Bồ Đề! Ma ha điển dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh. Vì sao? Vì ngã và chúng sanh bất khả đắc, dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều bất khả đắc.

Lại nữa, ngã và chúng sanh vô sở hữu, dẫn đến tri giả, kiến giả vô sở hữu, nên 4 quả Thanh Văn vô sở hữu. 4 quả Thanh Văn vô sở hữu, nên hư không vô sở hữu, Ma ha điển vô sở hữu, dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều vô sở hữu.

Này Tu Bồ Đề! Ma ha điển dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh. Vì sao? Vì ngã và chúng sanh bất khả đắc,

dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều bất khả đắc.

Lại nữa, ngã và chúng sanh vô sở hữu, dẫn đến tri giả, kiến giả vô sở hữu, nên Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa, Bồ tát thừa, Phật thừa vô sở hữu. Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa, Bồ tát thừa, Phật thừa vô sở hữu, nên Nhất thiết chủng trí vô sở hữu, hư không vô sở hữu, Ma ha diễm vô sở hữu, dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều vô sở hữu.

Này Tu Bồ Đề! Ma ha diễm dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh. Vì sao? Vì ngã và chúng sanh bất khả đắc, dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều bất khả đắc.

Lại nữa, vì như “Niết Bàn tánh” dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh, thì Ma ha diễm cũng dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh, vì như hư không dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh, thì Ma ha diễm cũng dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh vậy.

LUẬN:

Hỏi: Vì sao chẳng nói hư không quảng đại, mà lại nói hư không vô sở hữu, dung thọ vạn vật và cùng với Ma ha diễm bình đẳng?

Đáp: Vì ai cũng đều biết hư không là vô sở hữu và dung thọ vạn vật.

Hỏi: Tâm và tâm sở cũng vô sắc, vô hình. Vì sao chẳng nói các tâm và tâm sở dung thọ vạn vật?

Đáp: Tướng của các tâm và tâm sở là hay biết, chẳng phải là tướng dung thọ.

Lại nữa, tâm và tâm sở chẳng có trú xứ, chẳng có trong, có ngoài, có gần, có xa v.v...

Do phạm phu chấp “sắc pháp” có tướng, nên mới phân biệt “sắc pháp” với “tâm pháp”. Rồi từ đó, khởi sanh ý niệm về trú xứ vậy. Lại do chấp “sắc xứ” mà khởi chấp có hư không.

Nên biết tánh của hư không là dung thọ. Trái với hư không là sắc, cũng như trái với vô minh là minh vậy. Chỗ nào chẳng có vô minh thì minh hiện ra; chỗ nào chẳng có khổ là có lạc. Cũng như vậy, chỗ nào chẳng có sắc là có hư không.

Tâm và tâm sở chẳng có nghĩa dung thọ, như tà kiến chẳng dung thọ chánh kiến vậy. Còn tánh của hư không là dung thọ hết thảy các vật.

Tâm và tâm sở có sanh, có diệt khiến người tu hành có thể tu đoạn được các chấp đó. Còn hư không chẳng phải như vậy, vì hư không là trường tồn, là chẳng có đoạn diệt.

Bởi vậy nên, mặc dù tâm và tâm sở cũng là vô sắc vô hình như hư không, nhưng vẫn khác với hư không. Tâm và tâm sở chẳng dung thọ vạn vật, còn hư không thì dung thọ tất cả.

Hỏi: *Vì sao chẳng nói hư không là vô lượng vô biên, dung thọ vạn vật, mà lại nói hư không là vô sở hữu, dung thọ vạn vật?*

Đáp: Hư không chẳng có tự tướng. Chỉ do đối đãi với “sắc tướng” mà nói có “hư không tướng” vậy thôi. Đã chẳng có tự tướng thì “hư không tướng” cũng chẳng thật có. Bởi vậy nên chẳng có thể nói hư không là vô lượng vô biên được.

Hỏi: *Trước đây nói rằng hư không có tướng dung thọ vạn vật. Vì sao nay lại nói “hư không tướng” là chẳng thật có?*

Đáp: “Dung thọ tướng” là “vô sắc tướng”. Vì sao? Vì chỗ nào chẳng có “sắc tướng” thì “hư không tướng” liền hiện ra vậy.

Như vậy nếu chưa có “sắc” mà đã có “hư không” rồi thì hư không là chẳng có tướng, là vô tướng vậy. Vì sao? Vì do đối đãi với “sắc” mà có “hư không”. Như vậy hư không cũng là tác pháp, chẳng phải là chân pháp, nên nói hư không là vô tướng, là bất khả đắc.

Hỏi: Trước nói “hư không tướng” là vô tướng, rồi sau đó lại nói chỗ nào chẳng có “sắc tướng” thì “hư không tướng” liền hiện ra. Như vậy là có “hư không tướng”, sao lại nói “hư không tướng” chẳng thật có?

Đáp: Hư không là chẳng có tướng, tức là vô tướng. Hư không chẳng có chỗ trú, tức là vô sở trú. Cho nên dù nói hư không có tướng thì tướng ấy cũng chẳng phải tướng (vô sở tướng), chẳng phải trú (vô sở trú) rồi vậy.

Lại nữa, nếu nói rằng tướng của hư không là “vô sở trú” thì “vô sở trú tướng” ấy cũng là không. Vì sao? Vì “ly tướng” tức là “ly trú xứ tướng”, tức là vô tướng, là “vô sở trú tướng” rồi vậy.

Bởi vậy nên nói hư không chẳng có tướng, tức là vô tướng, hư không chẳng phải hữu pháp, tức là phi pháp, là vô pháp vậy.

Phải đoạn hết ngôn ngữ, phải dứt sạch các tâm hành xứ mới thấy rõ “hư không tướng” là “Niết Bàn tướng”, là vô tướng vậy. Hết thấy các pháp tướng cũng đều là như vậy cả.

Hỏi: Nếu nói như vậy thì hết thấy các pháp cũng là hư không rồi. Sao còn lấy hư không làm dụ để làm gì nữa?

Đáp: Các pháp đều do duyên hòa hợp mà có, nên đều là hư dối. Chúng sanh do vô minh che tâm, mà khởi chấp có các pháp, chấp có 6 căn, 6 trần, 6 thức v.v... Do điên đảo chấp như vậy mà

tâm trí của chúng sanh bị mê mờ, nên Phật lấy hư không làm dụ để phá các chấp vi tế về có pháp (hữu pháp).

Do đối đãi với sắc mà nói có hư không, nhưng hư không cũng chỉ là giả danh, chẳng thật có. Cũng như vậy, do 5 âm hòa hợp mà giả danh có chúng sanh, nhưng chúng sanh là chẳng thật có. Chúng sanh cũng như hư không đều chẳng thật có, chẳng phải là định pháp. Ma ha diễn cũng là như vậy.

Nếu chẳng có chúng sanh thì cũng chẳng có Bồ tát, chẳng có Phật, dẫn đến chẳng có Ma ha diễn.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Ma ha diễn dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh. Vì sao? Vì nếu Ma ha diễn là hữu pháp thì chẳng thể dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh được. Do vì Ma ha diễn là vô pháp, là phi pháp nên mới dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh.

Hỏi: *Nếu hư không là chẳng thật có, thì làm sao có thể lấy hư không làm dụ, làm sao có thể ví Ma ha diễn với hư không dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh được?*

Đáp: Phật nói Ma ha diễn là tánh không, vô lượng vô biên chúng sanh là tánh không, hết thảy các pháp cũng là tánh không. Bởi nhân duyên vậy, nên Ma ha diễn có thể dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh. Vì sao? Vì hư không, Ma ha diễn, dẫn đến hết thảy chúng sanh đều là bất khả đắc cả.

-o0o-

Có thuyết nói: Do 10 phương hư không đều bất khả đắc, nên “vô số” cũng bất khả đắc, đồng đẳng với hư không. Chỉ do phân biệt mà nói có 1 số, có nhiều số, có 1 pháp Ba-la-mật, dẫn đến có 6 pháp Ba-la-mật v.v...

Lại có thuyết nói: Do lúc ban đầu chấp có số 1, nên mới có vô số các số hòa hợp, dẫn đến có vô số các pháp hòa hợp. Như vậy thì biết rằng “vô số” chỉ là danh tự, chẳng phải là định pháp. Vì sao? Vì 1 pháp đã là không thì vô số pháp cũng là không.

Lại có thuyết nói: Mỗi “số”, mỗi “pháp” đều do phân biệt, do suy lường mà có. Các pháp đã là không thì vô số, vô lượng, vô biên đều chẳng thật có.

-o0o-

Nên biết: Nói lượng là nói về tổng tướng, nói biên là nói về biệt tướng. Vì sao? Vì có trừ lượng mới dẫn đến có biên tế.

Lại nữa, ngã và chúng sanh, dẫn đến tri giả, kiến giả đều là không, nên “vô số” cũng là không. Vô số đã là không thì vô lượng, vô biên, dẫn đến hết thảy pháp đều là không cả.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Ma ha diễn có thể dung thọ vô lượng, vô biên chúng sanh, vì hết thảy các pháp đều là rốt ráo không cả.

-o0o-

Lại cũng nên biết Sự và Tướng chẳng rời nhau. Nếu chẳng có chúng sanh thì cũng chẳng có pháp, và ngược lại, nếu chẳng có pháp thì cũng chẳng có chúng sanh.

Trước nói về tổng tướng là nói hết thảy pháp đều không, sau nói về biệt tướng là nói về pháp không, pháp như, pháp tánh, thật tế v.v...

Như vậy là trước sau đều trình bày “diệu pháp”. Vì sao? Vì nói các pháp là không, có nghĩa là nói hết thảy các pháp, ở nơi bất khả tư nghì tánh đều là diệu pháp cả. Dẫn đến Vô dư Niết Bàn tánh cũng là như vậy.

KINH:

Phật bảo tiếp: Này Tu Bồ Đề! Ông nói Ma ha diễn chẳng thấy chỗ đến, chẳng thấy chỗ đi, chẳng thấy chỗ trú chẳng?

Đúng như lời ông nói, Ma ha diễn chẳng có đến (vô lai), chẳng có đi (vô khứ), chẳng có trú (vô trú).

Vì sao? Sắc dẫn đến thức chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu nên là vô sở trú.

Sắc pháp dẫn đến thức pháp, sắc như dẫn đến thức như, sắc tánh dẫn đến thức tánh, sắc tướng dẫn đến thức tướng, chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, nên đều là vô sở trú.

Cũng như 5 âm, tất cả 12 nhập, 18 giới, 6 đại chủng... đều như vậy cả.

Này Tu Bồ Đề! Nhân dẫn đến ý, nhân pháp dẫn đến ý pháp, nhân như dẫn đến ý như, nhân tánh dẫn đến ý tánh, nhân tướng dẫn đến ý tướng, chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, nên đều là vô sở trú.

Địa chủng, ..., dẫn đến thức chủng, địa chủng pháp dẫn đến thức chủng pháp, địa chủng như dẫn đến thức chủng như, địa chủng tánh dẫn đến thức chủng tánh, địa chủng tướng dẫn đến thức chủng tướng, chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, nên đều là vô sở trú.

Này Tu Bồ Đề! Như, như pháp, như tánh, như tướng, chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, nên đều là vô sở trú.

Thật tế, thật tế pháp, thật tế như, thật tế tánh, thật tế tướng, chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, nên đều là vô sở trú.

Bất khả tư nghi, bất khả tư nghi pháp, bất khả tư nghi tánh, bất khả tư nghi tướng, chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, nên đều là vô sở trú.

Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, Đàn Ba-la-mật pháp dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật pháp, Đàn Ba-la-mật như dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật như, Đàn Ba-la-mật tánh dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật tánh, Đàn Ba-la-mật tướng dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật tướng, chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, nên đều là vô sở trú.

4 niệm xứ dẫn đến 18 bất cộng pháp cũng đều là như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, Bồ tát pháp, Bồ tát như, Bồ tát tánh, Bồ tát tướng, chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, nên đều là vô sở trú.

Phật, Phật pháp, Phật như, Phật tánh, Phật tướng, chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, nên đều là vô sở trú.

Vô thượng chánh đẳng chánh giác, Vô thượng chánh đẳng chánh giác pháp, Vô thượng chánh đẳng chánh giác như, Vô thượng chánh đẳng chánh giác tánh, Vô thượng chánh đẳng chánh giác tướng, chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, nên đều là vô sở trú.

Này Tu Bồ Đề! Hữu vi, hữu vi pháp, hữu vi như, hữu vi tánh, hữu vi tướng, chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, nên đều là vô sở trú.

Vô vi, vô vi pháp, vô vi như, vô vi tánh, vô vi tướng, chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, nên đều là vô sở trú.

Này Tu Bồ Đề! Bởi nhân duyên vậy, nên nói Ma ha diễn chẳng có chỗ đến (vô lai), chẳng có chỗ đi (vô khứ), chẳng có chỗ trú (vô trú).

LUẬN:

Đoạn kinh trên đây tán thán Ma ha diễn là chẳng có chỗ đến, chẳng có chỗ đi, chẳng có chỗ trú, và tán thán thật tướng của các pháp là bất động.

Hỏi: *Các pháp đều có chỗ đến, chỗ đi, chỗ trú. Như vậy vì sao lại nói pháp tướng là bất động?*

Đáp: Vì là chẳng có ngã (vô ngã), chẳng có chúng sanh (vô chúng sanh), nên ở nơi hết thảy pháp chẳng có người thấy, cũng chẳng có người biết.

Bởi vậy nên nói hết thảy pháp đều là chẳng đến (vô lai), chẳng đi (vô khứ). Vì đi đến (khứ lai) cũng là chẳng đi đến (vô khứ lai) vậy.

Lại nữa, ở cả 3 đời thì tâm cầu tướng đi đến (khứ lai) là chẳng có thể được (bất khả đắc) vậy.

Hỏi: *Thân có di động. Như vậy vì sao lại nói chẳng có khứ lai?*

Đáp: Chẳng phải như vậy. Các tướng khứ lai đều là bất khả đắc. Nếu ly “khứ thời”, thì “khứ tướng” là bất khả đắc. Vì sao? Vì phải ở nơi “khứ thời” mới có “khứ tướng” và phải ly “khứ tướng” mới thấy được “khứ thời”. Vì sao? Vì “khứ thời” và “khứ tướng” là 2 pháp khác nhau. Ví như người đi chẳng phải là thời gian đi vậy.

Lại nữa, ly người đi thì chẳng có tướng đi, ngược lại ly tướng đi thì cũng chẳng có người đi. Vì sao? Vì người đi và tướng đi đều là bất khả đắc cả.

Đối với các tướng lai, tướng trú cũng đều là như vậy cả.

Phật dạy: Các pháp hữu vi đều là pháp sanh diệt, đều chẳng có định tướng.

Bởi vậy nên nói các pháp là vô khứ, vô lai, vô trú, là bất động. Vì sao? Vì sắc, sắc pháp, sắc như, sắc tánh, sắc tướng chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, nên đều chẳng trú (vô sở trú).

-o0o-

Nếu mắt thấy sắc mà chẳng phân biệt được tốt xấu, thật hư, chẳng phân biệt được tự tướng hay tha tướng, thì chẳng có thể biết được sắc pháp là vô thường, là sanh diệt, là bất định.

Nếu biết rõ sắc pháp chỉ là danh tự, chỉ do duyên hòa hợp mà có, thì mới biết rõ sắc pháp chỉ là như bọt nước, là hư dối, là ly tán, là chẳng thật có.

Sắc hiện tại đã là như vậy, thì sắc quá khứ, sắc vị lai cũng là như vậy cả.

Lại nữa, chư Phật và chư đại Bồ tát quán hết thấy các pháp đều là rốt ráo thanh tịnh, quán sắc, sắc pháp, sắc như, sắc tánh, sắc tướng đều do duyên hòa hợp mà có, chẳng phải như phàm phu điên đảo vọng thấy sắc vậy. Vì sao? Vì chư Phật và chư đại Bồ tát thấy được thật tánh của sắc.

Hỏi: *Tánh của sắc rất sâu xa, màu nhiệm. Như vậy làm sao chư Bồ tát có thể thấy được?*

Đáp: Vì Bồ tát có đầy đủ 5 lực, nên biết được như vậy.

Ví như khi thấy khói là liền biết có lửa. Cũng như vậy, Bồ tát biết rõ sắc là vô thường, là tán hoại, là thô tướng, là khổ tướng, nên cũng biết rõ tánh của sắc là “không”.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát biết rõ hết thảy các pháp đều chẳng đi (vô khứ), chẳng đến (vô lai), chẳng trú (vô trú).

-o0o-

KINH:

Phật lại bảo tiếp: Này Tu Bồ Đề! Ông nói Ma ha diễn chẳng có trước, chẳng có sau, chẳng có chặng giữa chặng? Ông nói cả 3 đời đều là bất khả đắc, đều là bình đẳng, nên gọi là Ma ha diễn chặng?

Đúng như lời ông nói, cả 3 đời đều là bất khả đắc, đều là bình đẳng, nên gọi là Ma ha diễn.

Vì sao? Này Tu Bồ Đề! Vì quá khứ là tánh không, hiện tại là tánh không, vị lai là tánh không. Cả 3 đời đều là tánh không nên đều là bình đẳng. Dẫn đến Ma ha diễn cũng là tánh không, Bồ tát cũng là tánh không, nên đều là bình đẳng.

Tánh không là chẳng phải một, chẳng phải khác, nên là bình đẳng. Lại nữa, “không” và “bất không” là chẳng có khác nhau và đều là bình đẳng cả.

Ma ha diễn và Bồ tát là bình đẳng, là bất khả đắc. Nhiễm và bất nhiễm là bình đẳng, là bất khả đắc. Thiệt và bất thiệt là bình đẳng, là bất khả đắc. Thường và vô thường, lạc và khổ... cũng đều là bình đẳng, là bất khả đắc. Dẫn đến cõi Dục và cõi phi Dục, cõi Sắc và cõi phi Sắc, cõi vô Sắc và cõi phi vô Sắc cũng đều là bình đẳng, là bất khả đắc cả.

Vì sao? Vì “Ma ha diễn tự pháp”, là bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Sắc quá khứ, sắc hiện tại, sắc vị lai, ...,

dẫn đến thức quá khứ, thức hiện tại, thức vị lai cũng đều là tánh không. Ở trong tánh không thì quá khứ, hiện tại và vị lai đều là bất khả đắc cả.

Này Tu Bồ Đề! Đàn Ba-la-mật quá khứ, Đàn Ba-la-mật hiện tại, Đàn Ba-la-mật vị lai, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật quá khứ, Bát nhã Ba-la-mật hiện tại, Bát nhã Ba-la-mật vị lai cũng đều là tánh không đều là bình đẳng, đều là bất khả đắc cả.

4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp cũng đều là như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Phạm phu ở cả 3 đời (quá khứ, hiện tại và vị lai) đều là bất khả đắc. Vì sao? Vì 3 đời bình đẳng vậy.

Này Tu Bồ Đề! Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ tát, Phật, ở trong cả 3 đời đều là bất khả đắc cả. Vì sao? Vì chúng sanh bất khả đắc, vì 3 đời bình đẳng nên Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ tát, Phật bất khả đắc vậy.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma ha tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật, biết rõ 3 đời bình đẳng, thành tựu được Nhất thiết chủng trí. Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn.

Bồ tát an trú trong Ma ha diễn thắng xuất hết thủy thế gian, Trời, người và A tu la, nên thành tựu được Nhất thiết chủng trí.

Lúc bấy giờ ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Lành thay, lành thay! Trong quá khứ, Bồ tát đã ở trong Ma ha diễn tu học, mà được Nhất thiết chủng trí, trong vị lai Bồ tát cũng sẽ ở trong Ma ha diễn tu học để được Nhất thiết chủng trí, trong hiện tại chư Bồ tát cũng đang ở trong Ma ha diễn tu học để được Nhất thiết chủng trí.

Bạch Thế Tôn! Bởi nhân duyên vậy, nên Ma ha diễn là diệu pháp của chư Bồ tát.

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Đúng như vậy, đúng như vậy! Chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai, đều ở trong Ma ha diễn tu học mà được Nhất thiết chủng trí.

LUẬN:

Trên đây ngài Tu Bồ Đề tán thán Ma ha diễn, ở trong quá khứ, hiện tại và vị lai đều bất khả đắc.

Phật giảng rộng cho ngài Tu Bồ Đề nghe rằng: 3 đời đều bình đẳng, đều là tánh không, nên đều là bất khả đắc. Dẫn đến Bồ tát cũng là tánh không, Ma ha diễn cũng là tánh không, nên đều là bất khả đắc.

-o0o-

Phật dạy rằng: Tánh không chẳng phải một, chẳng phải khác, chẳng có hợp, chẳng có tan, nên 3 đời đều bình đẳng, là bất khả đắc. Khi đã biết rõ 3 đời bình đẳng thì vào được “không tam muội”. Bồ tát ở nơi rốt ráo không nên được tự tại, dùng các pháp tương đãi để rộng độ chúng sanh khắp 3 cõi.

Nơi đây Phật mật ý nói rằng: Các pháp đều do duyên hòa hợp mà có, nên đều là tự tánh không.

Sắc quá khứ, sắc hiện tại, sắc vị lai đều là tự tánh không. Vì sao? Vì trong không chẳng có 3 đời. Bồ tát quán 5 ấm ở trong cả 3 đời đều là bất khả đắc, nên phát tâm bồ thí mà biết rõ bồ thí là bất khả đắc.

Hỏi: Vì sao 3 đời bình đẳng mà bồ thí lại bất khả đắc?

Đáp: Vì các pháp ở trong cả 3 đời đều bình đẳng, dù mỗi

pháp đều có tướng riêng, nhưng các pháp tướng đều bình đẳng cả.

4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp đều bất khả đắc. Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ tát, Phật cũng đều bất khả đắc.

Vì chúng sanh là tánh không, nên Bồ tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật, học 3 đời là bình đẳng, là tự tánh không, tu tập các thiện pháp, nên được đầy đủ Nhất thiết chủng trí.

-o0o-

Phật dạy: Bồ tát an trú trong Ma ha diễn, tu tập Bát nhã Ba-la-mật nên thắng xuất hết thầy thế gian, Trời, người và A tu la.

Lúc bấy giờ ngài Tu Bồ Đề tán thán: Lành thay, lành thay! Ma ha diễn là diệu pháp của chư Bồ tát. Vì sao? Vì trong quá khứ Bồ tát đã ở trong Ma ha diễn tu học mà được Nhất thiết chủng trí, trong vị lai Bồ tát cũng sẽ ở trong Ma ha diễn tu học để được Nhất thiết chủng trí, trong hiện tại Bồ tát cũng đang ở trong Ma ha diễn tu học để được Nhất thiết chủng trí.

Phật tán thán ngài Tu Bồ Đề: Đúng như vậy, đúng như vậy! Chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai đều ở trong Ma ha diễn tu học mà thành tựu được Nhất thiết chủng trí.

(Hết quyển 51)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 52



Phẩm Thứ Hai Mươi Bốn



Hội Tông (Hội Các Tông Chi)

KINH:

Lúc bấy giờ ngài Phú Lô Na bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Trước đây Thế Tôn dạy ngài Tu Bồ Đề, vì các Bồ tát nói về Bát nhã Ba-la-mật. Nay sao lại nói về Ma ha điển?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Còn nói về Ma ha điển như vậy là ly Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ông nói về Bát nhã Ba-la-mật như vậy là tùy Bát nhã Ba-la-mật, là chẳng ly Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì tất cả các thiện pháp, dù là pháp Thanh Văn, dù là pháp Bích Chi Phật, dù là pháp Bồ tát, dù là pháp Phật cũng đều là pháp trợ đạo cả. Tất cả các thiện pháp ấy đều nhiếp trong Bát nhã Ba-la-mật cả.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Vì sao nói hết thấy các thiện pháp đều là pháp trợ đạo?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! 6 pháp Ba-la-mật, 4 niệm xứ, 4 chánh căn, 4 như ý túc, 5 căn, 5 lực, 7 giác chi, 8 thánh đạo, 3 giải thoát môn (không, vô tướng, vô tác), 10 lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, đại từ, đại bi, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp đều là những pháp trợ đạo và đều nhiếp vào trong Bát nhã Ba-la-mật cả. Bồ tát hành các thiện pháp này mà chẳng hề chấp các pháp tướng, vì thường tu hạnh xả vậy.

Này Tu Bồ Đề! Sắc, ..., dẫn đến thức, sắc, ..., dẫn đến

pháp, nhãn, ..., dẫn đến ý, nhãn thức, ..., dẫn đến ý thức, nhãn xúc, ..., dẫn đến ý xúc, nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ, 6 đại chúng, 6 pháp Ba-la-mật, 4 niệm xứ, 4 chánh cần, 4 như ý túc, 5 căn, 5 lực, 7 giác chi, 8 thánh đạo, 3 giải thoát môn... cùng tất cả các thiện pháp, dù hữu lậu hay vô lậu, dù là hữu vi hay vô vi, dù là khổ đế, tập đế, diệt đế hay đạo đế, dù là 3 cõi, dù là 18 không, dù là đà la ni, dù là tam muội, dù là 10 lực, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, dù là Phật, Phật pháp, Phật tánh, Phật như, dù là thật tế, dù là bất khả tư nghi tánh, dù là Niết Bàn v.v... cũng đều là chẳng có hợp, chẳng có tan, chẳng có sắc, chẳng có hình, chẳng có đối và đều chỉ là một tướng (nhất tướng), là chẳng có tướng (vô tướng) cả.

Này Tu Bồ Đề! Bởi nhân duyên vậy, nên đúng như lời ông nói “Ma ha diễn tùy thuận Bát nhã Ba-la-mật nên chẳng có ly Bát nhã Ba-la-mật”. Vì sao? Vì Ma ha diễn chẳng khác Bát nhã Ba-la-mật, Bát nhã Ba-la-mật chẳng khác Ma ha diễn, Ma ha diễn và Bát nhã Ba-la-mật là chẳng phải hai, chẳng phải khác. Dẫn đến 5 Ba-la-mật kia cũng đều là như vậy cả.

Này Tu Bồ Đề! 4 niệm xứ chẳng khác Ma ha diễn, Ma ha diễn chẳng khác 4 niệm xứ, Ma ha diễn và 4 niệm xứ là chẳng phải hai, là chẳng phải khác. Dẫn đến 18 bất cộng pháp chẳng khác Ma ha diễn, Ma ha diễn chẳng khác 18 bất cộng pháp, Ma ha diễn và 18 bất cộng pháp là chẳng phải hai, là chẳng phải khác.

Bởi nhân duyên vậy, nên đúng như lời ông nói, Ma ha diễn tức là Bát nhã Ba-la-mật vậy.

LUẬN:

Theo như ý kinh trên đây, thì ngài Phú Lâu Na chẳng có

tâm nghi. Thế nhưng vì hạng người mới học Bát nhã Ba-la-mật, chỉ phân biệt các pháp theo danh tự mà chưa rõ nghĩa “không”, nên ngài Phú Lô Na phải vì họ nêu lên câu hỏi. Ngài Tu Bồ Đề dựa nơi chỗ hỏi của ngài Phú Lô Na mà bạch Phật, để thỉnh Phật giảng rộng thêm.

-o0o-

Phật bảo ngài Tu Bồ Đề rằng: Đúng như lời ông nói, Ma ha diên tùy thuận Bát nhã Ba-la-mật, chẳng khác Bát nhã Ba-la-mật, chẳng ly Bát nhã Ba-la-mật.

Phật vì tùy thuận chúng sanh mà nói 3 thừa đạo, nhưng hết thấy các thiện pháp của 3 thừa đạo đều nhiếp trọn vào trong Bát nhã Ba-la-mật, và đều dẫn đến Niết Bàn cả.

Muốn vào Niết Bàn, phải tu 3 giải thoát môn (không, vô tướng và vô tác) nên nói 3 giải thoát môn là cộng pháp của cả 3 thừa đạo. Hành giả do trí giới, mà sanh thiên định, do thiên định mà sanh trí huệ; và khi đã được trí huệ viên mãn rồi, thì chẳng còn chấp thế gian nữa.

Hỏi: *Vì sao nói 3 thừa pháp đều là trợ đạo pháp, và đều nhiếp vào trong Bát nhã Ba-la-mật cả?*

Đáp: Vì Bồ tát hành đầy đủ các thiện pháp, mà chẳng hề chấp các thiện pháp ấy, Bồ tát thường tu hạnh xả, nên chẳng còn chấp các pháp tướng vậy.

Nên biết rằng 37 Phẩm trợ đạo và 3 giải thoát môn là cộng pháp của cả 3 thừa. Còn 6 pháp Ba-la-mật là pháp của Bồ tát; 10 lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, đại từ, đại bi... 18 bất cộng pháp thường dẫn đến hành xả, là pháp của Phật.

-o0o-

Có thuyết nói rằng tu 6 pháp Ba-la-mật có 2 trường hợp:

- Đầy đủ (cụ túc) Ba-la-mật.
- Chưa đầy đủ (chưa cụ túc) Ba-la-mật.

Đầy đủ Ba-la-mật là pháp Bồ tát; chưa đầy đủ Ba-la-mật là pháp Nhị thừa.

Lại có thuyết nói Ma ha diễn là tánh không; Bát nhã Ba-la-mật cũng là tánh không. Bởi vậy nên 2 pháp này là chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Ngài Tu Bồ Đề nói về Ma ha diễn là tùy thuận Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật cũng như 5 Ba-la-mật kia đều là tánh không, nên Ma ha diễn cũng là tánh không. Dẫn đến pháp như, pháp tánh, thật tế, bất khả tư nghì tánh, Niết Bàn tánh cũng đều là như vậy cả.

Lại nữa, chư đại Bồ tát, khi hành Ma ha diễn, đã dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật để tu các thiện pháp nhằm dẫn đến đạo Niết Bàn, mà vẫn biết rõ các pháp ấy đều chẳng có hợp, chẳng có tan, chẳng có sắc, chẳng có hình, chẳng có đối..., vì đều chỉ là một tướng (nhất tướng), là chẳng có tướng (vô tướng) vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Ma ha diễn tức là Bát nhã Ba-la-mật, vì 2 pháp này chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Phẩm Thứ Hai Mười Lăm



Thập Vô
(Mười Điều Không)

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát Ma ha tát quá khứ bất khả đắc, hiện tại bất khả đắc, vị lai bất khả đắc.

Vì sao? Sắc, ..., dẫn đến thức vô biên, nên Bồ tát Ma ha tát cũng vô biên.

Sắc, ..., dẫn đến thức là Bồ tát Ma ha tát, sắc, ..., dẫn đến thức bất khả đắc, nên Bồ tát Ma ha tát cũng bất khả đắc. Ở nơi hết thấy các chỗ mà tầm cầu Bồ tát Ma ha tát, thì cũng đều là bất khả đắc cả.

Bạch Thế Tôn! Con phải dạy Bát nhã Ba-la-mật cho hạng Bồ tát nào?

Bạch Thế Tôn! Bồ tát chỉ là danh tự. Ví như nói ngã là danh tự thì ngã là rốt ráo bất sanh. Ví như nói ngã là tự tánh không, thì hết thấy các pháp cũng đều là tự tánh không cả.

Thế nào là sắc rốt ráo bất sanh? Ví như nói ngã là tự tánh không, thì hết thấy các pháp cũng đều là tự tánh không cả.

Thế nào là sắc rốt ráo bất sanh? Thế nào là thọ, tưởng, hành, thức rốt ráo bất sanh?

Bạch Thế Tôn! Nếu sắc là rốt ráo bất sanh, thì chẳng thể gọi là sắc được. Nếu thọ, tưởng, hành, thức là rốt ráo bất sanh, thì chẳng thể gọi là thọ, tưởng, hành, thức được.

Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy pháp là rốt ráo bất sanh, thì con có thể dạy Bát nhã Ba-la-mật cho Bồ tát được chăng? Nhưng nếu rốt ráo bất sanh, thì chẳng sao có được Bồ tát hành Vô thượng bồ đề.

Bạch Thế Tôn! Nếu có Bồ tát nào nghe các lời này, mà tâm chẳng chìm đắm, chẳng hối, chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, thì phải biết đó là hạng Bồ tát Ma ha tát thường hành Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi ngài **Tu Bồ Đề**: Thưa ngài **Tu Bồ Đề**! Xin ngài cho biết:

- Vì nhân gì mà ngài nói Bồ tát quá khứ bất khả đắc, Bồ tát hiện tại bất khả đắc, Bồ tát vị lai bất khả đắc?

- Vì nhân duyên gì mà ngài nói sắc vô biên, ..., dẫn đến thức vô biên, nên Bồ tát cũng vô biên?

- Vì nhân duyên gì mà ngài nói sắc, ..., dẫn đến thức là Bồ tát? Và nói sắc, ..., dẫn đến thức bất khả đắc, nên Bồ tát cũng bất khả đắc?

- Vì nhân duyên gì mà ngài nói ở nơi hết thấy chỗ muốn tầm cầu Bồ tát, thì cũng đều là bất khả đắc? Và nói như vậy, thì phải dạy Bát nhã Ba-la-mật cho hạng Bồ tát nào?

- Vì nhân duyên gì mà ngài nói Bồ tát chỉ là danh tự?

- Vì nhân duyên gì mà ngài nói nếu ngã là danh tự, thì ngã là rốt ráo bất sanh? Và nói nếu ngã là tự tánh không, thì các pháp cũng đều là tự tánh không? Thế nào là sắc rốt ráo bất sanh, ..., dẫn đến thế nào là thức rốt ráo bất sanh?

- Vì nhân duyên gì mà ngài nói sắc rốt ráo bất sanh thì chẳng thể gọi là sắc, ..., dẫn đến thức rốt ráo bất sanh, thì chẳng thể gọi là thức?

- Vì nhân duyên gì mà ngài nói hết thấy pháp rốt ráo bất sanh thì có thể dạy Bát nhã Ba-la-mật cho Bồ tát được chăng?

- Vì nhân duyên gì mà ngài nói nếu ly rốt ráo bất sanh, thì chẳng sao có được Bồ tát hành Vô thượng bồ đề?

- Vì nhân duyên gì mà ngài nói nếu có Bồ tát nào nghe lời nói này, mà tâm chẳng chìm đắm, chẳng hối, chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, thì phải biết đó là hạng Bồ tát Ma ha tát thường hành Bát nhã Ba-la-mật?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Xá Lợi Phất!

- Vì chúng sanh là vô sở hữu, nên Bồ tát quá khứ bất khả đắc, Bồ tát hiện tại bất khả đắc, Bồ tát vị lai bất khả đắc.

- Vì chúng sanh là không, là ly, nên Bồ tát quá khứ bất khả đắc.

- Vì 5 âm (từ sắc dẫn đến thức) là vô sở hữu, nên Bồ tát quá khứ bất khả đắc.

- Vì 5 âm tánh là vô sở hữu, là không, là ly, nên Bồ tát quá khứ bất khả đắc. Vì sao? Vì trong tánh không, thì quá khứ, hiện tại, vị lai đều bất khả đắc. Tánh không chẳng khác với Bồ tát; tánh không chẳng khác với quá khứ. Nên biết rằng “tánh không”, “quá khứ” và “Bồ tát” là những pháp chẳng phải hai, chẳng phải khác. Bởi vậy nên Bồ tát quá khứ là bất khả đắc.

- Vì 6 pháp Ba-la-mật là vô sở hữu, là không, là ly nên Bồ tát quá khứ bất khả đắc. Vì sao? Vì trong tánh không,

thì quá khứ, hiện tại, vị lai đều bất khả đắc. Tánh không chẳng khác với Bồ tát; tánh không chẳng khác với quá khứ. Nên biết rằng “tánh không”, “quá khứ” và “Bồ tát” là những pháp chẳng phải hai, chẳng phải khác. Bởi vậy nên Bồ tát quá khứ là bất khả đắc.

- Vì nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không là vô sở hữu, là không, là ly, nên Bồ tát quá khứ bất khả đắc. Vì 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp là vô sở hữu, là không, là ly, nên Bồ tát quá khứ bất khả đắc. Vì sao? Vì trong tánh không, thì quá khứ, hiện tại, vị lai đều bất khả đắc. Tánh không chẳng khác với Bồ tát; tánh không chẳng khác với quá khứ. Nên biết rằng “tánh không”, “quá khứ” và “Bồ tát” là những pháp chẳng phải hai, chẳng phải khác. Bởi vậy nên Bồ tát quá khứ là bất khả đắc.

- Vì hết thấy các tam muội, hết thấy các đà la ni đều là vô sở hữu, là không, là ly nên Bồ tát quá khứ bất khả đắc. Vì như pháp tánh thật tế, bất khả tư nghì tánh đều là vô sở hữu, là không, là ly nên Bồ tát quá khứ bất khả đắc. Vì Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ tát, Phật, đều là vô sở hữu, là không, là ly nên Bồ tát quá khứ bất khả đắc. Vì Vô thượng bồ đề, Nhất thiết chủng trí đều là vô sở hữu, là không, là ly nên Bồ tát quá khứ bất khả đắc. Vì sao? Vì trong tánh không, thì quá khứ, hiện tại, vị lai đều bất khả đắc. Tánh không chẳng khác với Bồ tát; tánh không chẳng khác với quá khứ. Nên biết rằng “tánh không”, “quá khứ” và “Bồ tát” là những pháp chẳng phải hai, chẳng phải khác. Bởi vậy nên Bồ tát quá khứ là bất khả đắc.

Dẫn đến Bồ tát hiện tại, Bồ tát vị lai cũng đều là là bất khả đắc cả.

LUẬN:

Hỏi: Trên đây nói Bồ tát và Bồ tát danh tự đều là bất khả đắc. Như vậy thì ngài Tu Bồ Đề vì ai mà nói Bát nhã Ba-la-mật?

Đáp: Ngài Tu Bồ Đề là vị đại đệ tử của Phật, là bậc “Hành Không Đệ Nhất”. Ngài thường nói về pháp “không”, nên chỗ ngài nói ra đều y như “không môn”, nhằm làm lợi ích cho chúng sanh cả.

Trước đây chỉ có lược nói về Bồ tát bất khả đắc. Nay rộng nói về nghĩa Bồ tát bất khả đắc. Vì Bồ tát là vô sở hữu, là không, là ly nên là bất khả đắc.

Nếu người tu hành quán các “pháp không” mà chẳng tùy thuận theo “vô tướng”, “vô tác”, nếu chẳng dùng “vô tác tâm” thì sẽ chẳng có muốn nghe, chẳng có muốn làm gì cả. Như vậy thì tư lợi còn chẳng muốn, hưởng nữa là lợi tha.

Bởi vậy nên Phật dạy: Bồ tát vào Bát nhã Ba-la-mật chẳng nên chấp ngã, chẳng nên phân biệt các pháp tướng, khi thật hành các thiện pháp. Các việc như vậy rất khó làm, nên người mới phát tâm thường nghĩ rằng: “Nếu hết thấy pháp là vô ngã, thì tu các thiện pháp làm gì nữa?”. Hạng người này do nghe nói Bát nhã Ba-la-mật là “vô tâm tướng”, nên thường dễ sanh tâm nhầm chán.

Bởi nhân duyên vậy, nên ngài Tu Bồ Đề phải nói rõ: Ngã, từ trước đến nay vốn là không, chẳng phải trước có mà nay không.

Người tu hành phải biết rõ “ngã” bản lai là như vậy, từ nơi vốn là không, nay cũng là không, chẳng có gì mất mát cả. Bởi vậy nên chẳng có gì phải kinh, phải hãi, phải sợ cả.

Ví như cây đại thọ có gốc rễ bám sâu vào đất, chẳng có thể một phen mà dùng rìu chặt để đốn hạ được. Người thợ rừng phải cưa phải chặt rất nhiều lần, lại phải đào bới đến tận sâu mới mong hạ được cây đến tận gốc rễ được.

Cũng như vậy, Bồ tát nghe nói về pháp không chẳng phải chỉ mới nghe qua một lần mà liền đoạn sạch phiền não kiết sử, mà liền vào được “pháp không”.

Bởi nhân duyên vậy, nên ngài Tu Bồ Đề phải rộng giải để chúng hội được thâm hiểu.

Hỏi: *Có pháp “Bồ tát” ở trong 3 đời chăng?*

Đáp: Nên biết rằng: Hiện tại chẳng phải là quá khứ, cũng chẳng phải vị lai. Quá khứ và vị lai đều do duyên hòa hợp đối đãi mà có và đều là không. Trước và sau đã là không thì hiện tại, ở chặng giữa cũng là không.

Lại nữa, nếu nói 5 âm là Bồ tát, thì 5 âm cũng là rốt ráo không, là vô lượng vô biên, là đồng với vô vi pháp.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát quá khứ là bất khả đắc, Bồ tát hiện tại là bất khả đắc, Bồ tát vị lai cũng là bất khả đắc.

Hỏi: *Nếu nói như vậy thì phải vì ai mà nói Bát nhã Ba-la-mật?*

Nếu ở hết thầy xứ, ở hết thầy thời, ở hết thầy chúng mà Bồ tát đều bất khả đắc thì còn nói Bát nhã Ba-la-mật với ai được nữa?

Lại nữa, nếu nói ngã là vô sở hữu, là rốt ráo không, là rốt ráo bất sanh, ..., dẫn đến nói chúng sanh là không, nói 5 âm là không thì làm sao có Bồ tát được nữa?

Đáp: Chúng sanh cũng như 5 âm là rốt ráo không, là rốt

ráo bất sanh. Người nào biết rõ như vậy là biết Bồ tát cũng là rốt ráo không, là rốt ráo bất sanh vậy.

Hỏi: *Vì sao nói “Sắc rốt ráo bất sanh, thì chẳng thể gọi là sắc, dẫn đến nói thọ, tướng, hành, thức, rốt ráo bất sanh, thì chẳng thể gọi là thọ, tướng, hành, thức”?*

Đáp: Vì 5 âm là tướng của “sanh thân”, mà ở nơi “vô phân biệt tướng” thì 5 âm là rốt ráo bất sanh. Bởi vậy nên chẳng có thể dùng 5 âm để giáo hóa ai được cả.

Nếu có Bồ tát nào nghe nói như vậy mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ thì phải biết đó là hạng Bồ tát thường hành Bát nhã Ba-la-mật.

Hỏi: *Ngã và Bồ tát cũng chỉ là một pháp. Như vậy làm sao lấy ngã để dụ cho Bồ tát được?*

Đáp: Vào được Bát nhã Ba-la-mật là vào được hết thấy “pháp không”.

Người sơ học chẳng thể biết rõ được ý này, nên cho đó là không trơn. Bởi vậy nên người tu hành trước hết phải phân biệt tội phước, nhằm tu phước, xả tội, khiến được quả báo phước đức. Thế nhưng sau đó lại phải biết rõ phước đức cũng là vô thường. Vì phước đức là vô thường sẽ sanh khổ, nên người tu phải xả phước đức thế gian để cầu đạo Niết Bàn.

-o0o-

Nên biết rằng do chấp ngã mà khởi sanh ra các phiền não, nhưng muốn tầm cầu các phiền não ở nơi 6 thức thì phiền não cũng là bất khả đắc. Vì sao? Vì phạm phu do chấp ngã mới điên đảo tầm cầu các tướng phiền não, còn người đã biết

rõ được lý vô ngã thì chẳng còn bị phiền não trói buộc, thì mới dễ lãnh thọ được giáo pháp.

Lại nữa, nếu chỉ nói sắc là không thì người sơ cơ nghe như vậy rất khó được giải. Vì sao? Vì tuy tai nghe nói sắc là không mà mắt vẫn thường thấy sắc, khiến vẫn thường chấp sắc là thật có.

Bởi vậy nên người tu hành phải phá “ngã chấp” trước đã rồi sau đó mới phá “pháp chấp”.

-o0o-

Nên biết rằng các bậc đệ tử của Phật đã chứng được đạo rồi, đều đã tự chứng được “vô ngã”. Còn người chưa được đạo thì chỉ tin được “pháp không”, mà chưa thật tin nơi “vô ngã”. Bởi vậy nên kinh thường lấy “vô ngã” làm dụ khi nói về các pháp như huyễn.

-o0o-

Trên đây ngài Tu Bồ Đề nói hết thấy pháp là không, Bồ tát cũng là không, nên đã dùng “vô ngã” dụ cho Bồ tát, cũng ví như dùng chất “thạch mật” để dụ cho nước “cam lồ” vậy.

Hỏi: *Ngài Xá Lợi Phất đã biết “không” tức là “vô ngã” rồi. Vì sao nay còn hỏi nữa?*

Đáp: Ngài Tu Bồ Đề là Thanh Văn, tự xét trí đức chưa được bằng chư đại Bồ tát, nên trước Phật ngài chẳng dám nói thâm nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật, sợ hàng sơ học Bồ tát khởi tâm nghi.

Ngài Xá Lợi Phất muốn đoạn nghi cho các vị tân học Bồ

tát đó nên mới nêu câu hỏi, đề ngài Tu Bồ Đề rộng giải về nghĩa Bát nhã Ba-la-mật.

Do ngài Xá Lợi Phất chất vấn mà ngài Tu Bồ Đề phải khéo phân biệt chỗ thâm nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật, khiến đại chúng sanh được tín tâm thanh tịnh.

Hỏi: *Vì sao nói người nào nghe nói Bồ tát quá khứ bất khả đắc, mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ là hạng người thường hành Bát nhã Ba-la-mật?*

Đáp: Các hàng Thanh Văn từ khi mới vào đạo, dẫn đến khi được quả vị A-la-hán, đều quán các pháp nhân duyên, nhưng vẫn chưa triệt ngộ được “tánh không”. Còn các bậc Bích Chi Phật, thì tuy đã được đạo, mà vẫn chưa đầy đủ từ bi tâm.

Phải là người hành đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, thâm nhập “pháp không”, mới đầy đủ từ bi tâm, mới được gọi là Bồ tát Ma ha tát.

Bởi nhân duyên vậy, nên mới đặt ra những danh xưng khác nhau, do công đức có sai khác nhau vậy.

Nên biết “ngã” và “chúng sanh” là chẳng phải hai, chẳng phải khác. Ví như trước cùng một sự việc, mà có người thọ khổ, có người người thọ lạc, chỉ vì tâm trạng của mỗi người mỗi khác vậy.

Hỏi: *Trước đây có nói “do nhân duyên chúng sanh không, mà Bồ tát cũng không”. Nay ngài Tu Bồ Đề lại nói thêm “do nhân duyên chúng sanh không, nên Bồ tát ở cả 3 đời đều không”.*

Như vậy, nếu chẳng có Bồ tát, thì 5 ấm cũng vẫn có chẳng?

Đáp: Vì muốn phá ngã chấp, mà nói chúng sanh là không,

là vô ngã. Vì vô ngã, nên 5 ấm cũng là không. Ví như, khi người chết rồi, thì sắc thân sẽ tan rã, khiến 5 ấm thân chẳng còn là vật ngã sở của người đó nữa. Bởi vậy nên nói 5 ấm là không, dẫn đến Bồ tát cũng là không.

Hỏi: Nếu nói 5 ấm là không, thì “không” có phải là Bồ tát chẳng?

Đáp: “5 ấm không” chẳng phải là Bồ tát. Vì sao? Vì “không” là “vô sở hữu”, là “vô phân biệt”. Khi 5 ấm ly tán, thì chẳng còn có “5 ấm tánh”, nên cũng chẳng còn có Bồ tát nữa.

Lại nữa, nếu 5 ấm là không, Bồ tát là không, thì 3 đời cũng là không. Người tu hành phải quán 5 ấm thân là không, 6 Ba-la-mật là không, Bồ tát pháp là không, dẫn đến Bồ tát cũng là không.

Phật nói nhân duyên các pháp đều không, nên “không” chẳng khác Bồ tát, Bồ tát chẳng khác “không”. Như vậy, Bồ tát là không, Bồ tát pháp là không, 3 đời cũng là không. Những pháp này chẳng phải hai, chẳng phải khác.

6 Ba-la-mật, dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng đều là như vậy. Người hành được các pháp như vậy, gọi là Bồ tát Ma ha tát.

Các hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, nếu vào được pháp không thì cũng sẽ được như chư Phật và chư Bồ tát, cũng sẽ biết rõ rằng tất cả Thanh Văn, Bích Chi Phật, Phật đều là bất khả đắc cả.

KINH:

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Sắc ví như hư không, dẫn đến thức cũng ví như hư không. Vì sao? Vì hư không chẳng có biên bờ, chẳng có chặng giữa. Do vì biên bờ và chặng

giữa đều bất khả đắc, nên mới có tên gọi là hư không, mới có danh pháp hư không vậy.

Cũng như vậy, sắc, ..., dẫn đến thức cũng chẳng có biên bờ, chẳng có chặng giữa. Do vì biên bờ và chặng giữa đều bất khả đắc, nên sắc là không, ..., dẫn đến thức là không. Trong “tánh không” đó chẳng có biên bờ, chẳng có chặng giữa.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói sắc là vô biên, thì Bồ tát cũng vô biên, dẫn đến nói thức vô biên thì Bồ tát cũng vô biên.

4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp cũng đều là như vậy.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Sắc và sắc tướng là không, ..., dẫn đến thức và thức tướng là không. Đàn Ba-la-mật và Đàn Ba-la-mật tướng là không, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật và Bát nhã Ba-la-mật tướng là không, nội không và nội không tướng là không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không và vô pháp hữu pháp không tướng là không, 4 niệm xứ và 4 niệm xứ tướng là không, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp và 18 bất cộng pháp tướng là không, như pháp tánh thật tế và như pháp tánh thật tế tướng là không, bất khả tư nghì tánh và bất khả tư nghì tánh tướng là không, tam muội môn và tam muội môn tướng là không, đà la ni môn và đà la ni môn tướng là không, Nhất thiết chủng trí và Nhất thiết chủng trí tướng là không, Thanh Văn thừa và Thanh Văn tướng là không, Bích Chi Phật thừa và Bích Chi Phật thừa tướng là không, Bồ tát thừa và Bồ tát thừa tướng là không, dẫn đến Phật thừa và Phật thừa tướng là không.

Trong “tánh không” thì sắc, ..., dẫn đến thức đều bất khả đắc. Bởi nhân duyên vậy, nên nói sắc là Bồ tát, ..., dẫn đến nói thức là Bồ tát cũng đều bất khả đắc cả.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Sắc ở trong sắc là bất khả đắc, thọ ở trong sắc là bất khả đắc, sắc ở trong thọ là bất khả đắc, thọ ở trong thọ là bất khả đắc, thọ ở trong tưởng là bất khả đắc, tưởng ở trong tưởng là bất khả đắc, thọ và tưởng ở trong sắc là bất khả đắc, hành ở trong hành là bất khả đắc, hành ở trong thọ và tưởng là bất khả đắc, hành ở trong thức là bất khả đắc, thức ở trong thức là bất khả đắc, thức ở trong sắc, thọ, tưởng và hành là bất khả đắc.

Lại nữa, nhãn ở trong nhãn là bất khả đắc, nhãn ở trong nhĩ là bất khả đắc, nhĩ ở trong nhĩ là bất khả đắc, nhĩ ở trong nhãn là bất khả đắc, nhĩ ở trong tỷ là bất khả đắc, tỷ ở trong tỷ là bất khả đắc, tỷ ở trong nhãn và nhĩ là bất khả đắc, tỷ ở trong thiệt là bất khả đắc, thiệt ở trong thiệt là bất khả đắc, thiệt ở trong nhãn, nhĩ, tỷ là bất khả đắc, thiệt ở trong thân là bất khả đắc, thân ở trong thân là bất khả đắc, thân ở trong nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt là bất khả đắc, thân ở trong ý là bất khả đắc, ý ở trong ý là bất khả đắc, ý ở trong nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt và thân là bất khả đắc.

Dẫn đến 6 trần, 6 thức, 6 xúc, 6 xúc nhân duyên sanh thọ cũng đều là như vậy.

Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không, 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, hết thấy các tam muội môn, hết thấy các đà la ni môn, tánh pháp, ..., dẫn đến Bích Chi Phật pháp, sơ địa, ..., dẫn đến thập địa, nhất thiết trí, đạo chủng trí, Nhất thiết chủng trí cũng đều là như vậy.

Tu-đà-hoàn, ..., dẫn đến A-la-hán, Bích Chi Phật Bồ tát, Phật cũng đều là như vậy.

Vì sao? Vì Bồ tát ở trong Bồ tát là bất khả đắc, Bát nhã Ba-la-mật ở trong Bát nhã Ba-la-mật là bất khả đắc,

Bát nhã Ba-la-mật ở trong Bồ tát là bất khả đắc. Bồ tát ở trong Bát nhã Ba-la-mật là bất khả đắc, giáo hóa vô sở hữu ở trong Bát nhã Ba-la-mật là bất khả đắc, giáo hóa vô sở hữu ở trong giáo hóa là bất khả đắc, Bồ tát và Bát nhã Ba-la-mật ở trong giáo hóa vô sở hữu là bất khả đắc.

Hết thấy các pháp đều là vô sở hữu, là bất khả đắc. Bởi nhân duyên vậy, nên ở nơi hết thấy xứ, nơi hết thấy thời, nơi hết thấy chúng, Bồ tát đều là bất khả đắc.

Như vậy chẳng có hạng Bồ tát nào để dạy Bát nhã Ba-la-mật cả.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Sắc là giả danh, ..., dẫn đến thức là giả danh, sắc giả danh chẳng phải là sắc, ..., dẫn đến thức giả danh chẳng phải là thức. Vì sao? Vì danh và danh tướng đều là tánh không. Nếu danh và danh tướng đều là không thì Bồ tát chẳng phải là Bồ tát. Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát chỉ là giả danh. Đàn Ba-la-mật chỉ là danh tự. Trong danh tự chẳng có Đàn Ba-la-mật, trong Đàn Ba-la-mật chẳng có danh tự. Dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật chỉ là danh tự, trong danh tự chẳng có Bát nhã Ba-la-mật, trong Bát nhã Ba-la-mật chẳng có danh tự. Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát chỉ là giả danh.

Nội không chỉ là danh tự, trong danh tự chẳng có nội không, trong nội không chẳng có danh tự. Dẫn đến vô hữu pháp không chỉ là danh tự, trong danh tự chẳng có vô hữu pháp không, trong vô hữu pháp không chẳng có danh tự... Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát chỉ là giả danh.

4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp chỉ là danh tự, các tam muội môn, các đà la nĩ môn, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí chỉ là danh tự. Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát chỉ là giả danh.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Ngã rốt ráo bất khả đắc, thì làm sao mà có sanh được. Dẫn đến tri giả, kiến giả rốt ráo bất khả đắc, thì làm sao mà có sanh được.

Nhãn, ..., dẫn đến ý, nhãn thức, ..., dẫn đến ý thức, nhãn xúc, ..., dẫn đến ý xúc, nhãn xúc nhân duyên sanh thọ dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ đều rốt ráo bất khả đắc, thì làm sao mà có sanh được.

Đàn Ba-la-mật dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật rốt ráo bất khả đắc, thì làm sao mà có sanh được.

4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp rốt ráo bất khả đắc, thì làm sao mà có sanh được.

Các tam muội môn, các đà la ni môn, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí rốt ráo bất khả đắc, thì làm sao mà có sanh được.

Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ tát, Phật rốt ráo bất khả đắc, thì làm sao mà có sanh được.

Lại nữa, nếu có pháp trước thì mới có pháp sau sanh. Nay pháp thể vốn là không, thì làm sao mà có sanh được. Bởi nhân duyên vậy, nên nói ngã cùng hết thấy pháp đều là rốt ráo bất sanh.

LUẬN:

Hỏi: Tâm và tâm sở là vô hình, nên chẳng có thể thấy được. Còn sắc có tướng, có hình thì sao cũng nói sắc là vô biên?

Đáp: Vì sắc pháp là vô sở xứ, nên là vô sắc, là bất khả đắc, là vô biên vậy.

Do có trừ lượng, có chấp xa gần, nặng nhẹ... mà phàm phu mới nói sắc có biên bờ.

Phật dạy 4 đại đều là vô sở xứ nên chẳng có biên bờ. Vì sao? Vì chẳng có thể dùng 5 thức mà trừ lượng về các đại được, chẳng có thể dùng đầu, dùng cân... mà đo lường các đại được. Bởi vậy nên nói sắc là vô biên.

Lại nữa, sắc quá khứ bất khả đắc, sắc vị lai bất khả đắc, nên nói sắc là vô biên, chẳng có bờ trước, chẳng có bờ sau, chẳng có chặng giữa.

Lại nữa, biên bờ của sắc chỉ là giả danh. Đây là do phân biệt mà có. Nếu sắc tán hoại thì biên bờ là bất khả đắc. Vì sao? Vì các pháp chẳng có định tướng vậy.

Lại nữa, vô vi pháp là bất sanh, bất diệt, nên khi quán được sắc là không, thì biết rõ vô số, vô lượng, vô biên sắc pháp cũng đều là không, cũng đều ví như hư không, cũng đồng là tướng vô vi vậy.

Như vậy, Bồ tát cũng như hết thảy pháp đều là bất khả đắc.

Bởi vậy nên nói 5 ấm vô biên, thì Bồ tát cũng vô biên, 4 niệm xứ dẫn đến 18 bất cộng pháp vô biên, thì Bồ tát cũng vô biên.

-o0o-

Nên biết, do tâm phân biệt mà giả thi thiết ra các pháp, lại do 5 ấm là vô số, vô lượng, vô biên là bất khả đắc nên chẳng thể nói sắc, ..., dẫn đến thức là Bồ tát được.

Lại cũng nên biết, nếu ly các tâm sở pháp, thì sắc chỉ là vô tình, chỉ ví như cây cỏ gạch ngói... nên chẳng thể gọi sắc là Bồ tát được. Trái lại nếu tâm và tâm sở ly sắc thân thì chẳng có chỗ y chi, nên cũng chẳng thể gọi sắc là Bồ tát được.

Bồ tát quán 6 pháp Ba-la-mật, 37 Phẩm trợ đạo, 18 không,

10 lực, 18 bất cộng pháp, như pháp tánh thật tế, bất khả tu nghị tánh, 3 giải thoát môn, hết thảy các tam muội môn và đà la ni môn, đạo chủng trí, nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí, 3 thừa pháp... đều là tự tướng không cả.

Bồ tát lại quán 6 pháp Ba-la-mật và 6 pháp Ba-la-mật tướng, 5 âm và 5 âm tướng, 12 nhập và 12 nhập tướng, 18 giới và 18 giới tướng, ..., dẫn đến quán nhất thiết trí và nhất thiết trí tướng, Nhất thiết chủng trí và Nhất thiết chủng trí tướng, quán Thanh Văn và Thanh Văn tướng, Bích Chi Phật và Bích Chi Phật tướng, Bồ tát và Bồ tát tướng, Phật và Phật tướng đều là tự tướng không cả.

-o0o-

Người tu hành quán thường, quán vô thường có thể vào được 1 môn, 2 môn, ..., dẫn đến vào được vô lượng môn, được Nhất thiết chủng trí. Tuy nhiên muốn tầm cầu Bồ tát, thì Bồ tát là bất khả đắc. Vì sao? Vì ngay “tự pháp” đã là không thì “tha pháp” cũng là không.

Như trên đã nói: Sắc ở trong sắc là bất khả đắc, thọ ở trong thọ là bất khả đắc, sắc ở trong thọ là bất khả đắc, thọ ở trong sắc là bất khả đắc, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật ở trong Bát nhã Ba-la-mật là bất khả đắc, giáo hóa ở trong giáo hóa là bất khả đắc. Vì sao? Vì Bồ tát chỉ là danh tự. Đã là danh tự thì Bồ tát cũng như 5 âm là tán hoại, là tịch diệt, là như hư không vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bồ tát chỉ là giả danh. Ví như nhà huyền thuật hóa tác ra các huyền vật, huyền sự, rồi dùng các danh tự mà đặt tên cho các sự vật ấy.

Ngài Tu Bồ Đề nói với ngài Xá Lợi Phất rằng: Chẳng

phải chỉ riêng Bồ tát là giả danh, mà 5 âm cũng là giả danh. Trong giả danh thì tướng của “giả danh pháp” ấy là bất khả đắc. Đây là xét về đệ nhất nghĩa vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bồ tát là phi Bồ tát. Người thật hành 6 pháp Ba-la-mật được Nhất thiết chủng trí gọi là Bồ tát. Nhưng Bồ tát cũng như Bồ tát pháp cũng đều là danh tự, là không, là vô sở hữu.

Hết thảy các pháp đều bình đẳng tánh. Thế nhưng người thế gian đã gượng ép đặt cho mỗi pháp một tên riêng, mà chẳng biết rằng hết thảy các pháp đều do duyên hòa hợp sanh, và đều chẳng phải thật có.

-o0o-

Trước đây đã nói ngã và danh tự ngã là rốt ráo bất sanh. Nay ngài Tu Bồ Đề nói rõ về “chúng sanh không” và “pháp không”, nhằm phá các chấp về ngã và pháp. Vì sao? Vì ngã bất khả đắc, ..., dẫn đến tri giả, kiến giả bất khả đắc, nên chẳng làm sao mà có sanh được, sắc, ..., dẫn đến thức bất khả đắc, nên chẳng làm sao mà có sanh được, nhãn, ..., dẫn đến ý bất khả đắc, nên chẳng làm sao mà có sanh được, nhãn thức, ..., dẫn đến ý thức bất khả đắc, nên chẳng làm sao mà có sanh được, nhãn xúc, ..., dẫn đến ý xúc bất khả đắc, nên chẳng làm sao mà có sanh được, nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ bất khả đắc, nên chẳng làm sao mà có sanh được, các tam muội, các đà la ni, ..., dẫn đến Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ tát, Phật đều bất khả đắc, nên chẳng làm sao mà có sanh được. Vì sao? Vì nếu các pháp trước mà có, thì mới có thể nói có các pháp sau sanh ra được. Do vì pháp thể vốn đã là không thì chẳng có thể nói có pháp tự sanh ra được vậy.

KINH:

Thưa ngài Xá Lợi Phất!

* Vì sao ngã và các pháp đều là tự tánh không?

- Ngã và các pháp đều do duyên hòa hợp sanh, nên là tự tánh không. Sắc, ..., dẫn đến thức do duyên hòa hợp sanh, nên là tự tánh không. Sắc, ..., dẫn đến pháp do duyên hòa hợp sanh, nên là tự tánh không. Nhãn, ..., dẫn đến ý do duyên hòa hợp sanh, nên là tự tánh không. Nhãn thức, ..., dẫn đến ý thức do duyên hòa hợp sanh, nên là tự tánh không. Nhãn xúc, ..., dẫn đến ý xúc do duyên hòa hợp sanh, nên là tự tánh không.

Nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ do duyên hòa hợp sanh, nên là tự tánh không. Địa chủng, ..., dẫn đến thức chủng do duyên hòa hợp sanh, nên là tự tánh không. Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật do duyên hòa hợp sanh, nên là tự tánh không. 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp do duyên hòa hợp sanh, nên là tự tánh không.

* Vì sao các pháp vô thường mà chẳng đoạn diệt?

- Sắc, ..., dẫn đến thức là vô thường, mà chẳng đoạn diệt. Cũng như vậy, hết thấy pháp đều là vô thường mà chẳng đoạn diệt. Do vì “vô thường tướng” cũng tức là “động tướng”, là “không tướng” vậy. Bởi nhân duyên vậy, nên nói hết thấy pháp đều là vô thường mà chẳng đoạn diệt.

* Vì sao các pháp là phi thường, phi diệt?

- Sắc, ..., dẫn đến thức là phi thường, phi diệt. Cũng như vậy, hết thấy pháp đều là phi thường, phi diệt. Do vì tánh của các pháp tự là như vậy nên nói hết thấy pháp đều là phi thường và cũng là phi diệt.

*** Vì sao các pháp là rốt ráo bất sanh?**

- Sắc, ..., dẫn đến thức là phi tác pháp, là chẳng phải pháp được tạo tác ra. Cũng như vậy, hết thấy pháp đều là phi tác pháp, đều chẳng phải pháp được tạo tác ra. Do vì tác giả là bất khả đắc, chẳng có tác giả làm ra các pháp, nên nói hết thấy pháp là rốt ráo bất sanh.

*** Vì sao sắc rốt ráo bất sanh, thì chẳng phải là sắc, ..., dẫn đến thức rốt ráo bất sanh thì chẳng phải là thức?**

- Sắc là tánh không, ..., dẫn đến thức là tánh không. Tánh không có nghĩa là vô sanh, vô trú, vô dị, vô diệt.

Cũng như vậy, nhãn, ..., dẫn đến ý, nhãn thức, ..., dẫn đến ý thức, nhãn xúc, ..., dẫn đến ý xúc, nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ đều là tánh không, và tánh không có nghĩa là vô sanh, vô trú, vô dị, vô diệt.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói sắc rốt ráo bất sanh thì chẳng phải là sắc, ..., dẫn đến thức rốt ráo bất sanh thì chẳng phải là thức.

*** Vì sao nói nếu các pháp rốt ráo bất sanh, thì có nên dạy Bát nhã Ba-la-mật cho Bồ tát chăng?**

- Rốt ráo bất sanh tức là Bát nhã Ba-la-mật, Bát nhã Ba-la-mật tức là rốt ráo bất sanh. Rốt ráo bất sanh và Bát nhã Ba-la-mật là chẳng phải hai, là chẳng phải khác.

- Bởi nhân duyên vậy, nên tôi bạch Phật: Nếu các pháp rốt ráo là bất sanh thì có nên dạy Bát nhã Ba-la-mật cho Bồ tát chăng?

*** Vì sao nói ly rốt ráo bất sanh, thì chẳng có Bồ tát hành Vô thượng bồ đề?**

- Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng thấy rốt ráo bất sanh khác với Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thấy rốt ráo bất sanh khác với Bồ tát. Vì sao? Vì rốt ráo bất sanh, Bát nhã Ba-la-mật và Bồ tát là những pháp chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Bồ tát cũng chẳng thấy rốt ráo bất sanh khác với sắc, thọ, tưởng, hành, thức, ..., dẫn đến chẳng thấy rốt ráo bất sanh khác với Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì rốt ráo bất sanh, sắc, thọ, tưởng, hành, thức, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí là những pháp chẳng phải hai, chẳng phải khác.

- Bởi nhân duyên vậy, nên nói lý rốt ráo bất sanh thì chẳng có Bồ tát hành Vô thượng bồ đề.

* Vì sao nói nếu Bồ tát nào nghe nói lời này mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ thì đó là Bồ tát Ma ha tát hành Bát nhã Ba-la-mật?

- Bồ tát Ma ha tát hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng thấy có tướng hay biết về các pháp, vì biết rõ các pháp đều là như mộng, như huyễn, như điệm, như ảnh, như hóa.

- Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát nghe nói các pháp này mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ.

LUẬN:

Theo như trên đây, thì Bồ tát biết rõ các pháp đều là tự tướng không, nên dùng tánh không để phá các chấp về tự tướng của các pháp.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Các pháp do duyên hòa hợp sanh nên đều là tự tướng không. Do 5 âm hòa hợp mà có Bồ tát, có Bồ tát danh tự, có Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật, có Bồ tát hành các thiện pháp... Thế nhưng, hết thấy các pháp đều chi là giả danh, đều là tự tướng không cả.

Ví như, mắt thấy cảnh, phải hội đủ các duyên hòa hợp như: Nhãn căn duyên sắc trần phải nương vào ánh sáng, phải có đủ khoảng hư không, lại phải có thêm bao nhiêu thứ duyên khác, mới thành tựu được như sự thấy. Bởi vậy nên nói “pháp thấy” là rốt ráo không, là như mộng, như huyễn. Dẫn đến hết thảy các pháp cũng đều là như mộng, như huyễn cả.

Lại nữa, nên biết hết thảy pháp đều chẳng phải thường (vô thường), chẳng phải đoạn (vô đoạn). Nói vô thường là nhằm phá chấp thường; còn nói vô đoạn là nhằm phá chấp đoạn.

Chấp “thường còn” và chấp “đoạn diệt” đều là các kiến chấp điên đảo. Nếu Bồ tát biết rõ các pháp như vậy, thì vào được “thật tướng môn”, nên Ngài Tu Bồ Đề nói: Vô thường tướng là động tướng, là không tướng vậy.

-o0o-

Lại nữa, nên biết 5 ấm là rốt ráo bất sanh, vì tướng sanh là bất khả đắc; dẫn đến 5 ấm chẳng phải là tác pháp, vì tác giả là bất khả đắc. Vì sao? Vì sắc là phi sắc, là chẳng phải sắc, ..., dẫn đến thức là phi thức, là chẳng phải thức.

Nơi đây, Ngài Tu Bồ Đề muốn nói: Sắc do duyên hòa hợp sanh là tự tướng không, là vô tướng, là pháp vô sanh, vô trú, vô dị, vô diệt. Dẫn đến thọ, tưởng, hành, thức cũng đều là như vậy cả.

Lại nữa, tướng bất sanh chẳng phải là tướng hữu vi nên pháp vô sanh nhiếp về vô vi pháp. Hết thảy các pháp đều rốt ráo bất sanh như vậy cả.

Hỏi: *Nếu các pháp đều rốt ráo bất sanh thì còn dạy Bát nhã Ba-la-mật cho ai được nữa?*

Đáp: Rốt ráo bất sanh chính là thật tướng pháp. Mà thật tướng pháp chính là Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Hỏi: *Bồ tát cũng rốt ráo bất sanh. Như vậy làm sao mà giáo hóa Bát nhã Ba-la-mật cho Bồ tát được?*

Đáp: Nếu ly rốt ráo bất sanh mà có Bồ tát thì mới nói có pháp Bát nhã Ba-la-mật để giáo hóa cho Bồ tát. Vì sao? Vì rốt ráo bất sanh, Bát nhã Ba-la-mật và Bồ tát là những pháp chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Hỏi: *Nếu như vậy thì vì sao còn dạy cho người hành đạo phải ly rốt ráo bất sanh?*

Đáp: Như trên đây đã nói: Nếu Bồ tát nào nghe nói lời này mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, thì phải biết đó là Bồ tát Ma ha tát đã vào được thật tướng của các pháp. Ở trong đó, Bồ tát chẳng còn thấy có chúng sanh, chẳng còn thấy ngã, dẫn đến chẳng còn thấy tri giả, kiến giả, chẳng còn thấy có người thuyết pháp, có người nghe pháp, chẳng còn thấy có tà thuyết, có chánh thuyết. Vì sao? Vì đã biết rõ hết thảy pháp đều do duyên hòa hợp sanh, khi hội đủ duyên hòa hợp thì có sanh, khi các duyên ly tán thì là diệt. Bồ tát biết rõ hết thảy các pháp đều là hư vọng, là như huyễn, là chẳng có định tướng, là bất sanh, bất diệt. Bởi vậy nên dù phải chết cấp thời, dù phải đọa vào địa ngục, Bồ tát vẫn giữ tâm bất động, chẳng hề sanh sợ hãi.

Ví như người nằm mộng thấy bao nhiêu cảnh tượng kinh hoàng, sanh tâm sợ hãi, nhưng khi vừa tỉnh mộng là liền biết rõ cảnh trong mộng chỉ là hư vọng, khiến các nỗi sợ hãi liền tan biến. Cũng như vậy, người tu hành khi còn vọng tâm, còn bị các pháp thế gian trói buộc, thì còn sợ hãi. Nhưng khi đã vào được thật tướng pháp rồi, thì sẽ biết rõ các sự việc diễn

biên trong thế gian chỉ là những cảnh mộng dài, tương tục nối tiếp, biết rõ hết thấy các cảnh thế gian chỉ là hư vọng, chẳng thật có. Lúc bấy giờ thì chẳng còn sợ hãi nữa.

-o0o-

KINH:

Lúc bấy giờ ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát Ma ha tát quán các pháp như vậy nên chẳng thọ sắc, chẳng thấy sắc, chẳng trú sắc, chẳng chấp sắc, chẳng nói đó là sắc. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng đều là như vậy.

Đối với nhãn, ..., dẫn đến đối với ý, Bồ tát cũng chẳng thọ, chẳng thấy, chẳng trú, chẳng chấp, chẳng nói đó là nhãn, ..., dẫn đến chẳng nói đó là ý.

Đối với Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát cũng chẳng thọ, chẳng thấy, chẳng trú, chẳng chấp, chẳng nói đó là Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến chẳng nói đó là Bát nhã Ba-la-mật.

Đối với nội không, ..., dẫn đến đối với vô pháp hữu pháp không, Bồ tát cũng chẳng thọ, chẳng thấy, chẳng trú, chẳng chấp, chẳng nói đó là nội không, ..., dẫn đến chẳng nói đó là vô pháp hữu pháp không.

Đối với 4 niệm xứ, ..., dẫn đến đối với 18 bất cộng pháp, Bồ tát cũng chẳng thọ, chẳng thấy, chẳng trú, chẳng chấp, chẳng nói đó là 4 niệm xứ, ..., dẫn đến chẳng niệm đó là 18 bất cộng pháp.

Đối với các tam muội môn, các đà la ni môn, ..., dẫn đến đối với Nhất thiết chủng trí, Bồ tát cũng chẳng thọ, chẳng thấy, chẳng trú, chẳng chấp, chẳng nói đó là tam

muội môn, là đà la ni môn, ..., dẫn đến chẳng nói đó là Nhất thiết chủng trí .

Bạch Thế Tôn! Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát Ma ha tát chẳng thấy sắc, ..., dẫn đến chẳng thấy Nhất thiết chủng trí. Vì sao?

- Sắc chẳng sanh thì chẳng phải là sắc, ..., dẫn đến thức chẳng sanh thì chẳng phải là thức.

Nhãn chẳng sanh thì chẳng phải là nhãn, ..., dẫn đến ý chẳng sanh thì chẳng phải là ý.

Đàn Ba-la-mật chẳng sanh thì chẳng phải là Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật chẳng sanh thì chẳng phải là Bát nhã Ba-la-mật.

Nội không chẳng sanh thì chẳng phải là nội không, ..., dẫn đến vô hữu pháp không chẳng sanh thì chẳng phải là vô hữu pháp không. Vì sao?

- Sắc chẳng sanh thì chẳng phải hai, chẳng phải khác, ..., dẫn đến thức chẳng sanh là chẳng phải hai, chẳng phải khác. Nhãn chẳng sanh thì chẳng phải hai, chẳng phải khác, ..., dẫn đến ý chẳng sanh là chẳng phải hai, chẳng phải khác. Đàn Ba-la-mật chẳng sanh thì chẳng phải hai, chẳng phải khác, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật chẳng sanh là chẳng phải hai, chẳng phải khác. Nội không chẳng sanh thì chẳng phải hai, chẳng phải khác, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không chẳng sanh là chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Bạch Thế Tôn! 4 niệm xứ chẳng sanh thì chẳng phải là 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp chẳng sanh thì chẳng phải là 18 bất cộng pháp. Pháp như, pháp tánh, thật tế, bất khả tư nghì tánh chẳng sanh, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí chẳng sanh thì chẳng phải là pháp

như, pháp tánh, thật tế, bất khả tư nghì tánh, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí. Vì sao?

Vì 4 niệm xứ chẳng sanh, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí chẳng sanh thì chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Bạch Thế Tôn! Các pháp bất sanh (chẳng sanh) là chẳng phải đồng cũng chẳng phải khác. Bởi vậy nên pháp bất sanh (chẳng sanh) là phi pháp (chẳng phải pháp): Sắc bất sanh là phi sắc, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí bất sanh là phi Nhất thiết chủng trí.

Bạch Thế Tôn! Sắc chẳng diệt thì chẳng phải là sắc, ..., dẫn đến thức chẳng diệt thì chẳng phải là thức. Nhân chẳng diệt thì chẳng phải là nhân, ..., dẫn đến ý chẳng diệt thì chẳng phải là ý. Đản Ba-la-mật chẳng diệt thì chẳng phải là Đản Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật chẳng diệt thì chẳng phải là Bát nhã Ba-la-mật. Nội không chẳng diệt thì chẳng phải là nội không, ..., dẫn đến vô hữu pháp không chẳng diệt thì chẳng phải là vô hữu pháp không. 4 niệm xứ chẳng diệt thì chẳng phải là 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp chẳng diệt thì chẳng phải là 18 bất cộng pháp. Pháp như, pháp tánh, thật tế, bất khả tư nghì tánh chẳng diệt thì chẳng phải là pháp như, pháp tánh, thật tế, bất khả tư nghì tánh, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí chẳng diệt thì chẳng phải là Nhất thiết chủng trí.

Bạch Thế Tôn! Các pháp bất diệt (chẳng diệt) là chẳng phải đồng cũng chẳng phải khác. Bởi vậy nên pháp bất diệt (chẳng diệt) là phi pháp (chẳng phải pháp). Sắc bất diệt là phi sắc, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí bất diệt là phi Nhất thiết chủng trí.

Bạch Thế Tôn! Pháp bất sanh, bất diệt là phi pháp. Vì sao? Vì hết thấy các pháp, sắc, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều nhập vào trong “pháp số bất nhị”.

LUẬN:

Theo lời kinh trên đây, ngài Tu Bồ Đề muốn nói rằng: Nếu Bồ tát quán 5 âm đều là không, thì sẽ hành được 5 chánh quán, có nghĩa là chẳng thọ, chẳng thấy, chẳng trú, chẳng chấp 5 âm và chẳng nói đó là 5 âm.

-o0o-

Bồ tát biết rõ 5 âm là vô thường, là nơi khởi sanh ra các phiền não thiêu đốt thân, não loạn tâm, nên chẳng thọ 5 âm tướng, cũng chẳng chấp 5 âm tướng.

Chẳng phải chỉ quán 5 âm là vô thường, mà Bồ tát còn quán 5 âm là không, nên chẳng chấp 5 âm tướng, chẳng trú trong 5 âm, chẳng y chỉ nơi 5 âm.

Vì sao? Vì khi đã biết rõ 5 âm là không mà mong tâm chấp “tánh không” ấy, thì liền bị các phiền não quấy nhiễu. Chỉ một niệm cầu, Bồ tát còn chẳng khởi hướng nữa là chấp đắm thân tâm. Bồ tát biết rõ thân tâm là nguồn gốc của bao nhiêu nghiệp tội:

- Thân thì chịu đói khát, nóng lạnh, chịu cảnh già, bệnh, chết.

- Tâm thì chứa nhóm vô lượng ưu bi, khổ não, tật đố, sân si, dẫn sanh vô lượng vô biên tội lỗi, khiến chúng sanh phải trôi lăn mãi trong các nẻo đường sanh tử. Vì chúng sanh chẳng biết rõ các pháp là vô thường, khổ, không vô ngã nên chẳng hề có được tự tại.

Bồ tát ở nơi “không môn” mà chẳng chấp “không” cũng chẳng rơi vào tà kiến, chấp về đoạn và thường, chẳng nói 5 âm là định pháp, dẫn đến chẳng nói Nhất thiết chủng trí là định pháp, vì biết rõ các pháp đều chẳng có định tướng.

Vì sao? Vì ở nơi 5 âm mà hành 5 chánh quán thì biết rõ 5 âm tướng là vô sanh tướng, là nhất tướng, là vô tướng, ..., dẫn đến hết thấy các pháp tướng cũng đều là vô sanh tướng, là nhất tướng, là vô tướng cả.

-o0o-

Lại nữa, vô sanh cùng Bát nhã Ba-la-mật là chẳng phải hai, chẳng phải khác. Khi vào được vô sanh tâm thì vào được Bát nhã Ba-la-mật, và ngược lại, vào được Bát nhã Ba-la-mật là vào được vô sanh tâm.

Các pháp đã là vô sanh tướng, thì cũng là vô diệt tướng, nên vô sanh tướng và vô diệt tướng là chẳng phải hai, chẳng phải khác. Bát nhã Ba-la-mật cùng vô sanh, vô diệt là chẳng phải hai, chẳng phải khác, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng là như vậy. Vì sao? Vì hết thấy các pháp tướng đều là nhất tướng, là vô tướng.

Hỏi: *Vì sao nói sắc, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều nhập vào trong “pháp số bất nhị”?*

Đáp: Khi chưa phá được sắc thì còn khởi thương, ghét, vui, buồn... còn sanh các kiết sử, còn chấp đắm nơi sắc. Khi đã phá sắc rồi thì lại sanh tà kiến, chấp sắc là không và trú ở nơi không đó.

Nay Phật dạy chư Bồ tát rằng: Bồ tát ở nơi sắc mà phải thường hành “trí huệ không”, mới biết rõ các pháp

đều “không” và đều là chẳng khác tướng, tức là “bất nhị tướng” vậy.

Bồ tát phải biết rõ các pháp đều là hư vọng, đều chẳng thật có, chỉ do tâm nhiếp thọ cảnh mà khởi sanh các chấp phân biệt về các pháp.

Nên biết tâm cảnh vốn bình đẳng, chẳng phải hai, chẳng phải khác, mà phạm phu vọng chấp tự có hai, có khác vậy thôi.

Bồ tát biết rõ tâm pháp, sắc pháp, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều là những pháp chẳng phải hai, chẳng phải khác. Như vậy gọi là “pháp số bất nhị”.

Ngài Tu Bồ Đề vì thương xót chúng sanh, vì muốn làm lợi lạc cho chúng sanh, mà nói “hết thấy các pháp đều nhập vào trong pháp số bất nhị” vậy.

(Hết quyển 52)